

Số: 232 /QĐ-TTYQG

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành “Tài liệu kỹ thuật đặc tả API Hệ thống cơ sở dữ liệu về dược”  
phiên bản 1.1 và “Hướng dẫn sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu về dược”**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM THÔNG TIN Y TẾ QUỐC GIA**

*Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược;*

*Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, kết nối các cơ sở cung ứng thuốc;*

*Căn cứ Thông tư số 11/TT-BYT ngày 16/05/2025 của Bộ Y tế Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc, Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc, Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc;*

*Căn cứ Quyết định 2233/QĐ-BYT ngày 19/05/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định 3485/QĐ-BYT ngày 18/11/2024 của Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ xây dựng, phát triển và quản lý, vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu về dược;*

*Căn cứ Quyết định 2909/QĐ-BYT ngày 14/09/2025 của Bộ Y tế về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị, thuê hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin của các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc, trực thuộc Bộ Y tế năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1867/ QĐ-BYT ngày 24/06/2026 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch triển khai Hệ thống cơ sở dữ liệu về dược;*

*Theo đề xuất của Trưởng phòng Dự án thông tin y tế.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Tài liệu kỹ thuật đặc tả API Hệ thống cơ sở dữ liệu về dược” phiên bản 1.1 và các “Hướng dẫn sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu về dược” dành cho cơ quan quản lý và cơ sở kinh doanh dược (*Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này*)

**Điều 2.** Các đối tượng thực hiện liên thông dữ liệu dược phẩm với Hệ thống cơ sở dữ liệu về dược theo bộ tài liệu đặc tả này bao gồm: cơ sở xuất/nhập khẩu, cơ sở bán buôn phân phối, nhà thuốc, quầy thuốc, cơ sở bán lẻ, cơ sở tổ chức chuỗi nhà thuốc theo Luật Dược sửa đổi 2024, các đơn vị cung cấp phần mềm trong lĩnh vực dược.

**Điều 3.** Quyết định này thay thế Quyết định 522/QĐ-TTYQG ngày 18/12/2025 của Giám đốc Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia về việc ban hành “Tài liệu kỹ thuật đặc tả API Hệ thống cơ sở dữ liệu về dược” phiên bản 1.0

**Điều 4.** Các Ông/Bà Lãnh đạo các Phòng, đơn vị thuộc Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng (để báo cáo);
- Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo;
- Cục Quản lý Dược;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Các đơn vị tại Điều 2(để thực hiện);
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**



**Đỗ Trường Duy**

**PHỤ LỤC 1**  
**“Tài liệu kỹ thuật đặc tả API Hệ thống cơ sở dữ liệu về dược” phiên bản 1.1**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 232 /QĐ-TTYQG ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia)*

**BẢNG GHI NHẬN THAY ĐỔI**

| Ngày thay đổi | Vị trí thay đổi | A*, M, D | Nguồn gốc | Phiên bản cũ | Mô tả thay đổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Phiên bản mới |
|---------------|-----------------|----------|-----------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 01/01/2026    | Toàn bộ         | A*       |           |              | Tạo mới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1.0           |
| 01/07/2026    | 5.1             | D        |           | 1.0          | Chỉnh sửa thông tin cấu hình Header API                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1.1           |
| 01/07/2026    | 5.2.1, 5.5, 5.6 | D        |           | 1.0          | Xóa mục 5.2.1, 5.5, 5.6                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1.1           |
| 01/07/2026    | 5.3             | D        |           | 1.0          | <ul style="list-style-type: none"><li>Bỏ các thông tin liên quan đến nguyên liệu làm thuốc (ingredients) trong response body</li><li>Bổ sung thêm trường thông tin lưu giá trị Số GPLH cũ (old_registration_number) và Địa chỉ nhà sản xuất (manufacturer.address) trong response body</li></ul>                                                   | 1.1           |
| 01/07/2026    | 5.3.1           | D        |           | 1.0          | <ul style="list-style-type: none"><li>Bỏ các thông tin liên quan đến nguyên liệu làm thuốc (ingredients) trong response body</li><li>Bỏ các trường thông tin packagings[].conversion_rate_to_base; packagings[].is_basic_unit</li><li>Bổ sung tiêu chí lọc theo khoảng thời gian cập nhật dữ liệu thuốc last_update_from, last_update_to</li></ul> | 1.1           |

| Ngày thay đổi | Vị trí thay đổi     | A*, M, D | Nguồn gốc | Phiên bản cũ | Mô tả thay đổi                                                                                                                                                                                 | Phiên bản mới |
|---------------|---------------------|----------|-----------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
|               |                     |          |           |              | - Bổ sung thêm trường thông tin lưu giá trị Số GPLH cũ (old_registration_number) , Địa chỉ nhà sản xuất (manufacturer.address) và Ngày cập nhật mới nhất (last_update_time)                    |               |
| 01/07/2026    | 5.4.1, 5.4.4, 5.4.7 | D        |           | 1.0          | - Bổ sung trường thông tin Quy cách đóng gói (items[.packaging_specifications)<br>- Bổ sung trường thông tin Số giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/kinh doanh thuốc (practice_license_code) | 1.1           |
| 01/07/2026    | 6.4.1, 6.4.2        | D        |           | 1.0          | Bổ sung thêm loại phiếu nhập khác và xuất khác                                                                                                                                                 | 1.1           |



# 1. GIỚI THIỆU

## 1.1. Mục đích

Tài liệu đặc tả API được ban hành nhằm mục đích thiết lập tiêu chuẩn kỹ thuật thống nhất trên toàn quốc cho việc kết nối, đồng bộ và trao đổi dữ liệu được phẩm theo thời gian thực giữa các phần mềm quản lý dược (phần mềm quản lý nhà thuốc, phần mềm quản lý kho phân phối, phần mềm ERP nhà máy sản xuất/nhập khẩu, ...) với Hệ thống cơ sở dữ liệu về dược do Trung tâm Y tế Quốc gia – Bộ Y tế vận hành.

## 1.2. Phạm vi áp dụng

- Áp dụng cho toàn bộ các nghiệp vụ được Bộ Y tế quy định phải báo cáo, kết nối hoặc chia sẻ dữ liệu với Hệ thống cơ sở dữ liệu về dược, bao gồm:
  - Thông tin thuốc, nguyên liệu làm thuốc, lô sản xuất, hoạt chất, giấy phép lưu hành, ...
  - Dữ liệu vận hành: báo cáo nhập – xuất – tồn, phân phối, điều chuyển, kiểm kê.
  - Dữ liệu bán lẻ: hoá đơn bán lẻ thuốc theo quy định.
- API được sử dụng cho mục đích kết nối tự động giữa các phần mềm nội bộ của các cơ sở dược và hệ thống cơ sở dữ liệu về dược, không dành cho ứng dụng người dùng cuối.

## 1.3. Đối tượng áp dụng

- Cơ sở xuất/ nhập khẩu.
- Cơ sở bán buôn, phân phối.
- Nhà thuốc, quầy thuốc, cơ sở bán lẻ.
- Cơ sở tổ chức chuỗi nhà thuốc.
- Doanh nghiệp phát triển phần mềm trong lĩnh vực dược.

## 1.4. Khái niệm, thuật ngữ

| STT | Thuật ngữ/Từ viết tắt | Mô tả                                                                                    |
|-----|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | API                   | <b>Application Programming Interface</b><br>Giao diện lập trình ứng dụng                 |
| 2   | HTTP                  | <b>HyperText Transfer Protocol</b><br>Giao thức truyền tải siêu văn bản                  |
| 3   | HTTPS/TLS             | Giao thức truyền dữ liệu an toàn qua mạng, sử dụng chứng chỉ TLS 1.3 để mã hóa. Bắt buộc |

| STT | Thuật ngữ/Từ viết tắt | Mô tả                                                                                                                               |
|-----|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       | cho tất cả API call.                                                                                                                |
| 4   | JSON                  | <b>JavaScript Object Notation</b><br>Định dạng dữ liệu nhẹ, dễ đọc, dùng để trao đổi thông tin giữa phần mềm và API.                |
| 5   | OAuth 2.0             | Tiêu chuẩn ủy quyền mở, sử dụng để xác thực và cấp quyền truy cập API mà không chia sẻ mật khẩu.                                    |
| 6   | Token (Access Token)  | Chuỗi mã hoá tạm thời được cấp sau khi xác thực, dùng để uỷ quyền các API Request. Token sẽ hết hạn sau một khoảng thời gian cụ thể |
| 7   | Cơ sở Dược            | Tên gọi chung cho Cơ sở xuất nhập khẩu/Cơ sở phân phối/Cơ sở bán lẻ dược phẩm                                                       |

## 2. KIẾN TRÚC API

| STT | Nội dung            | Mô tả                       |
|-----|---------------------|-----------------------------|
| 1   | Kiểu API            | RESTful API                 |
| 2   | Giao thức           | HTTPS                       |
| 3   | Phiên bản hiện hành | v2 (bắt buộc từ 01/01/2026) |
| 4   | Định dạng dữ liệu   | JSON (UTF-8)                |
| 5   | Xác thực            | OAuth2 + Bearer Token       |

## 3. MÔI TRƯỜNG TÍCH HỢP

| STT | Nội dung            | Mô tả                                                                                       |
|-----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Base URL Production | <a href="https://api.csdlduoc.com.vn/v2">https://api.csdlduoc.com.vn/v2</a>                 |
| 2   | Base URL Sandbox    | <a href="https://api-sandbox.csdlduoc.com.vn/v2">https://api-sandbox.csdlduoc.com.vn/v2</a> |

Để sử dụng môi trường sandbox của Hệ thống Cơ sở dữ liệu về Dược, các đơn vị vui lòng liên hệ theo số điện thoại: 19008255 nhánh 2 hoặc email: [nhic.hotro@moh.gov.vn](mailto:nhic.hotro@moh.gov.vn) hoặc gửi Công văn về Trung tâm Thông tin Y tế Quốc

gia – Bộ Y tế, ngõ 135, Núi Trúc – Giảng Võ – Hà Nội.

#### 4. DANH SÁCH API

| STT | Nhóm API                 | Tên API                                | URL                                                 |
|-----|--------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 1   | Xác thực                 | Xác thực bằng tài khoản                | POST /auth/login                                    |
| 2   | Danh mục                 | Đơn vị tính                            | GET /master/units                                   |
| 3   |                          | Quốc gia                               | GET /master/countries                               |
| 4   |                          | Nhóm thuốc                             | GET /master/drug-groups                             |
| 5   |                          | Đường dùng                             | GET /master/routes                                  |
| 6   |                          | Nhà sản xuất                           | GET /master/manufacturers                           |
| 7   |                          | Tỉnh/Thành phố                         | GET /master/provinces                               |
| 8   |                          | Xã/Phường                              | GET /master/communes                                |
| 9   | Thuốc                    | Danh sách thuốc                        | GET /master/drugs                                   |
| 10  |                          | Thông tin chi tiết thuốc               | GET /master/drugs/{drug_id}                         |
| 11  | Giao dịch<br>nhập - xuất | Tạo phiếu nhập hàng                    | POST /transactions/stock-in                         |
| 12  |                          | Xem thông tin chi tiết phiếu nhập hàng | GET /transaction/stock-in/{transaction_id}          |
| 13  |                          | Xem trạng thái xử lý phiếu nhập hàng   | GET /transaction/stock-in/{transaction_id}/status   |
| 14  |                          | Tạo phiếu xuất hàng                    | POST /transactions/stock-out                        |
| 15  |                          | Xem thông tin chi tiết phiếu xuất hàng | GET /transactions/stock-out/{transaction_id}        |
| 16  |                          | Xem trạng thái xử lý phiếu xuất hàng   | GET /transactions/stock-out/{transaction_id}/status |
| 17  |                          | Tạo phiếu kiểm kho                     | POST /transactions/stock-taking                     |
| 18  |                          | Xem thông tin chi tiết phiếu kiểm kho  | GET /transactions/stock-taking/{transaction_id}     |
| 19  |                          | Xem trạng thái xử lý                   | GET /transactions/stock-                            |

| STT | Nhóm API | Tên API        | URL                            |
|-----|----------|----------------|--------------------------------|
|     |          | phiếu kiểm kho | taking/{transaction_id}/status |

## 5. MÔ TẢ CHI TIẾT API

### 5.1. Xác thực

#### 5.1.1. Xác thực bằng tài khoản

Được sử dụng để xác thực người dùng (cơ sở kinh doanh được). Nếu xác thực thành công hệ thống sẽ cấp Access Token. Access Token được sử dụng để gọi các API nghiệp vụ.

##### a) Request

- **Method:** POST
- **URL:** /auth/login
- **Headers:**

| TT | Thuộc tính   | Bắt buộc | Giá trị                           | Mô tả |
|----|--------------|----------|-----------------------------------|-------|
| 1  | Content-Type | x        | application/x-www-form-urlencoded |       |

##### - Body:

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Độ dài tối đa | Bắt buộc | Mô tả                                                                                                                                                                                                            |
|----|------------|--------------|---------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | username   | string       | 200           | x        | Tên đăng nhập của cơ sở được cấp phát để liên thông dữ liệu.                                                                                                                                                     |
| 2  | password   | string       | 200           | x        | Mật khẩu đăng nhập của cơ sở kinh doanh được cấp đã được mã hoá Base64.<br><br><b>Ví dụ:</b> nếu mật khẩu đăng nhập của cơ sở kinh doanh được là “123456a@” thì trường này phải truyền giá trị là “MTIzNDU2YUA=” |

## b) Response

- **200:** Thành công. Dữ liệu được trả về dưới định dạng json

| TT | Tên trường   | Kiểu dữ liệu | Mô tả                                           |
|----|--------------|--------------|-------------------------------------------------|
| 1  | access_token | string       | JWT Token được sử dụng để gọi các API nghiệp vụ |
| 2  | token_type   | string       | Loại token. Mặc định là: "Bearer"               |
| 3  | expires_in   | integer      | Thời gian hiệu lực của access_token (giây).     |

- **400:** Thiếu tên đăng nhập hoặc mật khẩu
- **401:** Tên đăng nhập hoặc mật khẩu không hợp lệ
- **429:** Vượt quá giới hạn request cho phép
- **500:** Lỗi hệ thống

## 5.2. Danh mục

### 5.2.1. Đơn vị tính

#### a) Request

- **Method:** GET
- **URL:** /master/units
- **Headers:**

| TT | Thuộc tính    | Bắt buộc | Giá trị                                               | Mô tả                                      |
|----|---------------|----------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1  | Content-Type  | x        | application/x-www-form-urlencoded<br>application/json |                                            |
| 2  | Authorization | x        | Bearer {access_token}                                 | access_token nhận được từ các API xác thực |

- **Query Params:**

| TT | Thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả                                  |
|----|------------|--------------|----------|----------------------------------------|
| 1  | page       | integer      |          | Số trang cần lấy (mặc định là 1)       |
| 2  | page_size  | integer      |          | Số bản ghi trên mỗi trang (mặc định là |

|  |  |  |  |                |
|--|--|--|--|----------------|
|  |  |  |  | 20, tối đa 50) |
|--|--|--|--|----------------|

- **Path Variables:**

N/A

- **Body:**

N/A

**b) Response**

- **200:** Thành công. Dữ liệu được trả về dưới định dạng json

| TT  | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Mô tả                     |
|-----|------------|--------------|---------------------------|
| 1   | page       | integer      | Số trang dữ liệu          |
| 2   | total      | integer      | Tổng số bản ghi           |
| 3   | data       | array        | Danh sách các đơn vị tính |
| 3.1 | id         | string       | Mã đơn vị tính            |
| 3.2 | name       | string       | Tên đơn vị tính           |

- **400:** Định dạng dữ liệu không hợp lệ
- **401:** Access token hết hạn hoặc không hợp lệ
- **404:** Tài nguyên không tồn tại
- **429:** Vượt quá giới hạn request cho phép
- **500:** Lỗi hệ thống

### 5.2.2. Quốc gia

**a) Request**

- **Method:** GET

- **URL:** /master/countries

- **Headers:**

| TT | Thuộc tính    | Bắt buộc | Giá trị               | Mô tả                                      |
|----|---------------|----------|-----------------------|--------------------------------------------|
| 1  | Content-Type  | x        | application/json      |                                            |
| 2  | Authorization | x        | Bearer {access_token} | access_token nhận được từ các API xác thực |

- **Query Params:**

| TT | Thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả            |
|----|------------|--------------|----------|------------------|
| 1  | page       | integer      |          | Số trang cần lấy |

|   |           |         |  |                                                       |
|---|-----------|---------|--|-------------------------------------------------------|
|   |           |         |  | (mặc định là 1)                                       |
| 2 | page_size | integer |  | Số bản ghi trên mỗi trang (mặc định là 20, tối đa 50) |

- **Path Variables:**

N/A

- **Body:**

N/A

## b) Response

- **200:** Thành công. Dữ liệu được trả về dưới định dạng json

| TT  | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Mô tả                     |
|-----|------------|--------------|---------------------------|
| 1   | page       | integer      | Số trang dữ liệu          |
| 2   | total      | integer      | Tổng số bản ghi           |
| 3   | data       | array        | Danh sách các đơn vị tính |
| 3.1 | id         | string       | Mã quốc gia (ISO-3166)    |
| 3.2 | name       | string       | Tên quốc gia              |

- **400:** Định dạng dữ liệu không hợp lệ
- **401:** Access token hết hạn hoặc không hợp lệ
- **404:** Tài nguyên không tồn tại
- **429:** Vượt quá giới hạn request cho phép
- **500:** Lỗi hệ thống

## 5.2.3. Nhóm thuốc

### a) Request

- **Method:** GET

- **URL:** /master/drug-groups

- **Headers:**

| TT | Thuộc tính    | Bắt buộc | Giá trị               | Mô tả                                      |
|----|---------------|----------|-----------------------|--------------------------------------------|
| 1  | Content-Type  | x        | application/json      |                                            |
| 2  | Authorization | x        | Bearer {access_token} | access_token nhận được từ các API xác thực |

- **Query Params:**

| TT | Thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả                                                 |
|----|------------|--------------|----------|-------------------------------------------------------|
| 1  | page       | integer      |          | Số trang cần lấy (mặc định là 1)                      |
| 2  | page_size  | integer      |          | Số bản ghi trên mỗi trang (mặc định là 20, tối đa 50) |

- **Path Variables:**

N/A

- **Body:**

N/A

**b) Response**

- **200:** Thành công. Dữ liệu được trả về dưới định dạng json

| TT  | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Mô tả                |
|-----|------------|--------------|----------------------|
| 1   | page       | integer      | Số trang dữ liệu     |
| 2   | total      | integer      | Tổng số bản ghi      |
| 3   | data       | array        | Danh sách nhóm thuốc |
| 3.1 | id         | string       | Mã nhóm thuốc        |
| 3.2 | name       | string       | Tên nhóm thuốc       |

- **400:** Định dạng dữ liệu không hợp lệ
- **401:** Tên đăng nhập hoặc mật khẩu không hợp lệ
- **429:** Vượt quá giới hạn request cho phép
- **500:** Lỗi hệ thống

#### 5.2.4. Đường dùng

**a) Request**

- **Method:** GET
- **URL:** /master/routes
- **Headers:**

| TT | Thuộc tính    | Bắt buộc | Giá trị               | Mô tả                         |
|----|---------------|----------|-----------------------|-------------------------------|
| 1  | Content-Type  | x        | application/json      |                               |
| 2  | Authorization | x        | Bearer {access_token} | access_token nhận được từ các |



| TT | Thuộc tính | Bắt buộc | Giá trị | Mô tả        |
|----|------------|----------|---------|--------------|
|    |            |          |         | API xác thực |

- **Query Params:**

| TT | Thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả                                                 |
|----|------------|--------------|----------|-------------------------------------------------------|
| 1  | page       | integer      |          | Số trang cần lấy (mặc định là 1)                      |
| 2  | page_size  | integer      |          | Số bản ghi trên mỗi trang (mặc định là 20, tối đa 50) |

- **Path Variables:**

N/A

- **Body:**

N/A

**b) Response**

- **200:** Thành công. Dữ liệu được trả về dưới định dạng json

| TT  | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Mô tả                     |
|-----|------------|--------------|---------------------------|
| 1   | page       | integer      | Số trang dữ liệu          |
| 2   | total      | integer      | Tổng số bản ghi           |
| 3   | data       | array        | Danh sách các đơn vị tính |
| 3.1 | id         | string       | Mã đường dùng             |
| 3.2 | name       | string       | Tên đường dùng            |

- **400:** Định dạng dữ liệu không hợp lệ
- **401:** Access token hết hạn hoặc không hợp lệ
- **429:** Vượt quá giới hạn request cho phép
- **500:** Lỗi hệ thống

### 5.2.5. Nhà sản xuất

**a) Request**

- **Method:** GET
- **URL:** /master/manufacturers
- **Headers:**

| TT | Thuộc tính | Bắt buộc | Giá trị | Mô tả |
|----|------------|----------|---------|-------|
|----|------------|----------|---------|-------|

| TT | Thuộc tính    | Bắt buộc | Giá trị               | Mô tả                                      |
|----|---------------|----------|-----------------------|--------------------------------------------|
| 1  | Content-Type  | x        | application/json      |                                            |
| 2  | Authorization | x        | Bearer {access_token} | access_token nhận được từ các API xác thực |

**- Query Params:**

| TT | Thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả                                                 |
|----|------------|--------------|----------|-------------------------------------------------------|
| 1  | page       | integer      |          | Số trang cần lấy (mặc định là 1)                      |
| 2  | page_size  | integer      |          | Số bản ghi trên mỗi trang (mặc định là 20, tối đa 50) |

**- Path Variables:**

N/A

**- Body:**

N/A

**b) Response**

- **200:** Thành công. Dữ liệu được trả về dưới định dạng json

| TT  | Tên trường  | Kiểu dữ liệu | Mô tả                                        |
|-----|-------------|--------------|----------------------------------------------|
| 1   | page        | integer      | Số trang dữ liệu                             |
| 2   | total       | integer      | Tổng số bản ghi                              |
| 3   | data        | array        | Danh sách các đơn vị tính                    |
| 3.1 | id          | string       | Mã nhà sản xuất                              |
| 3.2 | name        | string       | Tên nhà sản xuất                             |
| 3.3 | country_id  | string       | Mã quốc gia                                  |
| 3.4 | province_id | string       | Địa chỉ của nhà sản xuất - Mã tỉnh/thành phố |
| 3.5 | commune_id  | string       | Địa chỉ của nhà sản xuất – Mã xã/phường      |
| 3.6 | street      | string       | Địa chỉ của nhà sản xuất – Số                |

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Mô tả               |
|----|------------|--------------|---------------------|
|    |            |              | nhà, tên đường, ... |

- **400:** Định dạng dữ liệu không hợp lệ
- **401:** Access token hết hạn hoặc không hợp lệ
- **429:** Vượt quá giới hạn request cho phép
- **500:** Lỗi hệ thống

### 5.2.6. Tỉnh/Thành phố

#### a) Request

- **Method:** GET
- **URL:** /master/provinces
- **Headers:**

| TT | Thuộc tính    | Bắt buộc | Giá trị               | Mô tả                                      |
|----|---------------|----------|-----------------------|--------------------------------------------|
| 1  | Content-Type  | x        | application/json      |                                            |
| 2  | Authorization | x        | Bearer {access_token} | access_token nhận được từ các API xác thực |

#### - Query Params:

| TT | Thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả                                                 |
|----|------------|--------------|----------|-------------------------------------------------------|
| 1  | page       | integer      |          | Số trang cần lấy (mặc định là 1)                      |
| 2  | page_size  | integer      |          | Số bản ghi trên mỗi trang (mặc định là 20, tối đa 50) |

#### - Path Variables:

N/A

#### - Body:

N/A

#### b) Response

- **200:** Thành công. Dữ liệu được trả về dưới định dạng json

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Mô tả            |
|----|------------|--------------|------------------|
| 1  | page       | integer      | Số trang dữ liệu |
| 2  | total      | integer      | Tổng số bản ghi  |

| TT  | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Mô tả                    |
|-----|------------|--------------|--------------------------|
| 3   | data       | array        | Danh sách Tỉnh/Thành phố |
| 3.1 | id         | string       | Mã tỉnh/thành phố        |
| 3.2 | name       | string       | Tên tỉnh/thành phố       |

- **400:** Định dạng dữ liệu không hợp lệ
- **401:** Access token hết hạn hoặc không hợp lệ
- **429:** Vượt quá giới hạn request cho phép
- **500:** Lỗi hệ thống

### 5.2.7. Xã/Phường

#### a) Request

- **Method:** GET
- **URL:** /master/communes
- **Headers:**

| TT | Thuộc tính    | Bắt buộc | Giá trị               | Mô tả                                      |
|----|---------------|----------|-----------------------|--------------------------------------------|
| 1  | Content-Type  | x        | application/json      |                                            |
| 2  | Authorization | x        | Bearer {access_token} | access_token nhận được từ các API xác thực |

#### - Query Params:

| TT | Thuộc tính  | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả                                                 |
|----|-------------|--------------|----------|-------------------------------------------------------|
| 1  | page        | integer      |          | Số trang cần lấy (mặc định là 1)                      |
| 2  | page_size   | integer      |          | Số bản ghi trên mỗi trang (mặc định là 20, tối đa 50) |
| 3  | province_id | string       |          | Mã tỉnh/thành phố                                     |

#### - Path Variables:

N/A

#### - Body:

N/A

#### b) Response

- **200:** Thành công. Dữ liệu được trả về dưới định dạng json

| TT  | Tên trường  | Kiểu dữ liệu | Mô tả               |
|-----|-------------|--------------|---------------------|
| 1   | page        | integer      | Số trang dữ liệu    |
| 2   | total       | integer      | Tổng số bản ghi     |
| 3   | data        | array        | Danh sách Xã/Phường |
| 3.1 | id          | string       | Mã Xã/Phường        |
| 3.2 | name        | string       | Tên Xã/Phường       |
| 3.3 | province_id | string       | Mã Tỉnh/Thành phố   |

- **400:** Định dạng dữ liệu không hợp lệ
- **401:** Access token hết hạn hoặc không hợp lệ
- **429:** Vượt quá giới hạn request cho phép
- **500:** Lỗi hệ thống

### 5.3. Thuộc

#### 5.3.1. Danh sách thuốc

##### a) Request

- **Method:** GET
- **URL:** /master/drugs
- **Headers:**

| TT | Thuộc tính    | Bắt buộc | Giá trị               | Mô tả                                      |
|----|---------------|----------|-----------------------|--------------------------------------------|
| 1  | Content-Type  | x        | application/json      |                                            |
| 2  | Authorization | x        | Bearer {access_token} | access_token nhận được từ các API xác thực |

##### - Query Params:

| TT | Thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả                                                 |
|----|------------|--------------|----------|-------------------------------------------------------|
| 1  | page       | integer      |          | Số trang cần lấy (mặc định là 1)                      |
| 2  | page_size  | integer      |          | Số bản ghi trên mỗi trang (mặc định là 20, tối đa 50) |

|   |                  |      |  |                                 |
|---|------------------|------|--|---------------------------------|
| 3 | last_update_from | date |  | Ngày cập nhật dữ liệu thuốc từ  |
| 4 | last_update_to   | date |  | Ngày cập nhật dữ liệu thuốc đến |

- **Path Variables:**

N/A

- **Body:**

N/A

**b) Response**

- **200:** Thành công. Dữ liệu được trả về dưới định dạng json

| TT  | Tên trường                       | Kiểu dữ liệu | Mô tả                                                                                                                          |
|-----|----------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | page                             | integer      | Số trang dữ liệu                                                                                                               |
| 2   | total                            | integer      | Tổng số bản ghi                                                                                                                |
| 3   | data                             | array        | Danh sách các thuốc                                                                                                            |
| 3.1 | id                               | string       | Mã định danh thuốc                                                                                                             |
| 3.2 | name                             | string       | Tên thuốc                                                                                                                      |
| 3.3 | drug_group_id                    | string       | Mã nhóm thuốc                                                                                                                  |
| 3.4 | registration_number              | string       | Số giấy phép lưu hành                                                                                                          |
| 3.5 | old_registration_number          | string       | Số giấy phép lưu hành cũ                                                                                                       |
| 3.6 | active_pharmaceutical_ingredient | string       | Hoạt chất.<br>Ví dụ: Coptis Rhizoma Dried Extract (4.5 ~ 7 → 1) 8,75mg, Ivy Leaf 30% Ethanol dried extract (5~7.5 → 1) 26,25mg |
| 3.7 | strength                         | string       | Hàm lượng.<br>Ví dụ: (0,025%)                                                                                                  |

| TT     | Tên trường             | Kiểu dữ liệu | Mô tả                                                       |
|--------|------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------|
|        |                        |              | 0,25mg/ml                                                   |
| 3.8    | routes                 | array        | Danh sách đường dùng                                        |
| 3.8.1  | id                     | string       | Mã đường dùng                                               |
| 3.8.2  | name                   | string       | Tên đường dùng                                              |
| 3.9    | prescription_status    | integer      | Phân loại thuốc kê đơn. Chi tiết tại mục 6.4.3              |
| 3.10   | special_control_type   | integer      | Phân loại thuốc kiểm soát đặc biệt. Chi tiết tại mục 6.4.4. |
| 3.11   | packagings             | array        | Các quy cách đóng gói của thuốc                             |
| 3.11.1 | packagings[].unit_id   | string       | Mã đơn vị tính                                              |
| 3.11.2 | packagings[].unit_name | string       | Tên đơn vị tính                                             |
| 3.11.3 | packagings[].gtin      | string       | Mã GTIN tương ứng với cấp độ đóng gói                       |
| 3.12   | last_update_time       | date         | Ngày chỉnh sửa gần nhất                                     |
| 3.13   | manufacturer           | object       | Thông tin nhà sản xuất                                      |
| 3.13.1 | manufacturer.id        | string       | Mã nhà sản xuất                                             |
| 3.13.2 | manufacturer.name      | string       | Tên nhà sản xuất                                            |
| 3.13.3 | manufacturer.country   | string       | Mã quốc gia sản xuất                                        |
| 3.13.4 | manufacturer.address   | string       | Địa chỉ nhà sản xuất                                        |
| 3.14   | approval_date          | date         | Ngày cấp số giấy phép lưu hành.                             |

| TT   | Tên trường  | Kiểu dữ liệu | Mô tả                       |
|------|-------------|--------------|-----------------------------|
| 3.15 | expiry_date | date         | Ngày hết hiệu lực lưu hành. |

- **400:** Định dạng dữ liệu không hợp lệ
- **401:** Access token hết hạn hoặc không hợp lệ
- **429:** Vượt quá giới hạn request cho phép
- **500:** Lỗi hệ thống

### 5.3.2. Thông tin chi tiết thuốc

#### a) Request

- **Method:** GET
- **URL:** /master/drugs/{drug\_id}
- **Headers:**

| TT | Thuộc tính    | Bắt buộc | Giá trị               | Mô tả                                      |
|----|---------------|----------|-----------------------|--------------------------------------------|
| 1  | Content-Type  | x        | application/json      |                                            |
| 2  | Authorization | x        | Bearer {access_token} | access_token nhận được từ các API xác thực |

- **Query Params:**

N/A

- **Path Variables:**

| TT | Thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Độ dài tối đa | Bắt buộc | Mô tả                                    |
|----|------------|--------------|---------------|----------|------------------------------------------|
| 1  | drug_id    | string       | 20            | x        | Mã định danh thuốc/Số giấy phép lưu hành |

- **Body:**

N/A

#### b) Response

- **200:** Thành công. Dữ liệu được trả về dưới định dạng json

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Mô tả              |
|----|------------|--------------|--------------------|
| 1  | id         | string       | Mã định danh thuốc |



| TT   | Tên trường                       | Kiểu dữ liệu | Mô tả                                                                                                                            |
|------|----------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2    | name                             | string       | Tên thuốc                                                                                                                        |
| 3    | drug_group_id                    | string       | Mã nhóm thuốc                                                                                                                    |
| 4    | registration_number              | string       | Số giấy phép lưu hành                                                                                                            |
| 5    | old_registration_number          | string       | Số giấy phép lưu hành cũ                                                                                                         |
| 6    | active_pharmaceutical_ingredient | string       | Hoạt chất.<br>Ví dụ:<br>Coptis Rhizoma Dried Extract (4.5 ~ 7 → 1) 8,75mg, Ivy Leaf 30% Ethanol dried extract (5~7.5 →1) 26,25mg |
| 7    | strength                         | string       | Hàm lượng.<br>Ví dụ: (0,025%) 0,25mg/ml                                                                                          |
| 8    | routes                           | array        | Danh sách đường dùng                                                                                                             |
| 8.1  | id                               | string       | Mã đường dùng                                                                                                                    |
| 8.2  | name                             | string       | Tên đường dùng                                                                                                                   |
| 9    | prescription_status              | integer      | Phân loại thuốc kê đơn. Chi tiết tại mục 6.4.3                                                                                   |
| 10   | special_control_type             | integer      | Phân loại thuốc kiểm soát đặc biệt. Chi tiết tại mục 6.4.4                                                                       |
| 11   | packagings                       | array        | Các quy cách đóng gói của thuốc                                                                                                  |
| 11.1 | packagings[].unit_id             | string       | Mã đơn vị tính                                                                                                                   |
| 11.2 | packagings[].unit_name           | string       | Tên đơn vị tính                                                                                                                  |
| 11.3 | packagings[].gtin                | string       | Mã GTIN tương ứng với cấp độ đóng gói                                                                                            |

| TT   | Tên trường           | Kiểu dữ liệu | Mô tả                           |
|------|----------------------|--------------|---------------------------------|
| 12   | manufacturer         | object       | Nhà sản xuất                    |
| 12.1 | manufacturer.id      | string       | Mã nhà sản xuất                 |
| 12.2 | manufacturer.name    | string       | Tên nhà sản xuất                |
| 12.3 | manufacturer.country | string       | Mã quốc gia sản xuất            |
| 12.4 | manufacturer.address | string       | Địa chỉ nhà sản xuất            |
| 13   | approval_date        | date         | Ngày cấp số giấy phép lưu hành. |
| 14   | expiry_date          | date         | Ngày hết hiệu lực lưu hành.     |

- **400:** Định dạng dữ liệu không hợp lệ
- **401:** Access token hết hạn hoặc không hợp lệ
- **403:** Không có quyền truy cập
- **404:** Thuộc không tồn tại
- **429:** Vượt quá giới hạn request cho phép
- **500:** Lỗi hệ thống

## 5.4. Giao dịch Nhập – Xuất

### 5.4.1. Tạo phiếu nhập hàng

API tạo giao dịch nhập hàng (nhập hàng từ nhà cung cấp, nhập đầu kỳ...).

#### a) Request

- **Method:** POST
- **URL:** /transactions/stock-in
- **Headers:**

| TT | Thuộc tính    | Bắt buộc | Giá trị               | Mô tả                                      |
|----|---------------|----------|-----------------------|--------------------------------------------|
| 1  | Content-Type  | x        | application/json      |                                            |
| 2  | Authorization | x        | Bearer {access_token} | access_token nhận được từ các API xác thực |

#### - Query Params:

N/A

#### - Path Variables:

N/A

- **Body:**

| TT | Tên trường          | Kiểu dữ liệu | Độ dài tối đa | Bắt buộc | Mô tả                                                                                                    |
|----|---------------------|--------------|---------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | transaction_date    | datetime     |               | x        | Ngày/giờ nhập hàng.                                                                                      |
| 2  | reason              | string       | 20            | x        | Lý do nhập/Loại phiếu nhập hàng. Chi tiết tại Mục 6.4.1.                                                 |
| 3  | supplier_id         | string       | 50            |          | Mã định danh nhà cung cấp. Nếu reason là “supplier”.                                                     |
| 4  | source_store_id     | string       | 50            |          | Mã định danh chi nhánh xuất hàng (nếu cơ sở có chuỗi nhà thuốc) trong trường hợp reason là “transfer-in” |
| 5  | source_warehouse_id | string       | 50            |          | Mã kho xuất trong trường hợp reason là “transfer-in”                                                     |
| 6  | target_store_id     | string       | 50            |          | Mã định danh chi nhánh nhập hàng (nếu cơ sở có chuỗi nhà thuốc) trong trường hợp reason là “transfer-in” |
| 7  | target_warehouse_id | string       | 50            |          | Mã kho nhập trong trường hợp reason là “transfer-in”                                                     |

|        |                                  |         |     |   |                                                                                                                                                                                                       |
|--------|----------------------------------|---------|-----|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8      | reference_number                 | string  | 50  | x | Số chứng từ nhập hàng                                                                                                                                                                                 |
| 9      | practice_license_code            | string  | 50  |   | Số giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/kinh doanh thuốc của cơ sở chi nhánh (nếu cơ sở có chuỗi nhà thuốc). Nhập thông tin nếu muốn dùng tài khoản cơ sở chính đầy đủ liệu cho các cơ sở thành viên |
| 10     | note                             | string  | 500 |   | Ghi chú                                                                                                                                                                                               |
| 11     | items                            | array   |     | x | Danh sách thuốc trong phiếu nhập                                                                                                                                                                      |
| 11.1   | items[].drug_id                  | string  | 20  | x | Mã định danh thuốc                                                                                                                                                                                    |
| 11.2   | items[].unit_id                  | string  | 20  | x | Mã đơn vị tính                                                                                                                                                                                        |
| 11.3   | items[].quantity                 | integer |     | x | Số lượng                                                                                                                                                                                              |
| 11.4   | items[].batch_no                 | string  | 50  | x | Số lô sản xuất                                                                                                                                                                                        |
| 11.5   | items[].packaging_specifications | string  | 500 |   | Quy cách đóng gói                                                                                                                                                                                     |
| 11.6   | items[].expiry_date              | date    |     | x | Hạn sử dụng                                                                                                                                                                                           |
| 11.7   | items[].manufacturer             | object  |     |   | Thông tin chi tiết nhà sản xuất                                                                                                                                                                       |
| 11.7.1 | items[].manufacturer.id          | string  | 20  |   | Mã nhà sản xuất                                                                                                                                                                                       |
| 11.7.2 | items[].manufacturer.name        | string  | 200 |   | Tên nhà sản xuất                                                                                                                                                                                      |

|        |                              |        |    |  |                                                           |
|--------|------------------------------|--------|----|--|-----------------------------------------------------------|
| 11.7.3 | items[].manufacturer.country | string | 5  |  | Mã quốc gia sản xuất                                      |
| 11.8   | items[].gtin                 | string | 50 |  | Mã GTIN tương ứng với từng cấp độ đóng gói                |
| 11.9   | items[].price                | float  |    |  | Đơn giá nhập thuốc (độ chính xác tới 2 chữ số thập phân). |

### b)Response

- **200:** Thành công. Dữ liệu được trả về dưới định dạng json

| TT | Tên trường     | Kiểu dữ liệu | Mô tả                                                          |
|----|----------------|--------------|----------------------------------------------------------------|
| 1  | transaction_id | string       | Mã ID của giao dịch                                            |
| 2  | status         | string       | Trạng thái tiếp nhận/xử lý của hệ thống. Chi tiết tại Mục 6.2. |

- **400:** Định dạng dữ liệu không hợp lệ
- **401:** Access token hết hạn hoặc không hợp lệ
- **429:** Vượt quá giới hạn request cho phép
- **500:** Lỗi hệ thống

### 5.4.2. Xem thông tin chi tiết Phiếu nhập hàng

API xem thông tin chi tiết phiếu nhập hàng (nhập hàng từ nhà cung cấp, nhập đầu kỳ...).

#### a)Request

- **Method:** GET
- **URL:** /transactions/stock-in/{transaction\_id}
- **Headers:**

| TT | Thuộc tính    | Bắt buộc | Giá trị               | Mô tả                                      |
|----|---------------|----------|-----------------------|--------------------------------------------|
| 1  | Content-Type  | x        | application/json      |                                            |
| 2  | Authorization | x        | Bearer {access_token} | access_token nhận được từ các API xác thực |

- **Query Params:**  
N/A
- **Path Variables:**

| TT | Thuộc tính     | Kiểu dữ liệu | Độ dài tối đa | Bắt buộc | Mô tả                     |
|----|----------------|--------------|---------------|----------|---------------------------|
| 1  | transaction_id | string       | 50            | x        | Mã Id của phiếu nhập hàng |

- **Body:**

N/A

**b)Response**

- **200:** Thành công. Dữ liệu được trả về dưới định dạng json

| TT | Tên trường          | Kiểu dữ liệu | Mô tả                                                                                                    |
|----|---------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | transaction_id      | string       | Mã ID của phiếu nhập hàng                                                                                |
| 2  | transaction_date    | datetime     | Ngày/giờ nhập hàng                                                                                       |
| 3  | reason              | string       | Lý do nhập. Chi tiết tại Mục 6.4.1                                                                       |
| 4  | supplier_id         | string       | Mã định danh nhà cung cấp trong trường hợp reason có giá trị là “supplier”                               |
| 5  | source_store_id     | string       | Mã định danh chi nhánh nhập hàng (nếu cơ sở có chuỗi nhà thuốc) trong trường hợp reason là “transfer-in” |
| 6  | source_warehouse_id | string       | Mã kho nhập trong trường hợp reason là “transfer-in”                                                     |
| 7  | target_store_id     | string       | Mã định danh chi nhánh xuất hàng (nếu cơ sở có chuỗi nhà thuốc) trong trường hợp reason là “transfer-in” |
| 8  | target_warehouse_id | string       | Mã kho xuất trong trường hợp reason là “transfer-in”                                                     |
| 9  | reference_number    | string       | Số chứng từ                                                                                              |
| 10 | items               | array        | Danh sách thuốc có trong phiếu nhập                                                                      |

| TT     | Tên trường                   | Kiểu dữ liệu | Mô tả                                                            |
|--------|------------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------|
| 10.1   | items[].drug_id              | string       | Mã định danh thuốc                                               |
| 10.2   | items[].unit_id              | string       | Mã đơn vị tính                                                   |
| 10.3   | items[].quantity             | integer      | Số lượng                                                         |
| 10.4   | items[].batch_no             | string       | Số lô sản xuất                                                   |
| 10.5   | items[].expiry_date          | date         | Hạn sử dụng                                                      |
| 10.6   | items[].manufacturer         | object       | Thông tin nhà sản xuất                                           |
| 10.6.1 | items[].manufacturer.id      | string       | Mã nhà sản xuất                                                  |
| 10.6.2 | items[].manufacturer.name    | string       | Tên nhà sản xuất                                                 |
| 10.6.3 | items[].manufacturer.country | string       | Mã quốc gia sản xuất                                             |
| 10.7   | items[].gtin                 | string       | Mã gtin tương ứng với cấp độ đóng gói                            |
| 10.8   | items[].price                | float        | Đơn giá (độ chính xác tới 2 chữ số thập phân).                   |
| 11     | status                       | string       | Trạng thái tiếp nhận/xử lý của hệ thống đối với phiếu nhập hàng. |

- **400:** Định dạng dữ liệu không hợp lệ
- **401:** Access token hết hạn hoặc không hợp lệ
- **403:** Không được phép truy cập
- **404:** Phiếu nhập hàng không tồn tại
- **429:** Vượt quá giới hạn request cho phép
- **500:** Lỗi hệ thống

#### 5.4.3. Xem trạng thái xử lý Phiếu nhập hàng

API xem trạng thái xử lý phiếu nhập hàng của hệ thống.

##### a) Request

- **Method:** GET
- **URL:** /transactions/stock-in/{transaction\_id}/status
- **Headers:**

| TT | Thuộc tính    | Bắt buộc | Giá trị               | Mô tả                                      |
|----|---------------|----------|-----------------------|--------------------------------------------|
| 1  | Content-Type  | x        | application/json      |                                            |
| 2  | Authorization | x        | Bearer {access_token} | access_token nhận được từ các API xác thực |

- **Query Params:**

N/A

- **Path Variables:**

| TT | Thuộc tính     | Kiểu dữ liệu | Độ dài tối đa | Bắt buộc | Mô tả                         |
|----|----------------|--------------|---------------|----------|-------------------------------|
| 1  | transaction_id | string       | 50            | x        | Mã Id của giao dịch nhập hàng |

- **Body:**

N/A

#### **b)Response**

- **200:** Thành công. Dữ liệu được trả về dưới định dạng json

| TT | Tên trường     | Kiểu dữ liệu  | Mô tả                                             |
|----|----------------|---------------|---------------------------------------------------|
| 1  | transaction_id | string        | Mã ID của giao dịch                               |
| 2  | status         | string        | Trạng thái xử lý của hệ thống. Tham khảo Mục 6.2. |
| 3  | messages       | array[string] | Danh sách các thông báo lỗi của hệ thống nếu có.  |
| 4  | submitted_at   | datetime      | Thời gian hệ thống tiếp nhận.                     |

- **400:** Định dạng dữ liệu không hợp lệ
- **401:** Access token hết hạn hoặc không hợp lệ
- **403:** Không được phép truy cập
- **404:** Phiếu nhập hàng không tồn tại
- **429:** Vượt quá giới hạn request cho phép
- **500:** Lỗi hệ thống

#### **5.4.4. Tạo phiếu xuất hàng**

API tạo giao dịch xuất hàng.

##### **a) Request**



- **Method:** POST
- **URL:** /transactions/stock-out
- **Headers:**

| TT | Thuộc tính    | Bắt buộc | Giá trị               | Mô tả                                      |
|----|---------------|----------|-----------------------|--------------------------------------------|
| 1  | Content-Type  | x        | application/json      |                                            |
| 2  | Authorization | x        | Bearer {access_token} | access_token nhận được từ các API xác thực |

- **Query Params:**

N/A

- **Path Variables:**

N/A

- **Body:**

| TT | Tên trường          | Kiểu dữ liệu | Độ dài tối đa | Bắt buộc | Mô tả                                                                                                     |
|----|---------------------|--------------|---------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | transaction_date    | datetime     |               | x        | Ngày/giờ xuất hàng                                                                                        |
| 2  | reason              | string       | 20            | x        | Loại phiếu xuất hàng/Lý do xuất hàng. Chi tiết tại Mục 6.4.2.                                             |
| 3  | source_store_id     | string       | 50            |          | Mã định danh chi nhánh xuất hàng (nếu cơ sở có chuỗi nhà thuốc) trong trường hợp reason là “transfer-out” |
| 4  | source_warehouse_id | string       | 50            |          | Mã kho xuất trong trường hợp là phiếu xuất điều chuyển (giá trị của reason là transfer-out)               |
| 5  | target_store_id     | string       | 50            |          | Mã định danh chi nhánh nhập hàng (nếu cơ sở có chuỗi nhà thuốc) trong                                     |

|      |                                  |         |     |   |                                                                                                                                                                                                       |
|------|----------------------------------|---------|-----|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      |                                  |         |     |   | trường hợp reason là “transfer-out”                                                                                                                                                                   |
| 6    | target_warehouse_id              | string  | 50  |   | Mã kho nhập trong trường hợp là phiếu xuất điều chuyển (giá trị của reason là transfer-out)                                                                                                           |
| 7    | supplier_id                      | string  | 50  |   | Mã định danh nhà cung cấp trong trường hợp xuất hàng trả lại nhà cung cấp (giá trị của trường reason là “return”)                                                                                     |
| 8    | reference_number                 | string  | 50  | x | Số chứng từ xuất hàng                                                                                                                                                                                 |
| 9    | practice_license_code            | string  | 50  |   | Số giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/kinh doanh thuốc của cơ sở chi nhánh (nếu cơ sở có chuỗi nhà thuốc). Nhập thông tin nếu muốn dùng tài khoản cơ sở chính đầy đủ liệu cho các cơ sở thành viên |
| 10   | note                             | string  | 500 |   | Ghi chú                                                                                                                                                                                               |
| 11   | items                            | array   |     | x | Danh sách thuốc trong phiếu xuất hàng                                                                                                                                                                 |
| 11.1 | items[].drug_id                  | string  | 20  | x | Mã định danh thuốc                                                                                                                                                                                    |
| 11.2 | items[].unit_id                  | string  | 20  | x | Mã đơn vị tính                                                                                                                                                                                        |
| 11.3 | items[].quantity                 | integer |     | x | Số lượng                                                                                                                                                                                              |
| 11.4 | items[].batch_no                 | string  | 20  | x | Số lô sản xuất                                                                                                                                                                                        |
| 11.5 | items[].packaging_specifications | string  | 500 |   | Quy cách đóng gói                                                                                                                                                                                     |

|        |                              |        |     |   |                                                           |
|--------|------------------------------|--------|-----|---|-----------------------------------------------------------|
| 11.6   | items[].expiry_date          | date   |     | x | Hạn sử dụng                                               |
| 11.7   | items[].manufacturer         | object |     |   | Nhà sản xuất                                              |
| 11.7.1 | items[].manufacturer.id      | string | 20  |   | Mã nhà sản xuất                                           |
| 11.7.2 | items[].manufacturer.name    | string | 200 |   | Tên nhà sản xuất                                          |
| 11.7.3 | items[].manufacturer.country | string | 5   |   | Mã quốc gia sản xuất                                      |
| 11.8   | items[].gtin                 | string | 50  |   | Mã GTIN tương ứng với từng cấp độ đóng gói                |
| 11.9   | items[].price                | float  |     |   | Đơn giá xuất thuốc (độ chính xác tới 2 chữ số thập phân). |

#### b) Response

- **200:** Thành công. Dữ liệu được trả về dưới định dạng json

| TT | Tên trường     | Kiểu dữ liệu | Mô tả               |
|----|----------------|--------------|---------------------|
| 1  | transaction_id | string       | Mã ID của giao dịch |

- **400:** Định dạng dữ liệu không hợp lệ
- **401:** Access token hết hạn hoặc không hợp lệ
- **429:** Vượt quá giới hạn request cho phép
- **500:** Lỗi hệ thống

#### 5.4.5. Xem thông tin chi tiết Phiếu xuất hàng

API xem thông tin chi tiết giao dịch xuất hàng.

##### a) Request

- **Method:** GET
- **URL:** /transactions/stock-out/{transaction\_id}
- **Headers:**

| TT | Thuộc tính    | Bắt buộc | Giá trị               | Mô tả                                      |
|----|---------------|----------|-----------------------|--------------------------------------------|
| 1  | Content-Type  | x        | application/json      |                                            |
| 2  | Authorization | x        | Bearer {access_token} | access_token nhận được từ các API xác thực |

- **Query Params:**

N/A

- **Path Variables:**

| TT | Thuộc tính     | Kiểu dữ liệu | Độ dài tối đa | Bắt buộc | Mô tả                         |
|----|----------------|--------------|---------------|----------|-------------------------------|
| 1  | transaction_id | string       | 50            | x        | Mã ID của giao dịch xuất hàng |

- **Body:**

N/A

**b)Response**

- **200:** Thành công. Dữ liệu được trả về dưới định dạng json

| TT | Tên trường          | Kiểu dữ liệu | Mô tả                                                                                                     |
|----|---------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | transaction_id      | string       | Mã ID của giao dịch                                                                                       |
| 2  | transaction_date    | datetime     | Ngày giờ xuất hàng                                                                                        |
| 3  | reason              | string       | Loại phiếu xuất hàng/Lý do xuất. Chi tiết tại Mục 6.4.2.                                                  |
| 4  | source_store_id     | string       | Mã định danh chi nhánh xuất hàng (nếu cơ sở có chuỗi nhà thuốc) trong trường hợp reason là “transfer-out” |
| 5  | source_warehouse_id | string       | Mã định danh kho xuất trong trường hợp phiếu xuất điều chuyển (giá trị của reason là “transfer-out”)      |
| 6  | target_store_id     | string       | Mã định danh chi nhánh nhập hàng (nếu cơ sở có chuỗi nhà thuốc) trong trường hợp reason là “transfer-out” |
| 7  | target_warehouse_id | string       | Mã định danh kho nhập trong trường hợp phiếu xuất điều chuyển (giá trị của reason là “transfer-out”)      |
| 8  | supplier_id         | string       | Mã định danh nhà cung cấp                                                                                 |

| TT     | Tên trường                   | Kiểu dữ liệu | Mô tả                                                                        |
|--------|------------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------|
|        |                              |              | trong trường hợp phiếu xuất trả nhà cung cấp (giá trị reason là “return”)    |
| 9      | reference_number             | string       | Số chứng từ                                                                  |
| 10     | note                         | string       | Ghi chú                                                                      |
| 11     | items                        | array        | Danh sách thuốc có trong phiếu xuất                                          |
| 11.1   | items[].drug_id              | string       | Mã định danh thuốc                                                           |
| 11.2   | items[].unit_id              | string       | Mã đơn vị tính                                                               |
| 11.3   | items[].quantity             | integer      | Số lượng                                                                     |
| 11.4   | items[].batch_no             | string       | Số lô sản xuất                                                               |
| 11.5   | items[].expiry_date          | date         | Hạn sử dụng                                                                  |
| 11.6   | items[].manufacturer         | object       | Thông tin nhà sản xuất                                                       |
| 11.6.1 | items[].manufacturer.id      | string       | Mã nhà sản xuất                                                              |
| 11.6.2 | items[].manufacturer.name    | string       | Tên nhà sản xuất                                                             |
| 11.6.3 | items[].manufacturer.country | string       | Mã quốc gia sản xuất                                                         |
| 11.7   | items[].gtin                 | string       | Mã GTIN tương ứng với cấp độ đóng gói                                        |
| 11.8   | items[].price                | float        | Đơn giá (độ chính xác tới 2 chữ số thập phân).                               |
| 12     | status                       | string       | Trạng thái xử lý của hệ thống đối với phiếu xuất hàng. Chi tiết tại Mục 6.2. |

- **400:** Định dạng dữ liệu không hợp lệ
- **401:** Access token hết hạn hoặc không hợp lệ
- **403:** Không được phép truy cập
- **404:** Phiếu xuất hàng không tồn tại
- **429:** Vượt quá giới hạn request cho phép

- **500:** Lỗi hệ thống

#### 5.4.6. Xem trạng thái xử lý Phiếu xuất hàng

API xem trạng thái xử lý phiếu xuất hàng của hệ thống.

##### a) Request

- **Method:** GET
- **URL:** /transactions/stock-out/{transaction\_id}/status
- **Headers:**

| TT | Thuộc tính    | Bắt buộc | Giá trị               | Mô tả                                      |
|----|---------------|----------|-----------------------|--------------------------------------------|
| 1  | Content-Type  | x        | application/json      |                                            |
| 2  | Authorization | x        | Bearer {access_token} | access_token nhận được từ các API xác thực |

- **Query Params:**

N/A

- **Path Variables:**

| TT | Thuộc tính     | Kiểu dữ liệu | Độ dài tối đa | Bắt buộc | Mô tả                         |
|----|----------------|--------------|---------------|----------|-------------------------------|
| 1  | transaction_id | string       | 50            | x        | Mã Id của giao dịch xuất hàng |

- **Body:**

N/A

##### b) Response

- **200:** Thành công. Dữ liệu được trả về dưới định dạng json

| TT | Tên trường     | Kiểu dữ liệu  | Mô tả                                                |
|----|----------------|---------------|------------------------------------------------------|
| 1  | transaction_id | string        | Mã ID của giao dịch                                  |
| 2  | status         | string        | Trạng thái xử lý của hệ thống. Chi tiết tại Mục 6.2. |
| 3  | messages       | array[string] | Danh sách các thông báo lỗi của hệ thống nếu có.     |
| 4  | submitted_at   | datetime      | Thời gian hệ thống tiếp nhận.                        |

- **400:** Định dạng dữ liệu không hợp lệ
- **401:** Access token hết hạn hoặc không hợp lệ

- **403:** Không được phép truy cập
- **404:** Phiếu xuất hàng không tồn tại.
- **429:** Vượt quá giới hạn request cho phép
- **500:** Lỗi hệ thống

#### 5.4.7. Tạo phiếu kiểm kho

API tạo giao dịch kiểm kho

##### a) Request

- **Method:** POST
- **URL:** /transactions/stock-taking
- **Headers:**

| TT | Thuộc tính    | Bắt buộc | Giá trị               | Mô tả                                      |
|----|---------------|----------|-----------------------|--------------------------------------------|
| 1  | Content-Type  | x        | application/json      |                                            |
| 2  | Authorization | x        | Bearer {access_token} | access_token nhận được từ các API xác thực |

- **Query Params:**

N/A

- **Path Variables:**

N/A

- **Body:**

| TT | Tên trường       | Kiểu dữ liệu | Độ dài tối đa | Bắt buộc | Mô tả                                                                        |
|----|------------------|--------------|---------------|----------|------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | transaction_date | datetime     |               | x        | Ngày/giờ kiểm kho.                                                           |
| 2  | store_id         | string       | 50            |          | Mã chi nhánh (trong trường hợp cơ sở kinh doanh được có nhiều chi nhánh).    |
| 3  | warehouse_id     | string       | 50            |          | Mã kho (trong trường hợp cơ sở kinh doanh được hoặc các chi nhánh của cơ sở) |

|      |                                  |         |     |   |                                                                                                                                                                                                       |
|------|----------------------------------|---------|-----|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      |                                  |         |     |   | kinh doanh được có nhiều kho).                                                                                                                                                                        |
| 4    | reference_number                 | string  | 50  | x | Số chứng từ kiểm kho                                                                                                                                                                                  |
| 5    | practice_license_code            | string  | 50  |   | Số giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/kinh doanh thuốc của cơ sở chi nhánh (nếu cơ sở có chuỗi nhà thuốc). Nhập thông tin nếu muốn dùng tài khoản cơ sở chính đầy đủ liệu cho các cơ sở thành viên |
| 6    | note                             | string  | 500 |   | Ghi chú                                                                                                                                                                                               |
| 7    | items                            | array   |     | x | Danh sách thuốc kiểm kho                                                                                                                                                                              |
| 7.1  | items[].drug_id                  | string  | 20  | x | Mã định danh thuốc                                                                                                                                                                                    |
| 7.2  | items[].unit_id                  | string  | 20  | x | Mã đơn vị tính                                                                                                                                                                                        |
| 7.3  | items[].quantity                 | integer |     | x | Số lượng                                                                                                                                                                                              |
| 7.4  | items[].batch_no                 | string  | 50  | x | Số lô sản xuất                                                                                                                                                                                        |
| 7.5  | items[].packaging_specifications | string  | 500 |   | Quy cách đóng gói                                                                                                                                                                                     |
| 7.6  | items[].expiry_date              | date    |     | x | Hạn sử dụng                                                                                                                                                                                           |
| 7.7  | items[].manufacturer             | object  |     |   | Thông tin nhà sản xuất                                                                                                                                                                                |
| 7.7. | items[].manufacturer.id          | string  | 20  |   | Mã nhà sản xuất                                                                                                                                                                                       |
| 7.7. | items[].manufacturer.name        | string  | 200 |   | Tên nhà sản xuất                                                                                                                                                                                      |



|      |                              |        |    |   |                                                |
|------|------------------------------|--------|----|---|------------------------------------------------|
| 7.7. | items[].manufacturer.country | string | 5  |   | Mã quốc gia sản xuất                           |
| 7.8  | items[].gtin                 | string | 50 |   | Mã GTIN tương ứng với cấp độ đóng gói          |
| 7.9  | items[].price                | float  |    |   | Đơn giá (độ chính xác tới 2 chữ số thập phân). |
| 7.10 | items[].system_quantity      | int    |    | x | Tồn hệ thống                                   |
| 7.11 | items[].actual_quantity      | int    |    | x | Tồn thực tế                                    |

#### b) Response

- **200:** Thành công. Dữ liệu được trả về dưới định dạng json

| TT | Tên trường     | Kiểu dữ liệu | Mô tả                                                  |
|----|----------------|--------------|--------------------------------------------------------|
| 8  | transaction_id | string       | Mã ID của giao dịch                                    |
| 9  | status         | string       | Trạng thái xử lý của hệ thống.<br>Chi tiết tại Mục 6.2 |

- **400:** Định dạng dữ liệu không hợp lệ
- **401:** Access token hết hạn hoặc không hợp lệ
- **429:** Vượt quá giới hạn request cho phép
- **500:** Lỗi hệ thống

#### 5.4.8. Xem chi tiết Phiếu kiểm kho

API xem thông tin chi tiết phiếu kiểm kho của cơ sở kinh doanh được

##### a) Request

- **Method:** GET
- **URL:** /transactions/stock-taking/{transaction\_id}
- **Headers:**

| TT | Thuộc tính    | Bắt buộc | Giá trị               | Mô tả                         |
|----|---------------|----------|-----------------------|-------------------------------|
| 1  | Content-Type  | x        | application/json      |                               |
| 2  | Authorization | x        | Bearer {access_token} | access_token nhận được từ các |

| TT | Thuộc tính | Bắt buộc | Giá trị | Mô tả        |
|----|------------|----------|---------|--------------|
|    |            |          |         | API xác thực |

- **Query Params:**

N/A

- **Path Variables:**

| TT | Thuộc tính     | Kiểu dữ liệu | Độ dài tối đa | Bắt buộc | Mô tả                        |
|----|----------------|--------------|---------------|----------|------------------------------|
| 1  | transaction_id | string       | 50            | x        | Mã ID của giao dịch kiểm kho |

- **Body:**

N/A

### b)Response

- **200:** Thành công. Dữ liệu được trả về dưới định dạng json

| TT  | Tên trường       | Kiểu dữ liệu | Mô tả                                                                                                      |
|-----|------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | transaction_id   | string       | Mã ID của giao dịch                                                                                        |
| 2   | transaction_date | string       | Ngày kiểm kho                                                                                              |
| 3   | facility_id      | string       | Mã chi nhánh (trong trường hợp cơ sở kinh doanh được có nhiều chi nhánh).                                  |
| 4   | warehouse_id     | string       | Mã kho (trong trường hợp cơ sở kinh doanh được hoặc các chi nhánh của cơ sở kinh doanh được có nhiều kho). |
| 5   | reference_number | string       | Số chứng từ                                                                                                |
| 6   | note             | string       | Ghi chú                                                                                                    |
| 7   | items            | array        | Danh sách thuốc trong phiếu kiểm kho                                                                       |
| 7.1 | items[].drug_id  | string       | Mã định danh thuốc                                                                                         |
| 7.2 | items[].unit_id  | string       | Mã đơn vị tính                                                                                             |

| TT    | Tên trường                   | Kiểu dữ liệu | Mô tả                                          |
|-------|------------------------------|--------------|------------------------------------------------|
| 7.3   | items[].quantity             | integer      | Số lượng                                       |
| 7.4   | items[].batch_no             | string       | Số lô sản xuất                                 |
| 7.5   | items[].expiry_date          | date         | Hạn sử dụng                                    |
| 7.6   | items[].manufacturer         | object       | Mã định danh nhà sản xuất                      |
| 7.6.1 | items[].manufacturer.id      | string       | Mã nhà sản xuất                                |
| 7.6.2 | items[].manufacturer.name    | string       | Tên nhà sản xuất                               |
| 7.6.3 | items[].manufacturer.country | string       | Mã quốc gia sản xuất                           |
| 7.6.4 | items[].gtin                 | string       | Mã GTIN tương ứng với cấp độ đóng gói          |
| 7.7   | items[].price                | float        | Đơn giá (độ chính xác tới 2 chữ số thập phân). |
| 7.8   | items[].system_quantity      | integer      | Tồn hệ thống                                   |
| 7.9   | items[].actual_quantity      | integer      | Tồn thực tế                                    |

- **400:** Định dạng dữ liệu không hợp lệ
- **401:** Access token hết hạn hoặc không hợp lệ
- **403:** Không được phép truy cập
- **404:** Phiếu kiểm kho không tồn tại
- **429:** Vượt quá giới hạn request cho phép
- **500:** Lỗi hệ thống

#### 5.4.9. Xem trạng thái xử lý phiếu kiểm kho

API xem trạng thái xử lý phiếu kiểm kho của hệ thống.

##### a) Request

- **Method:** GET
- **URL:** /transactions/stock-taking/{transaction\_id}/status
- **Headers:**

| TT | Thuộc tính   | Bắt buộc | Giá trị          | Mô tả |
|----|--------------|----------|------------------|-------|
| 1  | Content-Type | x        | application/json |       |

| TT | Thuộc tính    | Bắt buộc | Giá trị               | Mô tả                                      |
|----|---------------|----------|-----------------------|--------------------------------------------|
| 2  | Authorization | x        | Bearer {access_token} | access_token nhận được từ các API xác thực |

- **Query Params:**

N/A

- **Path Variables:**

| TT | Thuộc tính     | Kiểu dữ liệu | Độ dài tối đa | Bắt buộc | Mô tả                        |
|----|----------------|--------------|---------------|----------|------------------------------|
| 1  | transaction_id | string       | 50            | x        | Mã Id của giao dịch kiểm kho |

- **Body:**

N/A

#### b)Response

- **200:** Thành công. Dữ liệu được trả về dưới định dạng json

| TT | Tên trường     | Kiểu dữ liệu  | Mô tả                                                |
|----|----------------|---------------|------------------------------------------------------|
| 1  | transaction_id | string        | Mã ID của giao dịch                                  |
| 2  | status         | string        | Trạng thái xử lý của hệ thống. Chi tiết tại Mục 6.2. |
| 3  | messages       | array[string] | Danh sách các thông báo lỗi của hệ thống nếu có.     |
| 4  | submitted_at   | datetime      | Thời gian hệ thống tiếp nhận.                        |

- **400:** Định dạng dữ liệu không hợp lệ
- **401:** Access token hết hạn hoặc không hợp lệ
- **403:** Không được phép truy cập
- **404:** Phiếu kiểm kho không tồn tại
- **429:** Vượt quá giới hạn request cho phép
- **500:** Lỗi hệ thống

## 6. PHỤ LỤC

### 6.1. Phản hồi của hệ thống

Các phản hồi của hệ thống theo http code (400, 401, 403, 429, 500) có cấu trúc như sau:

| TT | Tên trường        | Kiểu dữ liệu | Mô tả              |
|----|-------------------|--------------|--------------------|
| 1  | error             | string       | Mã lỗi             |
| 2  | error_description | string       | Mô tả chi tiết lỗi |

## 6.2. Bảng mã trạng thái xử lý của hệ thống

| TT | Giá trị    | Mô tả                                                                                  |
|----|------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | accepted   | Dữ liệu đã được hệ thống tiếp nhận để xử lý.                                           |
| 2  | processing | Dữ liệu đang được hệ thống xử lý                                                       |
| 3  | completed  | Dữ liệu đã được xử lý xong                                                             |
| 4  | error      | Có lỗi xảy ra trong quá trình xử lý dữ liệu (Lỗi hệ thống)                             |
| 5  | rejected   | Hệ thống từ chối xử lý do dữ liệu gửi lên không tuân thủ các ràng buộc, logic yêu cầu. |

## 6.3. Kiểu dữ liệu

### 6.3.1. Datetime

Datetime là dữ liệu kiểu chuỗi có định dạng là YYYY-MM-DDThh:mm:ss. Trong đó:

- YYYY: gồm 4 chữ số biểu diễn năm.
- MM: gồm 2 chữ số biểu diễn tháng.
- DD: gồm 2 chữ số biểu diễn ngày.
- T: ký tự phân tách ngày và giờ.
- hh: 2 chữ số biểu diễn giờ nằm trong khoảng 00-23.
- mm: gồm 2 chữ số biểu diễn phút trong khoảng 00-59.
- ss: gồm 2 chữ số biểu diễn giây trong khoảng 00-59.

Múi giờ mặc định là giờ Hà Nội (GMT+7).

Ví dụ: 2025-12-07T16:24:20

### 6.3.2. Date

Date là dữ liệu kiểu chuỗi (string) có định dạng là YYYY-MM-DD. Trong đó:

- YYYY: gồm 4 chữ số biểu diễn năm.
- MM: gồm 2 chữ số biểu diễn tháng.
- DD: gồm 2 chữ số biểu diễn ngày.

Ví dụ: 2025-12-07

## 6.4. Từ điển dữ liệu

### 6.4.1. Loại phiếu nhập hàng/Lý do nhập hàng

#### 6.4.1.1. Đối với cơ sở bán lẻ

| STT | Giá trị         | Mô tả                      |
|-----|-----------------|----------------------------|
| 1   | supplier        | Nhập từ nhà cung cấp       |
| 2   | return          | Nhập trả lại từ khách hàng |
| 3   | opening-balance | Nhập tồn đầu kỳ            |
| 4   | other           | Nhập khác                  |

#### 6.4.1.2. Đối với các loại cơ sở khác

| STT | Giá trị         | Mô tả                      |
|-----|-----------------|----------------------------|
| 1   | supplier        | Nhập từ nhà cung cấp       |
| 2   | opening-balance | Nhập tồn đầu kỳ            |
| 3   | return          | Nhập trả lại từ khách hàng |
| 4   | transfer-in     | Nhập điều chuyển           |
| 5   | manufactured    | Nhập hàng thành phẩm       |
| 6   | imported        | Nhập khẩu                  |
| 7   | other           | Nhập khác                  |

### 6.4.2. Loại phiếu xuất hàng/Lý do xuất hàng

#### 6.4.2.1. Đối với cơ sở bán lẻ

| STT | Giá trị     | Mô tả                      |
|-----|-------------|----------------------------|
| 1   | sale-retail | Xuất bán lẻ                |
| 2   | return      | Xuất trả hàng nhà cung cấp |
| 3   | destroy     | Xuất hủy                   |
| 4   | other       | Xuất khác                  |

**6.4.2.2. Đối với các loại cơ sở khác**

| STT | Giá trị        | Mô tả                                             |
|-----|----------------|---------------------------------------------------|
| 1   | sale-wholesale | Xuất bán buôn                                     |
| 2   | sale-retail    | Xuất bán lẻ                                       |
| 3   | transfer-out   | Xuất điều chuyển                                  |
| 4   | return         | Xuất trả hàng nhà cung cấp                        |
| 5   | recall         | Xuất thu hồi theo công văn/khuyến cáo của Bộ Y tế |
| 6   | destroy        | Xuất huỷ                                          |
| 7   | other          | Xuất khác                                         |

**6.4.3. Phân loại thuốc kê đơn**

| STT | Giá trị | Mô tả              |
|-----|---------|--------------------|
| 1   | 0       | Thuốc không kê đơn |
| 2   | 1       | Thuốc kê đơn       |

**6.4.4. Phân loại thuốc kiểm soát đặc biệt**

| STT | Giá trị | Mô tả                                       |
|-----|---------|---------------------------------------------|
| 1   | 0       | Thuốc không kiểm soát đặc biệt              |
| 2   | 1       | Thuốc gây nghiện, chứa dược chất gây nghiện |
| 3   | 2       | Thuốc hướng thần, chứa dược chất hướng thần |
| 4   | 3       | Thuốc tiền chất, chứa tiền chất             |
| 5   | 4       | Thuốc độc                                   |
| 6   | 5       | Thuốc cấm dùng cho các bộ, ngành            |
| 7   | 6       | Thuốc phóng xạ                              |

## PHỤ LỤC 2

### “Hướng dẫn sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu về dược dành cho cơ quan quản lý” phiên bản 1.0

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTYQG ngày tháng năm 2026 của  
Giám đốc Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia)

## 1. HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ TÀI KHOẢN NGƯỜI DÙNG

### 1.1. Đăng nhập hệ thống

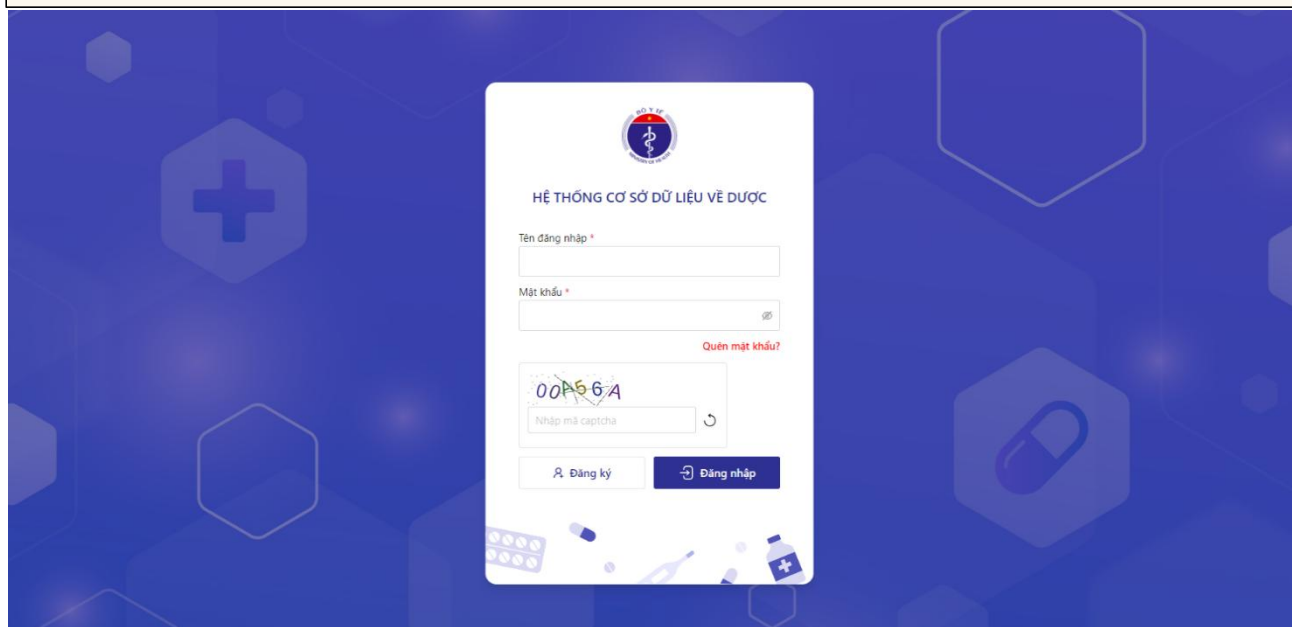
Hệ thống Cơ sở dữ liệu về Dược là một ứng dụng web. Người dùng truy cập hệ thống thông qua trình duyệt web. Trình duyệt sử dụng tốt nhất là Google Chrome, Cốc Cốc

Để truy cập hệ thống người dùng mở trình duyệt, nhập địa chỉ: <https://csdlduoc.com.vn/>

- Bước 1: Hệ thống sẽ hiển thị giao diện đăng nhập
- Bước 2: Người dùng gõ Tên đăng nhập và Mật khẩu
- Bước 3: Nhấn nút **Đăng nhập**

#### **Lưu ý:**

- Mỗi đơn vị được cung cấp 1 tài khoản. Người dùng chỉ đổi được mật khẩu, không thể thay đổi tài khoản đăng nhập.
- Nếu đăng nhập thành công, hệ thống hiển thị giao diện trang chủ.
- Trường hợp sai tên đăng nhập hoặc mật khẩu, hệ thống hiển thị thông báo **Sai tên đăng nhập hoặc mật khẩu**. Người dùng cần kiểm tra tên đăng nhập, mật khẩu và thử lại.





## 1.2. Đăng xuất khỏi hệ thống

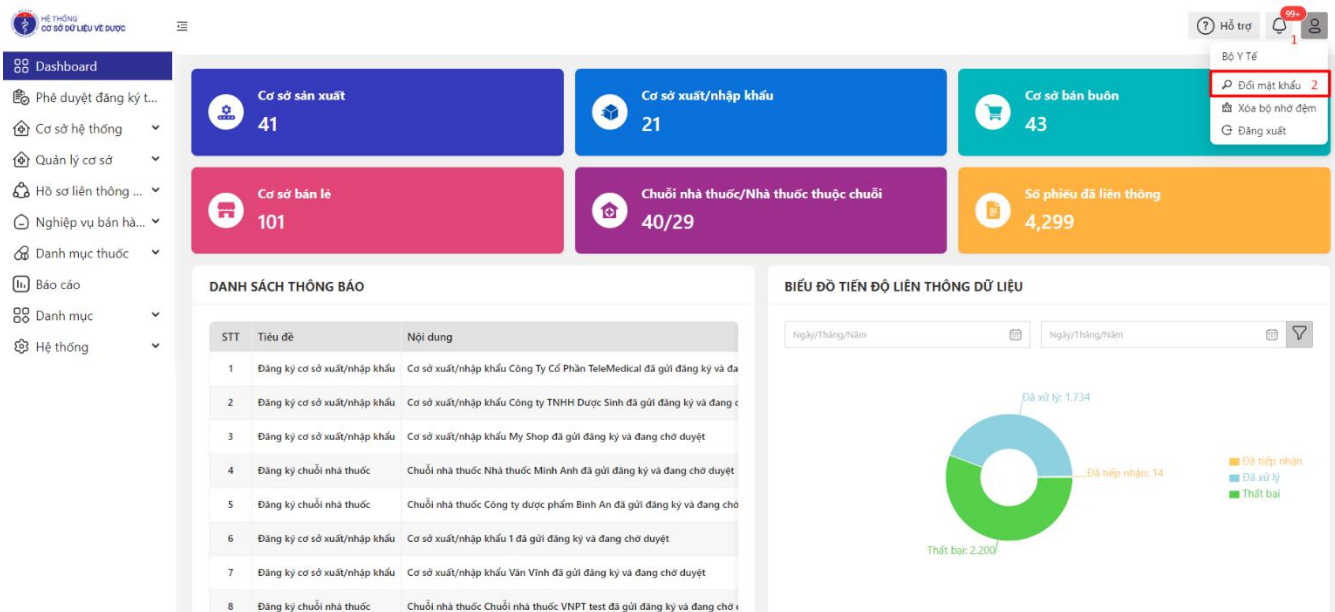
Sau khi hoàn thành tác vụ với hệ thống, người dùng nên đăng xuất khỏi hệ thống trước khi tắt cửa sổ trình duyệt.

- Bước 1: Bấm chọn biểu tượng người dùng góc trên cùng bên phải.
- Bước 2: Chọn **Đăng xuất**

The screenshot shows a dashboard with a sidebar on the left containing menu items like 'Dashboard', 'Phê duyệt đăng ký...', 'Cơ sở hệ thống', 'Quản lý cơ sở', 'Hồ sơ liên thông...', 'Nghị quyết vụ bán hàng...', 'Danh mục thuốc', 'Bảo cáo', 'Danh mục', and 'Hệ thống'. The main area displays six statistics cards: 'Cơ sở sản xuất' (41), 'Cơ sở xuất/nhập khẩu' (21), 'Cơ sở bán buôn' (43), 'Cơ sở bán lẻ' (101), 'Chuỗi nhà thuốc/Nhà thuốc thuộc chuỗi' (40/29), and 'Số phiếu đã liên thông' (4,299). Below these is a table titled 'DANH SÁCH THÔNG BÁO' with 9 rows of notifications. To the right is a donut chart titled 'BIỂU ĐỒ TIẾN ĐỘ LIÊN THÔNG DỮ LIỆU' showing progress with labels: 'Đã xử lý: 1.734', 'Đã tiếp nhận: 14', and 'Thất bại: 2.200'. In the top right corner, a user profile dropdown menu is open, showing options: 'Bộ Y tế', 'Đổi mật khẩu', 'Xóa bộ nhớ đệm', and 'Đăng xuất' (highlighted with a red box and a red '2' badge).

## 1.3. Thay đổi mật khẩu

- Bước 1: Bấm chọn biểu tượng người dùng góc trên cùng bên phải
- Bước 2: Kích chọn chức năng **Đổi mật khẩu**
- Bước 3: Nhập mật khẩu cũ và mật khẩu mới, mật khẩu mới (lặp lại). Chọn **Lưu**



**ĐỔI MẬT KHẨU**

Mật khẩu hiện tại \*

Mật khẩu mới \*

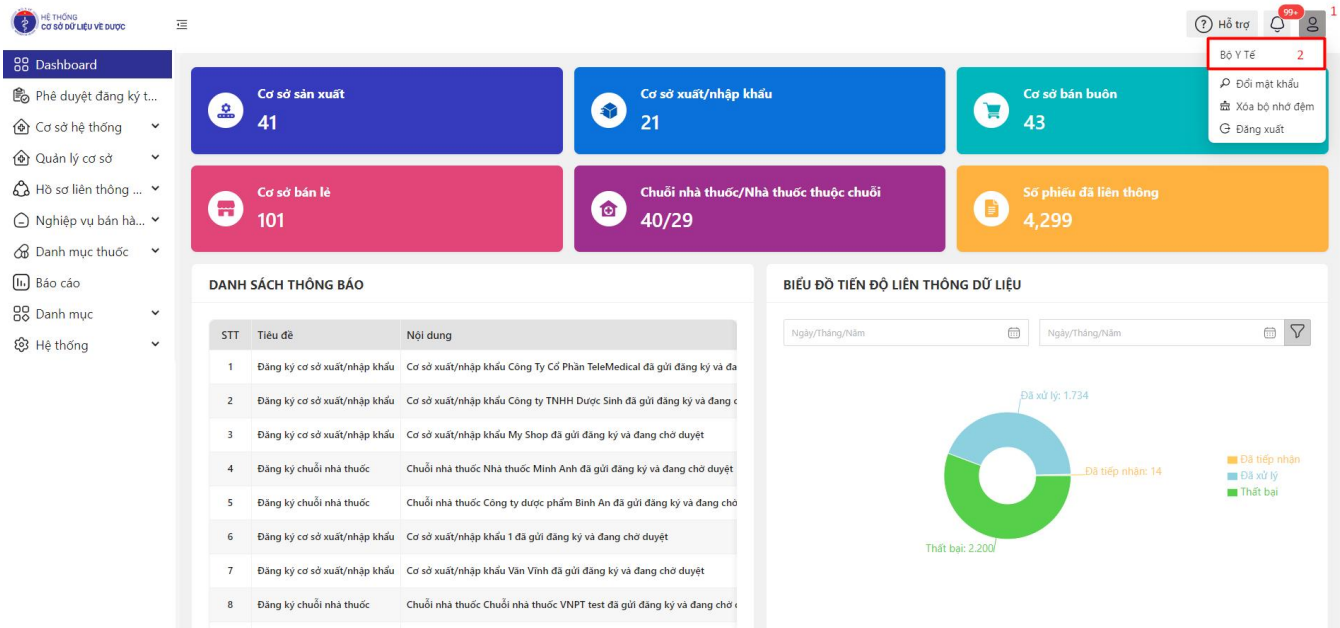
Mật khẩu mới (lặp lại) \*

X Hủy Lưu

#### 1.4. Xem thông tin tài khoản

Người dùng có thể kiểm tra và bổ sung thông tin đơn vị, gồm: Thông tin cơ sở; Họ tên người dùng; Email; Số điện thoại.

- Bước 1: Bấm chọn biểu tượng người dùng góc trên cùng bên phải
- Bước 2: Nhấn chọn tên tài khoản người dùng



- Bước 3: Xem thông tin người dùng
- Bước 4: Cập nhật thông tin người dùng và nhấn **Lưu**

**Lưu ý:** Người dùng nhập chính xác địa chỉ email để sử dụng chức năng lấy lại mật khẩu qua email.

## 1.5. Khôi phục mật khẩu qua email

- Bước 1: Khi quên mật khẩu, người dùng nhấn chọn Quên mật khẩu tại màn hình trang chủ

- Bước 2: Hệ thống hiển thị màn hình Quên mật khẩu. Nhập Tên đăng nhập

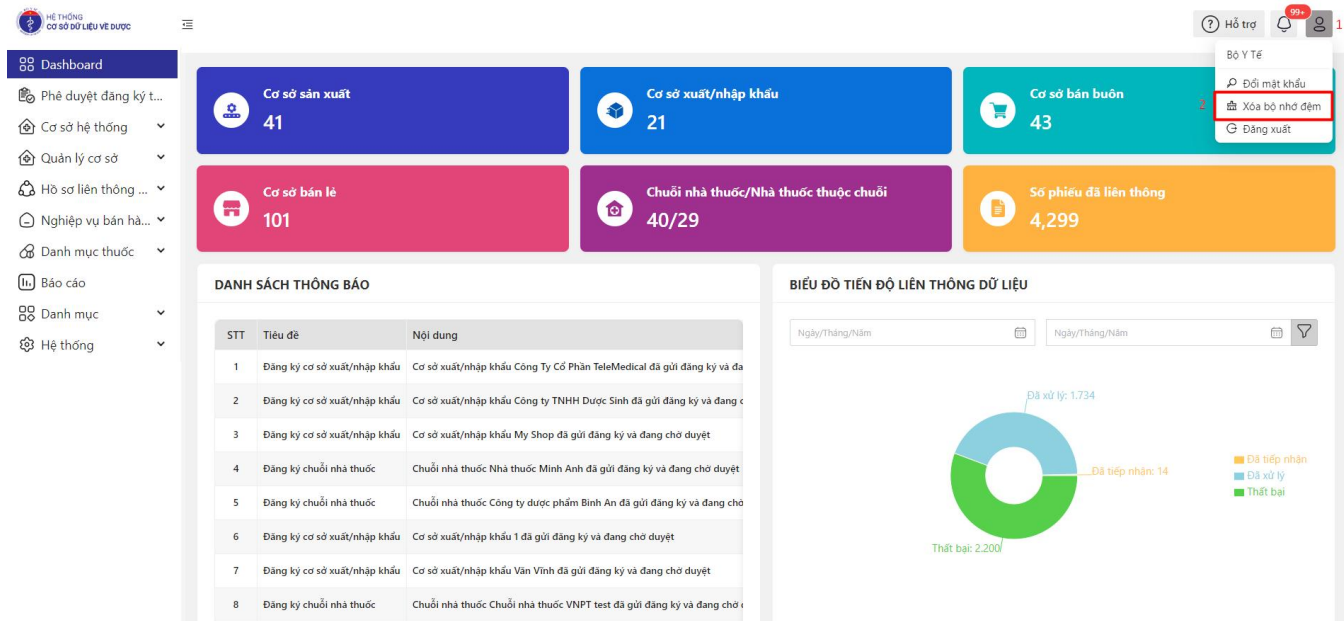
và nhấn Gửi đi

- Bước 3: Hệ thống tự động gửi email đặt lại mật khẩu. Người dùng đặt lại mật khẩu và đăng nhập vào hệ thống.

## 1.6. Làm mới danh mục

Trong một số trường hợp, người dùng thực hiện xóa bộ nhớ đệm

- Bước 1: Chọn biểu tượng người dùng góc trên cùng bên phải
- Bước 2: Chọn Xóa bộ nhớ đệm
- Bước 3: Hệ thống được cập nhật mới



## 2. HƯỚNG DẪN NGƯỜI DÙNG LÀ BỘ Y TẾ

### 2.1. Quản lý danh mục thuốc

#### 2.1.1. Tìm kiếm thuốc

- Bước 1: Tại màn hình danh sách thuốc, người dùng có thể tìm kiếm theo nhóm thuốc, theo từ khóa (mã, tên thuốc) sau đó nhấn  để tìm kiếm
- Bước 2: Hệ thống hiển thị dữ liệu tìm kiếm thỏa mãn theo điều kiện tìm kiếm. Hiển thị trống nếu không có dữ liệu thỏa mãn

Dashboard

Phê duyệt đăng ký t...

Cơ sở hệ thống

Quản lý cơ sở

Hồ sơ liên thông ...

Nghiệp vụ bán hàng

Danh mục thuốc

Danh mục thuốc

Lô thuốc

Báo cáo

Danh mục

Hệ thống

Thao tác excel

Nhóm thuốc

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

emp

Hoạt động 59 Tạm dừng 0

| STT | Số đăng ký   | Tên thuốc                           | ĐVT cơ bản | Trạng thái | Thao tác |
|-----|--------------|-------------------------------------|------------|------------|----------|
| 1   | 893110492925 | Empatince                           | Viên       | Hoạt động  |          |
| 2   | 893110471525 | Empagliflozin 10 mg                 | Viên       | Hoạt động  |          |
| 3   | 893110456825 | Apempa.10                           | Viên       | Hoạt động  |          |
| 4   | 890110431225 | Empagliflozin Tablets 10mg          | Viên       | Hoạt động  |          |
| 5   | 893110407125 | Empafan                             | Viên       | Hoạt động  |          |
| 6   | 893110406925 | Empagliflozin 10   Linagliptin 5    | Viên       | Hoạt động  |          |
| 7   | 893110406825 | Empalip                             | Viên       | Hoạt động  |          |
| 8   | 893110406625 | Empalipitin 10/5                    | Viên       | Hoạt động  |          |
| 9   | 893110406525 | Empagliflozin 25mg/ Linagliptin 5mg | Viên       | Hoạt động  |          |
| 10  | 893110406425 | Empagliflozin 10mg/ Linagliptin 5mg | Viên       | Hoạt động  |          |

### 2.1.2. Xuất danh sách thuốc ra file excel

- Bước 1: Chọn các tiêu chí hoặc nhập các từ khóa tìm kiếm và nhấn nút  để tìm kiếm danh sách thuốc cần xuất ra file
- Bước 2: Tại giao diện [Danh mục thuốc], nhấn chọn Thao tác excel -> chọn Xuất excel

Dashboard

Phê duyệt đăng ký t...

Cơ sở hệ thống

Quản lý cơ sở

Hồ sơ liên thông ...

Nghiệp vụ bán hàng

Danh mục thuốc

Danh mục thuốc

Lô thuốc

Báo cáo

Danh mục

Hệ thống

Thao tác excel

Nhóm thuốc

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

emp

Hoạt động 59 Tạm dừng 0

| STT | Số đăng ký   | Tên thuốc                           | ĐVT cơ bản | Trạng thái | Thao tác |
|-----|--------------|-------------------------------------|------------|------------|----------|
| 1   | 893110492925 | Empatince                           | Viên       | Hoạt động  |          |
| 2   | 893110471525 | Empagliflozin 10 mg                 | Viên       | Hoạt động  |          |
| 3   | 893110456825 | Apempa.10                           | Viên       | Hoạt động  |          |
| 4   | 890110431225 | Empagliflozin Tablets 10mg          | Viên       | Hoạt động  |          |
| 5   | 893110407125 | Empafan                             | Viên       | Hoạt động  |          |
| 6   | 893110406925 | Empagliflozin 10   Linagliptin 5    | Viên       | Hoạt động  |          |
| 7   | 893110406825 | Empalip                             | Viên       | Hoạt động  |          |
| 8   | 893110406625 | Empalipitin 10/5                    | Viên       | Hoạt động  |          |
| 9   | 893110406525 | Empagliflozin 25mg/ Linagliptin 5mg | Viên       | Hoạt động  |          |
| 10  | 893110406425 | Empagliflozin 10mg/ Linagliptin 5mg | Viên       | Hoạt động  |          |

- Bước 3: Lưu tệp tin

## 2.2. Quản lý thông tin cơ sở

## 2.2.1. Quản lý cơ sở Xuất/Nhập khẩu và chuỗi nhà thuốc

### 2.2.1.1. Thêm mới cơ sở xuất/nhập khẩu hoặc chuỗi nhà thuốc

- Bước 1: Tại màn hình danh sách cơ sở xuất/nhập khẩu hoặc chuỗi nhà thuốc, nhấn **+ Thêm mới (F2)**

Dashboard

Phê duyệt đăng ký t...

Cơ sở hệ thống

Quản lý cơ sở

Cơ sở sản xuất

**Cơ sở xuất/nhập kh...**

Cơ sở bán buôn

Cơ sở bán lẻ

Hồ sơ liên thông ...

Nghiệp vụ bán hà...

Danh mục thuốc

Báo cáo

Danh mục

Hệ thống

Quản lý cơ sở > Cơ sở xuất/nhập khẩu

Thao tác excel

**+ Thêm mới (F2)**

Mã số thuế: Nhập...

Tên cơ sở: Nhập...

Tỉnh: --Chọn--

Xã: --Chọn--

Có tài khoản: --Chọn--

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

Q Nhập từ khóa để tìm kiếm (F3)

| STT | Mã số thuế | Tên cơ sở              | Email cơ sở                     | Tỉnh             | Xã                  | Địa chỉ cơ sở | Họ và tên chủ cơ sở | Có tài khoản | Thao tác |
|-----|------------|------------------------|---------------------------------|------------------|---------------------|---------------|---------------------|--------------|----------|
| 1   |            | Công ty TNHH Dược Sinh | tranquanghuy.031018+5@gmail.com | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm    | Hà Nội        |                     | Không        | ...      |
| 2   | 0113458781 | Dược Phẩm Đại Minh     | yihocay826@homvela.com          | Thành phố Hà Nội | Phường Hai Bà Trưng | Đống Đa       |                     | Có           | ...      |
| 3   | 0006521235 | Công TNHH Xuất Xinh    | faleke2267@imashrc.com          | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm    | Hà Nội        |                     | Không        | ...      |

< 1 > 10 / trang

- Bước 2: Tại form [Thêm mới], người dùng nhập các thông tin của cơ sở, bao gồm tối thiểu các trường bắt buộc

THÊM MỚI CƠ SỞ XUẤT/NHẬP KHẨU

Thông tin cơ sở

Mã số thuế: Nhập...

Tên cơ sở \*: Nhập...

Trạng thái: ☐ Hoạt động

Điện thoại liên hệ cơ sở: Nhập...

Email cơ sở \*: Nhập...

Tỉnh/thành phố \*: --Chọn--

Xã/phường \*: --Chọn--

Địa chỉ \*: Nhập...

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

Số GCN ĐKKD \*: Nhập...

Ngày cấp chứng nhận \*: Ngày/Tháng/Năm

Nơi cấp chứng nhận \*: Nhập...

Phạm vi kinh doanh: Nhập...

↓ File giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

Hỗ trợ upload tệp định dạng .pdf, .doc, .docx, .png, .jpg, .jpeg. Dung lượng file không vượt quá 5MB.

Chứng nhận thực hành tốt

Số chứng nhận GMP/GSP/GLP: Nhập...

Ngày cấp chứng nhận: Ngày/Tháng/Năm

Ngày hết hạn chứng nhận: Ngày/Tháng/Năm

Phạm vi chứng nhận

☐ Tiếp tục thêm mới

X Đóng (F10)

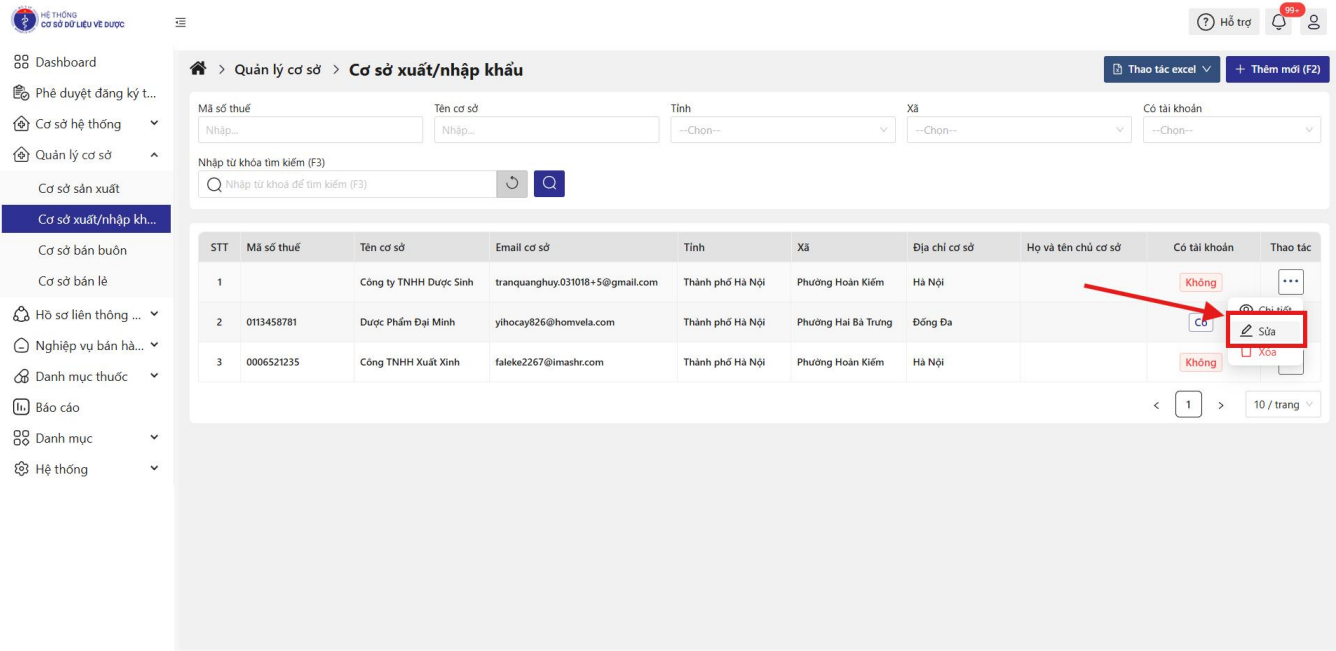
**Lưu (F8)**

- Bước 3: Sau khi đã nhập đầy đủ thông tin, nhấn **Lưu (F8)** để xác nhận thêm mới cơ sở xuất/ nhập khẩu hoặc chuỗi nhà thuốc lên hệ thống



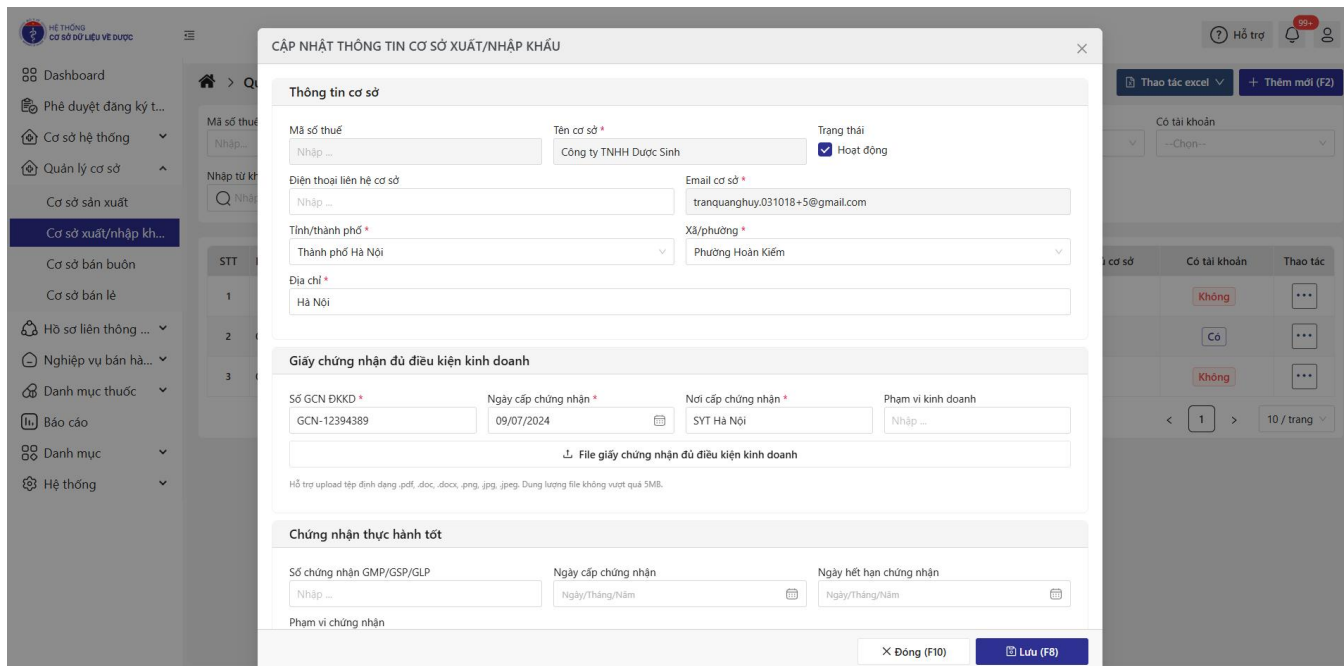
### 2.2.1.2. Sửa thông tin cơ sở xuất/nhập khẩu hoặc chuỗi nhà thuốc

- Bước 1: Chọn các tiêu chí hoặc nhập các từ khóa tìm kiếm và nhấn nút  để tìm kiếm cơ sở xuất/nhập khẩu hoặc chuỗi nhà thuốc cần chỉnh sửa
- Bước 2: Chọn cơ sở cần sửa, di chuột vào  sau đó chọn Sửa



| STT | Mã số thuế | Tên cơ sở              | Email cơ sở                     | Tỉnh             | Xã                  | Địa chỉ cơ sở | Họ và tên chủ cơ sở | Có tài khoản | Thao tác                                                                                |
|-----|------------|------------------------|---------------------------------|------------------|---------------------|---------------|---------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   |            | Công ty TNHH Dược Sinh | tranquanghuy.031018+5@gmail.com | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm    | Hà Nội        |                     | Không        |      |
| 2   | 0113458781 | Dược Phẩm Đại Minh     | yihoay826@homvela.com           | Thành phố Hà Nội | Phường Hai Bà Trưng | Đống Đa       |                     | Có           |  Sửa |
| 3   | 0006521235 | Công TNHH Xuất Xinh    | faleke2267@imashrc.com          | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm    | Hà Nội        |                     | Không        |  Xóa |

- Bước 3: Chỉnh sửa thông tin cơ sở sau đó nhấn  Lưu (F8) để lưu lại thay đổi



**Thông tin cơ sở**

Mã số thuế:  Tên cơ sở \*:  Trạng thái: ☒ Hoạt động

Điện thoại liên hệ cơ sở:  Email cơ sở \*:

Tỉnh/thành phố \*:  Xã/phường \*:

Địa chỉ \*:

**Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh**

Số GCN ĐKKD \*:  Ngày cấp chứng nhận \*:  Nơi cấp chứng nhận \*:  Phạm vi kinh doanh:

File giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh:

**Chứng nhận thực hành tốt**

Số chứng nhận GMP/GSP/GLP:  Ngày cấp chứng nhận:  Ngày hết hạn chứng nhận:

Phạm vi chứng nhận:

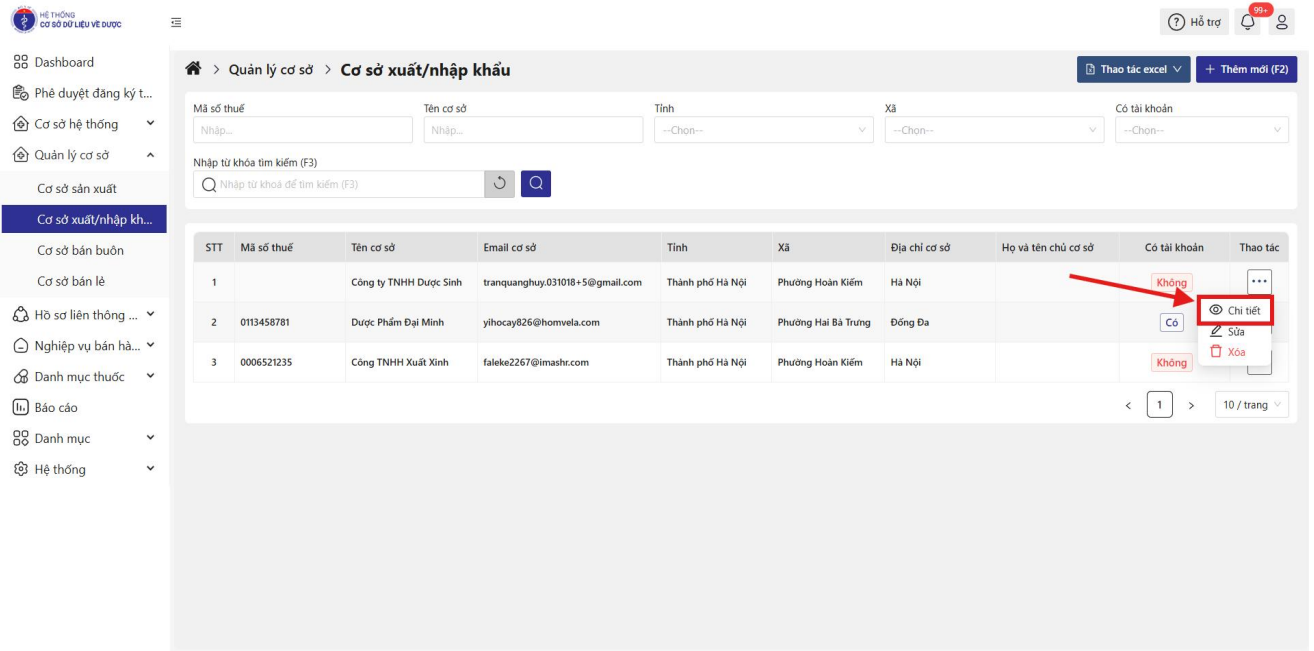
### 2.2.1.3. Xem chi tiết thông tin cơ sở xuất/nhập khẩu hoặc chuỗi nhà thuốc

- Bước 1: Chọn các tiêu chí hoặc nhập các từ khóa tìm kiếm và nhấn nút

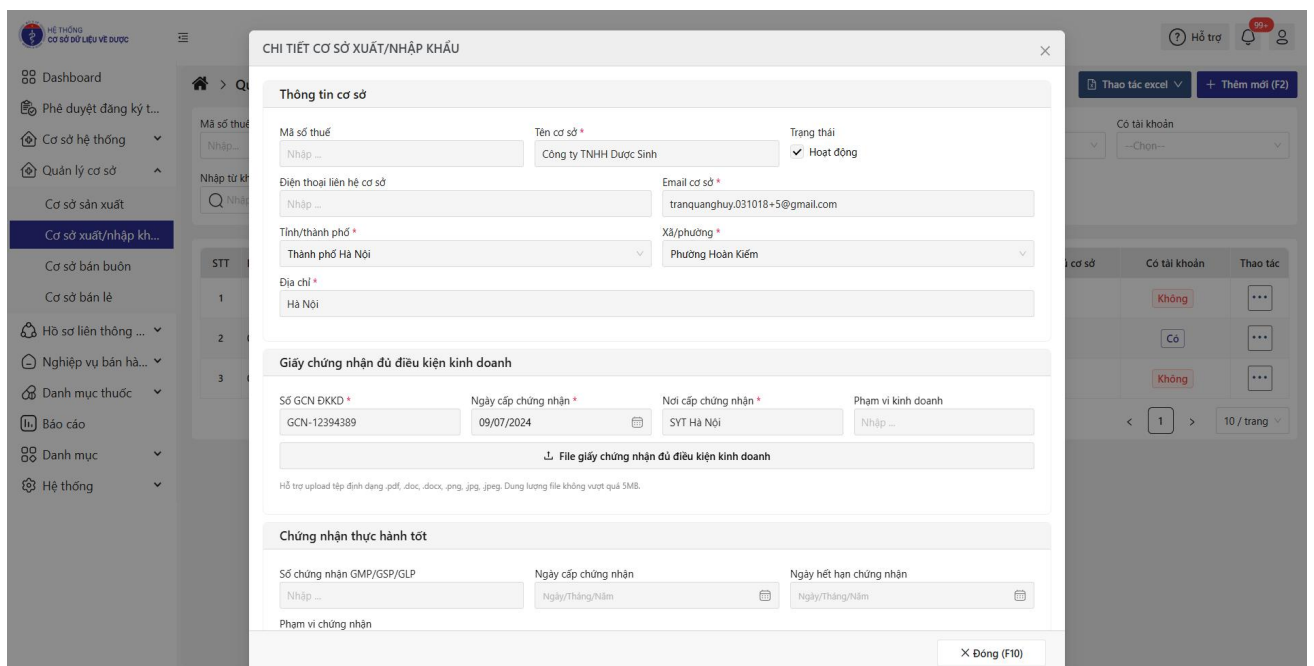


để tìm kiếm cơ sở xuất/nhập khẩu hoặc chuỗi nhà thuốc cần xem chi tiết

- Bước 2: Chọn cơ sở cần xem chi tiết, di chuột vào  sau đó chọn Chi tiết



| STT | Mã số thuế | Tên cơ sở              | Email cơ sở                     | Tỉnh             | Xã                  | Địa chỉ cơ sở | Họ và tên chủ cơ sở | Có tài khoản | Thao tác |
|-----|------------|------------------------|---------------------------------|------------------|---------------------|---------------|---------------------|--------------|----------|
| 1   |            | Công ty TNHH Dược Sinh | tranquanghuy.031018+5@gmail.com | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm    | Hà Nội        |                     | Không        | Chi tiết |
| 2   | 0113458781 | Dược Phẩm Đại Minh     | yihocay826@homvela.com          | Thành phố Hà Nội | Phường Hai Bà Trưng | Đống Đa       |                     | Có           | Sửa      |
| 3   | 0006521235 | Công TNHH Xuất Xinh    | faleke2267@imashvc.com          | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm    | Hà Nội        |                     | Không        | Xóa      |



**CHI TIẾT CƠ SỞ XUẤT/NHẬP KHẨU**

**Thông tin cơ sở**

Mã số thuế: Nhập ... Tên cơ sở: Công ty TNHH Dược Sinh Trạng thái: ☒ Hoạt động

Điện thoại liên hệ cơ sở: Nhập ... Email cơ sở: tranquanghuy.031018+5@gmail.com

Tỉnh/thành phố: Thành phố Hà Nội Xã/phường: Phường Hoàn Kiếm

Địa chỉ: Hà Nội

**Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh**

Số GCN ĐKKD: GCN-12394389 Ngày cấp chứng nhận: 09/07/2024 Nơi cấp chứng nhận: SYT Hà Nội Phạm vi kinh doanh: Nhập ...

File giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

Hỗ trợ upload tệp định dạng: pdf, docx, png, jpg, jpeg. Dung lượng file không vượt quá 5MB.

**Chứng nhận thực hành tốt**

Số chứng nhận GMP/GSP/GLP: Nhập ... Ngày cấp chứng nhận: Ngày/Tháng/Năm Ngày hết hạn chứng nhận: Ngày/Tháng/Năm

Phạm vi chứng nhận

X Đóng (F10)

#### 2.2.1.4. Xóa thông tin cơ sở xuất/nhập khẩu hoặc chuỗi nhà thuốc

- Bước 1: Chọn các tiêu chí hoặc nhập các từ khóa tìm kiếm và nhấn nút

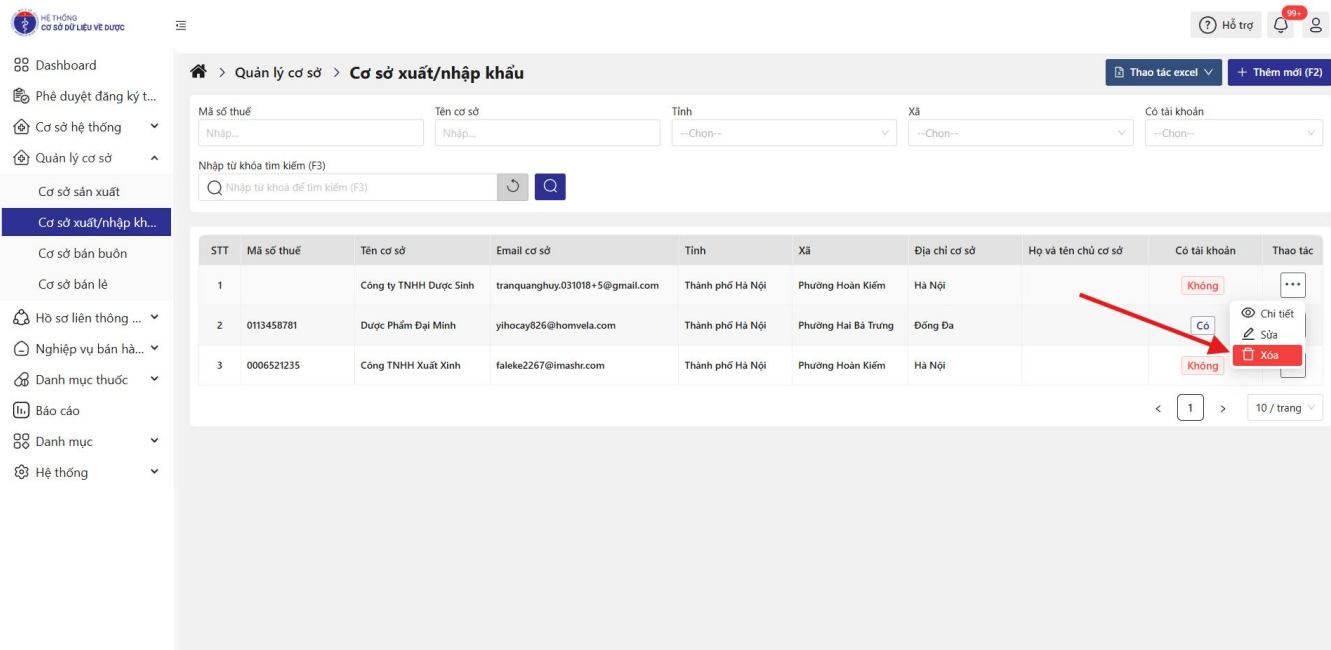


để tìm kiếm cơ sở cần xóa

- Bước 2: Tại cơ sở xuất/nhập khẩu hoặc chuỗi nhà thuốc cần xóa, ở cột



[Thao tác] tương ứng, chọn  và chọn Xóa



Dashboard

Phê duyệt đăng ký t...

Cơ sở hệ thống

Quản lý cơ sở

Cơ sở sản xuất

**Cơ sở xuất/nhập kh...**

Cơ sở bán buôn

Cơ sở bán lẻ

Hồ sơ liên thông ...

Nghiệp vụ bán hà...

Danh mục thuốc

Báo cáo

Danh mục

Hệ thống

Quản lý cơ sở > Cơ sở xuất/nhập khẩu

Thao tác excel

Thêm mới (F2)

Mã số thuế: Nhập...

Tên cơ sở: Nhập...

Tỉnh: --Chọn--

Xã: --Chọn--

Có tài khoản: --Chọn--

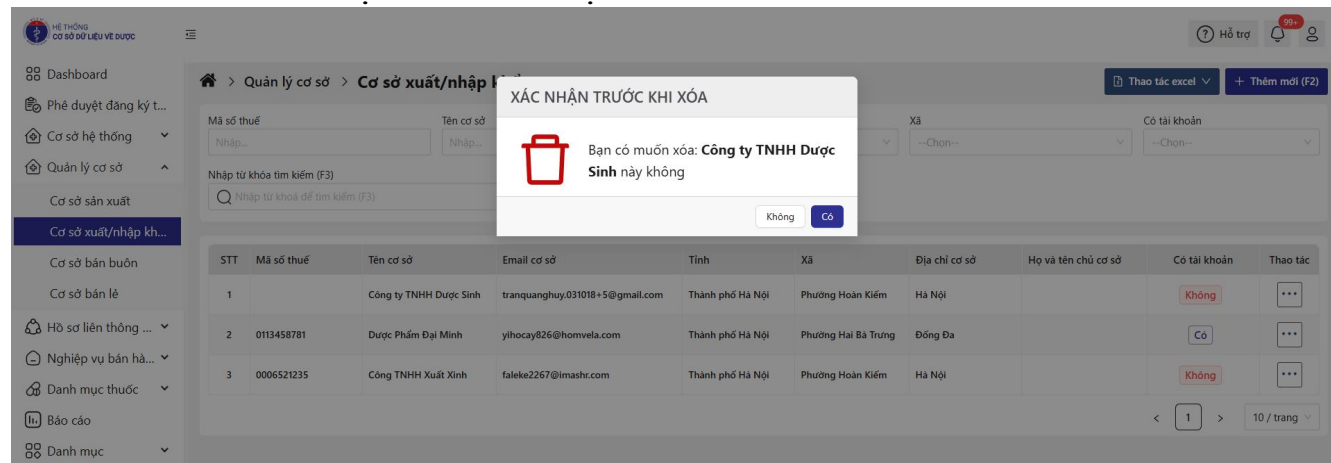
Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

Q Nhập từ khóa để tìm kiếm (F3)

| STT | Mã số thuế | Tên cơ sở              | Email cơ sở                     | Tỉnh             | Xã                  | Địa chỉ cơ sở | Họ và tên chủ cơ sở | Có tài khoản | Thao tác               |
|-----|------------|------------------------|---------------------------------|------------------|---------------------|---------------|---------------------|--------------|------------------------|
| 1   |            | Công ty TNHH Dược Sinh | tranquanghuy.031018+5@gmail.com | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm    | Hà Nội        |                     | Không        | ...                    |
| 2   | 0113458781 | Dược Phẩm Đại Minh     | yihocay826@homvela.com          | Thành phố Hà Nội | Phường Hai Bà Trưng | Đống Đa       |                     | Có           | Chi tiết<br>Sửa<br>Xóa |
| 3   | 0006521235 | Công TNHH Xuất Xinh    | faleke2267@lmashr.com           | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm    | Hà Nội        |                     | Không        | ...                    |

< 1 > 10 / trang

- Bước 3: Nhấn Có tại form Xác nhận để tiến hành xóa



Dashboard

Phê duyệt đăng ký t...

Cơ sở hệ thống

Quản lý cơ sở

Cơ sở sản xuất

**Cơ sở xuất/nhập kh...**

Cơ sở bán buôn

Cơ sở bán lẻ

Hồ sơ liên thông ...

Nghiệp vụ bán hà...

Danh mục thuốc

Báo cáo

Danh mục

Hệ thống

Quản lý cơ sở > Cơ sở xuất/nhập khẩu

Thao tác excel

Thêm mới (F2)

Mã số thuế: Nhập...

Tên cơ sở: Nhập...

Tỉnh: --Chọn--

Xã: --Chọn--

Có tài khoản: --Chọn--

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

Q Nhập từ khóa để tìm kiếm (F3)

XÁC NHẬN TRƯỚC KHI XÓA

Bạn có muốn xóa: Công ty TNHH Dược Sinh này không

Không Có

| STT | Mã số thuế | Tên cơ sở              | Email cơ sở                     | Tỉnh             | Xã                  | Địa chỉ cơ sở | Họ và tên chủ cơ sở | Có tài khoản | Thao tác |
|-----|------------|------------------------|---------------------------------|------------------|---------------------|---------------|---------------------|--------------|----------|
| 1   |            | Công ty TNHH Dược Sinh | tranquanghuy.031018+5@gmail.com | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm    | Hà Nội        |                     | Không        | ...      |
| 2   | 0113458781 | Dược Phẩm Đại Minh     | yihocay826@homvela.com          | Thành phố Hà Nội | Phường Hai Bà Trưng | Đống Đa       |                     | Có           | ...      |
| 3   | 0006521235 | Công TNHH Xuất Xinh    | faleke2267@lmashr.com           | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm    | Hà Nội        |                     | Không        | ...      |

< 1 > 10 / trang

### 2.2.1.5. Tìm kiếm cơ sở xuất/nhập khẩu hoặc chuỗi nhà thuốc

- Bước 1: Tại màn hình danh sách cơ sở xuất/nhập khẩu hoặc chuỗi nhà thuốc, người dùng có thể tìm kiếm theo mã cơ sở, tên cơ sở, tỉnh, xã sau đó nhấn  để tìm kiếm

Dashboard

Phê duyệt đăng ký t...

Cơ sở hệ thống

Quản lý cơ sở

Cơ sở sản xuất

Cơ sở xuất/nhập kh...

Cơ sở bán buôn

Cơ sở bán lẻ

Hồ sơ liên thông ...

Nghiệp vụ bán hà...

Danh mục thuốc

Báo cáo

Danh mục

Hệ thống

Quản lý cơ sở > Cơ sở xuất/nhập khẩu

Thao tác excel

Thêm mới (F2)

Mã số thuế: Nhập...

Tên cơ sở: Dược Phẩm Đại Minh

Tỉnh: --Chọn--

Xã: --Chọn--

Có tài khoản: --Chọn--

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

Nhập từ khóa để tìm kiếm (F3)

| STT | Mã số thuế | Tên cơ sở          | Email cơ sở            | Tỉnh             | Xã                  | Địa chỉ cơ sở | Họ và tên chủ cơ sở | Có tài khoản | Thao tác |
|-----|------------|--------------------|------------------------|------------------|---------------------|---------------|---------------------|--------------|----------|
| 1   | 0113458781 | Dược Phẩm Đại Minh | yihocay826@homvela.com | Thành phố Hà Nội | Phường Hai Bà Trưng | Đống Đa       |                     | Có           | ...      |

< 1 > 10 / trang

- Bước 2: Hệ thống hiển thị dữ liệu tìm kiếm thỏa mãn theo điều kiện tìm kiếm. Hiển thị trống nếu không có dữ liệu thỏa mãn

### 2.2.1.6. Xuất danh sách cơ sở ra file excel

- Bước 1: Chọn các tiêu chí hoặc nhập các từ khóa tìm kiếm và nhấn nút  để tìm kiếm danh sách cơ sở cần xuất ra file
- Bước 2: Tại giao diện [Cơ sở xuất/nhập khẩu], [Chuỗi nhà thuốc] nhấn chọn Thao tác excel -> chọn Xuất excel

Dashboard

Phê duyệt đăng ký t...

Cơ sở hệ thống

Quản lý cơ sở

Cơ sở sản xuất

Cơ sở xuất/nhập kh...

Cơ sở bán buôn

Cơ sở bán lẻ

Hồ sơ liên thông ...

Nghiệp vụ bán hà...

Danh mục thuốc

Báo cáo

Danh mục

Hệ thống

Quản lý cơ sở > Cơ sở xuất/nhập khẩu

Thao tác excel

Thêm mới (F2)

Mã số thuế: Nhập...

Tên cơ sở: Nhập...

Tỉnh: --Chọn--

Xã: --Chọn--

Có tài khoản: --Chọn--

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

Nhập từ khóa để tìm kiếm (F3)

| STT | Mã số thuế | Tên cơ sở              | Email cơ sở                     | Tỉnh             | Xã                  | Địa chỉ cơ sở | Họ và tên chủ cơ sở | Có tài khoản | Thao tác |
|-----|------------|------------------------|---------------------------------|------------------|---------------------|---------------|---------------------|--------------|----------|
| 1   |            | Công ty TNHH Dược Sinh | tranquanghuy.031019+5@gmail.com | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm    | Hà Nội        |                     | Không        | ...      |
| 2   | 0113458781 | Dược Phẩm Đại Minh     | yihocay826@homvela.com          | Thành phố Hà Nội | Phường Hai Bà Trưng | Đống Đa       |                     | Có           | ...      |
| 3   | 0006521235 | Công TNHH Xuất Xinh    | faleke2267@lmashr.com           | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm    | Hà Nội        |                     | Không        | ...      |

< 1 > 10 / trang

- Bước 3: Lưu tệp tin

### 2.2.1.7. Thêm mới cơ sở từ file excel

- Bước 1: Tại giao diện [Cơ sở xuất/nhập khẩu],[Chuỗi nhà thuốc] nhấn chọn Thao tác excel -> chọn Nhập excel

Thao tác excel

Nhập từ excel

Xuất excel

| STT | Mã số thuế | Tên cơ sở              | Email cơ sở                     | Tỉnh             | Xã                  | Địa chỉ cơ sở | Họ và tên chủ cơ sở | Có tài khoản | Thao tác |
|-----|------------|------------------------|---------------------------------|------------------|---------------------|---------------|---------------------|--------------|----------|
| 1   |            | Công ty TNHH Dược Sinh | tranquanghuy.031018+5@gmail.com | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm    | Hà Nội        |                     | Không        | ...      |
| 2   | 0113458781 | Dược Phẩm Đại Minh     | ylhocay826@homvela.com          | Thành phố Hà Nội | Phường Hai Bà Trưng | Đống Đa       |                     | Có           | ...      |
| 3   | 0006521235 | Công TNHH Xuất Xinh    | faleke2267@imashr.com           | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm    | Hà Nội        |                     | Không        | ...      |

## - Bước 2: Tại màn hình [Nhập excel]

- + Bước 1: Nhấn **Tải file mẫu tại đây** để tải file mẫu của hệ thống (Bỏ qua nếu đã có file mẫu)
- + Bước 2: Mở file mẫu, tiến hành nhập các thông tin, bao gồm tối thiểu các bắt buộc (được đánh dấu (\*))
- Lưu ý: Cột Loại cơ sở: chọn Cơ sở xuất/nhập khẩu hoặc Chuỗi nhà thuốc

| Mã số thuế | Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được (*) | Ngày cấp chứng nhận (*)<br>(Định dạng ngày-tháng-năm) | Tên cơ sở (*) | Số điện thoại | Email (*)     | Tỉnh/TP (*) | Xã/Phường (*) |
|------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------|---------------|---------------|-------------|---------------|
| 0123456789 | 0334430752                                       | 30-12-2020                                            | Cơ sở 01      | 0334430752    | ABC@gmail.com | Hà Nội      | Đống Đa       |

- Bước 3: Nhấn  Chọn file hoặc kéo thả file vào đây để tải lên để tải lên file vừa nhập thông tin
- Bước 4: Sau khi đã tải lên file thành công, hệ thống sẽ xuất hiện 2 tab
  - + Tab [Hợp lệ]: Các bản ghi hợp lệ sẽ hiển thị tại tab này, nhấn Lưu dữ liệu hợp lệ để tiến hành import các bản ghi hợp lệ lên hệ thống

Nhập từ excel ← Quay lại

 Chọn file hoặc kéo thả file vào đây để tải lên

 **Mau-File-Danh-Sach-Co-So.xlsx**  
 Hỗ trợ tải lên tệp định dạng .xls, .xlsx. Dung lượng file không vượt quá 2MB.  
 Để upload dữ liệu được chính xác nhất, vui lòng điền thông tin theo mẫu file. Xin cảm ơn!  
 **Tải file mẫu tại đây**

Danh sách cơ sở hợp lệ 1 1 Danh sách cơ sở không hợp lệ

| Số giấy phép kinh doanh | Tên cơ sở | Tỉnh | Địa chỉ | Email           | Chủ cơ sở    | CMND/CCCD    | SĐT Chủ cơ sở | Mã chứng nhận kinh doanh | Ngày cấp   | Loại cơ sở           |
|-------------------------|-----------|------|---------|-----------------|--------------|--------------|---------------|--------------------------|------------|----------------------|
| CS00001a                | Cơ sở 01  | 101  | Đống Đa | ABCDG@gmail.com | Nguyễn Văn A | 001302019089 | 0334430752    | 0334430752               | 24/12/2024 | Cơ sở xuất/nhập khẩu |

< 1 >

 **Lưu danh sách hợp lệ** 

- + Tab [Không hợp lệ]: Các bản ghi có dữ liệu không hợp lệ sẽ hiển thị tại tab này kèm dòng chi tiết lỗi cụ thể

Nhập từ excel ← Quay lại

 Chọn file hoặc kéo thả file vào đây để tải lên

 **Mau-File-Danh-Sach-Co-So.xlsx**  
 Hỗ trợ tải lên tệp định dạng .xls, .xlsx. Dung lượng file không vượt quá 2MB.  
 Để upload dữ liệu được chính xác nhất, vui lòng điền thông tin theo mẫu file. Xin cảm ơn!  
 **Tải file mẫu tại đây**

Danh sách cơ sở hợp lệ 1 1 Danh sách cơ sở không hợp lệ

| Số giấy phép kinh doanh | Tên cơ sở | Tỉnh | Địa chỉ | Email           | Chủ cơ sở    | CMND/CCCD    | SĐT Chủ cơ sở | Mã chứng nhận kinh doanh | Ngày cấp   | Loại cơ sở           |
|-------------------------|-----------|------|---------|-----------------|--------------|--------------|---------------|--------------------------|------------|----------------------|
| CS00001a                | Cơ sở 01  | 101  | Đống Đa | ABCDG@gmail.com | Nguyễn Văn A | 001302019089 | 0334430752    | 0334430752               | 24/12/2024 | Cơ sở xuất/nhập khẩu |

< 1 >

 **Lưu danh sách hợp lệ**

- + Người dùng có thể nhấn  **Tải danh sách không hợp lệ** để tải về danh sách các bản ghi bị lỗi, chủ động sửa và import lại lên hệ thống

## 2.2.2. Quản lý cơ sở bán buôn

### 2.2.2.1. Xem chi tiết thông tin cơ sở bán buôn

- Bước 1: Chọn các tiêu chí hoặc nhập các từ khóa tìm kiếm và nhấn nút  để tìm kiếm cơ sở bán buôn cần xem chi tiết
- Bước 2: Chọn cơ sở cần xem chi tiết, di chuột vào  sau đó chọn Chi tiết

CHI TIẾT CƠ SỞ BÁN BUÔN

Thông tin cơ sở

Mã số thuế

Nhập ...

Tên cơ sở \*

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NINH BÌNH

Trạng thái

☒ Hoạt động

Điện thoại liên hệ cơ sở

0334430752

Email cơ sở \*

nhathuocnb@gmail.com

Tỉnh/thành phố \*

Tỉnh Ninh Bình

Xã/phường \*

Xã Gia Viễn

Địa chỉ \*

Hồ Đắc Di

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

Số GCN ĐKKD \*

1298-GCNKD

Ngày cấp chứng nhận \*

30/12/2020

Nơi cấp chứng nhận \*

Sở Y tế Ninh Bình

Phạm vi kinh doanh

Dược Phẩm

File giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

Hỗ trợ upload tệp định dạng .pdf, .doc, .docx, .png, .jpg, .jpeg. Dung lượng file không vượt quá 5MB.

Chứng nhận thực hành tốt

Số chứng nhận GMP/GSP/GLP

Nhập ...

Ngày cấp chứng nhận

Ngày/Tháng/Năm

Ngày hết hạn chứng nhận

Ngày/Tháng/Năm

Phạm vi chứng nhận

Nhập ...

X Đóng (F10)

### 2.2.2.2. Tìm kiếm cơ sở bán buôn

- Bước 1: Tại màn hình danh sách cơ sở bán buôn, người dùng có thể tìm kiếm theo bộ lọc sau đó nhấn  để tìm kiếm

Hệ thống cơ sở dữ liệu Việt Dược

Dashboard

Phê duyệt đăng ký t...

Cơ sở hệ thống

Quản lý cơ sở

Cơ sở sản xuất

Cơ sở xuất/nhập kh...

Cơ sở bán buôn

Cơ sở bán lẻ

Hồ sơ liên thông ...

Nghiệp vụ bán hã...

Danh mục thuốc

Báo cáo

Danh mục

Hệ thống

Quản lý cơ sở

Cơ sở bán buôn

Mã số thuế

Nhập...

Tên cơ sở

Nhập...

Tỉnh

Chọn...

Xã

Chọn...

Có tài khoản

Chọn...

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

Nhập từ khóa để tìm kiếm (F3)

| STT | Mã số thuế   | Tên cơ sở                           | Email cơ sở                     | Tỉnh             | Xã                  | Địa chỉ cơ sở | Họ và tên chủ cơ sở | Có tài khoản | Thao tác |
|-----|--------------|-------------------------------------|---------------------------------|------------------|---------------------|---------------|---------------------|--------------|----------|
| 1   |              | Công Ty Cổ Phần TeleMedical         | tranquanghuy.031018+6@gmail.com | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm    | T10           |                     | Không        | ...      |
| 2   |              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NINH BÌNH | nhathuocnb@gmail.com            | Tỉnh Ninh Bình   | Xã Gia Viễn         | Hồ Đắc Di     |                     | Có           | ...      |
| 3   | 0361960028   | Cơ sở 01                            | fyu09083@lacia.com              | Tỉnh Ninh Bình   | Xã Gia Viễn         | Gia Viễn      |                     | Không        | ...      |
| 4   | 0113458780   | Công Ty TNHH Dược Kimmmedical       | bimsaya7544@ttquoted.com        | Thành phố Hà Nội | Phường Hai Bà Trưng | Đống Đa       |                     | Có           | ...      |
| 5   | 097837885681 | Công Ty TNHH Bán Bình               | celan97489@imash.com            | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm    | 10 ABCD       | 123 abcd            | Không        | ...      |

<

1

2

>

5 / trang

- Bước 2: Hệ thống hiển thị dữ liệu tìm kiếm thỏa mãn theo điều kiện tìm kiếm. Hiển thị trống nếu không có dữ liệu thỏa mãn.





Dashboard

Phê duyệt đăng ký t...

Cơ sở hệ thống

Quản lý cơ sở

Cơ sở sản xuất

Cơ sở xuất/nhập kh...

Cơ sở bán buôn

**Cơ sở bán lẻ**

Hồ sơ liên thông ...

Nghiệp vụ bán hà...

Danh mục thuốc

Báo cáo

Danh mục

Hệ thống

Quản lý cơ sở > Cơ sở bán lẻ

Mã số thuế: Nhập... Tên cơ sở: Nhập... Tỉnh: --Chọn-- Xã: --Chọn-- Có tài khoản: --Chọn--

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

STT Mã số thuế Tên cơ sở Email cơ sở Loại hình cơ sở Tỉnh Xã Địa chỉ cơ sở Có tài khoản Thao tác

|   |            |                     |                                 |            |                  |                     |            |       |     |
|---|------------|---------------------|---------------------------------|------------|------------------|---------------------|------------|-------|-----|
| 1 |            | Quầy thuốc An Phang | tranquanghuy.031018+7@gmail.com | Quầy thuốc | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm    | T10        | Không | ... |
| 2 |            | Nhà thuốc Minh Anh  | xst17753@taola.com              | Nhà thuốc  | Tỉnh Ninh Bình   | Phường Thiên Trường | 25 Mỹ Tho  | Không | ... |
| 3 | 0012341249 | Nhà thuốc Thành Lập | tranquanghuy.031018@gmail.com   | Nhà thuốc  | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm    | T10 Hà Nội | Không | ... |
| 4 |            | Quầy thuốc Nhất Tắt | QTNT@gmail.com                  | Quầy thuốc | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm    | T10        | Không | ... |
| 5 | 0934135412 | Nhà thuốc Thành Mĩ  | TM@gmail.com                    | Nhà thuốc  | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm    | T10        | Không | ... |

1 2 3 4 5 ... 11 > 1 / trang

- Bước 2: Hệ thống hiển thị dữ liệu tìm kiếm thỏa mãn theo điều kiện tìm kiếm. Hiển thị trống nếu không có dữ liệu thỏa mãn.

## 2.3. Phê duyệt tài khoản

### 2.3.1. Phê duyệt tài khoản cơ sở xuất/nhập khẩu

- Bước 1: Truy cập chức năng Phê duyệt đăng ký cơ sở trên menu
- Bước 2: Tại tab [Cơ sở xuất/nhập khẩu], người dùng có thể thực hiện tìm kiếm các cơ sở cần phê duyệt bằng cách lọc và tìm kiếm theo các tiêu chí

Dashboard

**Phê duyệt đăng ký t...**

Cơ sở hệ thống

Quản lý cơ sở

Hồ sơ liên thông ...

Nghiệp vụ bán hà...

Danh mục thuốc

Báo cáo

Danh mục

Hệ thống

Phê duyệt đăng ký tài khoản

Cơ sở sản xuất [3] Cơ sở xuất/nhập khẩu [4] Chuỗi nhà thuốc [3]

Tỉnh/Thành phố: --Chọn-- Xã/Phường: --Chọn-- Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

Nhập mã cơ sở, tên cơ sở, số định danh cơ quan, tổ chức để tìm kiếm (F3)

Tất cả [37] Chờ duyệt [4] Đã duyệt [18] Từ chối [15]

| STT | Thời gian đăng ký   | Thời gian phê duyệt | Số định danh cơ quan, tổ chức | Mã số thuế    | Tên cơ sở               | Email                           | Tỉnh/Thành phố   | Xã/Ph  | Trạng thái | Thao tác |
|-----|---------------------|---------------------|-------------------------------|---------------|-------------------------|---------------------------------|------------------|--------|------------|----------|
| 1   | 01/07/2026 15:38:32 |                     | 000123341231                  | 000123341231  | Công ty TNHH Dược Sinh  | tranquanghuy.031018+5@gmail.com | Thành phố Hà Nội | Phườn  | Chờ duyệt  | ...      |
| 2   | 10/06/2026 16:23:28 |                     |                               | 0111532201    | 1                       | vinh@gmail.com                  | Thành phố Hà Nội | Phườn  | Chờ duyệt  | ...      |
| 3   | 10/06/2026 16:17:25 |                     |                               | 0111532200    | Vân Vinh                | vinhv4818@gmail.com             | Tỉnh Bắc Ninh    | Xã Sor | Chờ duyệt  | ...      |
| 4   | 08/05/2026 17:16:14 |                     | 0012394309123                 | 0012394309123 | Cơ sở sản xuất Đông Vạn | rinalib613@lmashr.com           | Thành phố Hà Nội | Phườn  | Chờ duyệt  | ...      |

1 > 10 / trang

- Bước 3: Tại bản ghi Chờ duyệt, di chuột vào ô  sau đó chọn Phê duyệt

Dashboard

Phê duyệt đăng ký tài khoản

Tính/Thành phố: --Chọn-- Xã/Phường: --Chọn-- Nhập từ khóa tìm kiếm (F3):

Tất cả (37) Chờ duyệt (4) Đã duyệt (18) Từ chối (15)

| STT | Thời gian đăng ký   | Thời gian phê duyệt | Số định danh cơ quan, tổ chức | Mã số thuế    | Tên cơ sở               | Email                           | Tỉnh/Thành phố   | Xã/Ph | Trạng thái | Thao tác |
|-----|---------------------|---------------------|-------------------------------|---------------|-------------------------|---------------------------------|------------------|-------|------------|----------|
| 1   | 01/07/2026 15:38:32 |                     | 000123341231                  | 000123341231  | Công ty TNHH Dược Sinh  | tranquanghuy.031018+5@gmail.com | Thành phố Hà Nội | Phườn | Chờ duyệt  | ...      |
| 2   | 10/06/2026 16:23:28 |                     |                               | 0111532201    | 1                       | vinh@gmail.com                  | Thành phố Hà Nội | Phườn | Chờ duyệt  | ...      |
| 3   | 10/06/2026 16:17:25 |                     |                               | 0111532200    | Vân Vinh                | vinhv4818@gmail.com             | Tỉnh Bắc Ninh    | Xã Sơ | Chờ duyệt  | ...      |
| 4   | 08/05/2026 17:16:14 |                     | 0012394309123                 | 0012394309123 | Cơ sở sản xuất Đông Vạn | rinalib613@imashr.com           | Thành phố Hà Nội | Phườn | Chờ duyệt  | ...      |

< 1 > 10 / trang

- Bước 4: Tại màn hình Phê duyệt, người dùng thực hiện 1 trong 2 thao tác:

- Chọn **Đồng ý** để phê duyệt yêu cầu
- Chọn **Từ chối** để từ chối phê duyệt và nhập lý do từ chối

Dashboard

Phê duyệt đăng ký tài khoản

Phê duyệt cơ sở bán buôn đăng ký

Lưu ý: Trường thông tin có ⊖ là dữ liệu đăng ký khác với dữ liệu hệ thống

**Dữ liệu cơ sở**

Tỉnh/Thành phố: Thành phố Hà Nội Xã/Phường: Phường Hoàn Kiếm Số giấy chứng nhận đủ điều kiện...: GCN-012343123

Tên cơ sở: Công Ty Cổ Phần TeleMedical Số định danh cơ quan, tổ chức: Mã số thuế: 010123341231

Loại cơ sở: Cơ sở bán buôn Địa chỉ email: tranquanghuy.031018+6@gmail.com Địa chỉ trụ sở chính: T10

Ngày cấp giấy chứng nhận: 10/07/2024 Nơi cấp chứng nhận: SYT Hà Nội

Tải lên tệp

Người chịu trách nhiệm chuyên...: Nguyễn Văn A Điện thoại liên hệ: Trình độ chuyên môn: Y Sĩ

Số chứng chỉ hành nghề: CCHN-D-001230 Ngày cấp chứng chỉ hành nghề: 18/07/2024 Nơi cấp chứng chỉ hành nghề: SYT Hà Nội

**Dữ liệu đăng ký**

Tỉnh/Thành phố: Thành phố Hà Nội Xã/Phường: Phường Hoàn Kiếm Số giấy chứng nhận đủ điều kiện...: GCN-012343123

Tên cơ sở: Công Ty Cổ Phần TeleMedical Số định danh cơ quan, tổ chức: Mã số thuế: 010123341231

Loại cơ sở: Cơ sở bán buôn Địa chỉ email: tranquanghuy.031018+6@gmail.com Địa chỉ trụ sở chính: T10

Ngày cấp giấy chứng nhận: 10/07/2024 Nơi cấp chứng nhận: SYT Hà Nội

Tải lên tệp

Người chịu trách nhiệm chuyên...: Nguyễn Văn A Điện thoại liên hệ: 0987123120 Trình độ chuyên môn: Y Sĩ

Số chứng chỉ hành nghề: CCHN-D-001230 Ngày cấp chứng chỉ hành nghề: 18/07/2024 Nơi cấp chứng chỉ hành nghề: SYT Hà Nội

Đồng **Đồng ý** Từ chối

- Bước 5: Nhấn **Đồng ý** để xác nhận duyệt

- Hệ thống thực hiện tạo tài khoản cho cơ sở, thông tin tài khoản sẽ được gửi về email của cơ sở
- Thông tin đăng ký của cơ sở sẽ được lưu tại mục Cơ sở hệ thống > Cơ sở xuất/ nhập khẩu



Dashboard

Phê duyệt đăng ký t...

Cơ sở hệ thống

Cơ sở sản xuất

**Cơ sở xuất/nhập khẩu**

Cơ sở bán buôn

Cơ sở bán lẻ

Chuỗi nhà thuốc

Nhà thuốc thuộc ch...

Quản lý cơ sở

Hồ sơ liên thông ...

Nghiệp vụ bán hàng...

Danh mục thuốc

Báo cáo

Danh mục

Hệ thống

Cơ sở hệ thống > Cơ sở xuất/nhập khẩu

Số định danh cơ quan, tổ chức: Nhập...

Mã số thuế: Nhập...

Tên cơ sở: Nhập...

Tỉnh: --Chọn--

Xã: --Chọn--

Trạng thái xác thực VNeID: --Chọn--

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3): Công ty

| STT | Số định danh cơ quan, tổ chức | Mã số thuế   | Tên cơ sở                                        | Tài khoản    | Email cơ sở                     | Trạng thái xác thực VNeID | Trạng thái | Thao tác |
|-----|-------------------------------|--------------|--------------------------------------------------|--------------|---------------------------------|---------------------------|------------|----------|
| 1   | 2300987655                    | 2300987655   | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Quốc tế BN | 2300987655   | t.ranquanghuy.03101.8@gmail.com | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 2   | 3600275957                    | 3600275957   | Công ty TNHH Dược Phẩm ShinPoong Daewoo          | 3600275957   | hienbui1692000@gmail.com        | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 3   | 0312345678                    | 0312345678   | Công ty TNHH Dược phẩm ABC                       | 0312345678   | longth@softdreams.vn            | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 4   | 111111111111                  | 111111111111 | Công ty Xuất nhập khẩu Đại Đồng                  | 111111111111 | hddfnfdnff@gmail.com            | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 5   |                               | 1234567890   | Công ty TNHH XNK Trường Sinh                     | 1234567890   | uea19824@toaik.com              | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 6   | 0104014039                    | 0104014039   | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039   | vuthillieu292@gmail.com         | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |

10 / trang

### 2.3.2. Phê duyệt tài khoản chuỗi nhà thuốc

- Bước 1: Truy cập chức năng Phê duyệt đăng ký cơ sở trên menu
- Bước 2: Tại tab [Chuỗi nhà thuốc], người dùng có thể thực hiện tìm kiếm các cơ sở cần phê duyệt bằng cách lọc và tìm kiếm theo các tiêu chí

Dashboard

**Phê duyệt đăng ký t...**

Cơ sở hệ thống

Quản lý cơ sở

Hồ sơ liên thông ...

Nghiệp vụ bán hàng...

Danh mục thuốc

Báo cáo

Danh mục

Hệ thống

Phê duyệt đăng ký tài khoản

Tỉnh/Thành phố: --Chọn--

Xã/Phường: --Chọn--

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3): Nhập mã cơ sở, tên cơ sở, số định danh cơ quan, tổ chức để tìm kiếm (F3)

Tất cả (7) Chờ duyệt (3) Đã duyệt (4) Từ chối (0)

| STT | Thời gian đăng ký   | Thời gian phê duyệt | Số định danh cơ quan, tổ chức | Mã số thuế   | Tên chuỗi nhà thuốc    | Email                     | Tỉnh/Thành phố   | Xã/Phường           | Trạng thái | Thao tác |
|-----|---------------------|---------------------|-------------------------------|--------------|------------------------|---------------------------|------------------|---------------------|------------|----------|
| 1   | 23/06/2026 17:18:03 |                     |                               | 2306260200   | Nhà thuốc Minh Anh     | ajo21073@laoia.com        | Tỉnh Ninh Bình   | Phường Thiệp Trượng | Chờ duyệt  | ...      |
| 2   | 29/05/2026 14:48:33 |                     |                               | 329054193591 | CNT Khung Thượng       | cnt.khungthuong@gmail.com | Thành phố Hà Nội | Phường Ba Đ         | Chờ duyệt  | ...      |
| 3   | 25/05/2026 02:32:16 |                     |                               | 9329123949   | Chuỗi nhà thuốc Hòa Vũ | cnt.hoavu@gmail.com       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoà          | Chờ duyệt  | ...      |

10 / trang

- Bước 3: Tại bản ghi Chờ duyệt, di chuột vào ô  sau đó chọn Phê duyệt

**HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỆ DƯỢC**

Dashboard

**Phê duyệt đăng ký tài khoản**

Tính/Thành phố: --Chọn-- Xã/Phường: --Chọn-- Nhập từ khóa tìm kiếm (F3):

Tất cả 7 Chờ duyệt 3 Đã duyệt 4 Từ chối 0

| STT | Thời gian đăng ký   | Thời gian phê duyệt | Số định danh cơ quan, tổ chức | Mã số thuế   | Tên chuỗi nhà thuốc    | Email                     | Tính/Thành phố   | Xã/Phường           | Trạng thái | Thao tác    |
|-----|---------------------|---------------------|-------------------------------|--------------|------------------------|---------------------------|------------------|---------------------|------------|-------------|
| 1   | 23/06/2026 17:18:03 |                     |                               | 2306260200   | Nhà thuốc Minh Anh     | ajo21073@laoia.com        | Tỉnh Ninh Bình   | Phường Thiên Trường | Chờ duyệt  | ...         |
| 2   | 29/05/2026 14:48:33 |                     |                               | 329054193591 | CNT Khung Thuồng       | cnt.khungthuung@gmail.com | Thành phố Hà Nội | Phường Ba Đ         | Chờ duyệt  | ✓ Phê duyệt |
| 3   | 25/05/2026 02:32:16 |                     |                               | 9329123949   | Chuỗi nhà thuốc Hóa Vũ | cnt.hoavu@gmail.com       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn         | Chờ duyệt  | ...         |

< 1 > 10 / trang

- Bước 4: Tại màn hình Phê duyệt, người dùng thực hiện 1 trong 2 thao tác:
- Chọn **Đồng ý** để phê duyệt yêu cầu
  - Chọn **Từ chối** để từ chối phê duyệt và nhập lý do từ chối

**HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỆ DƯỢC**

Dashboard

**Phê duyệt đăng ký tài khoản**

Phê duyệt chuỗi nhà thuốc đăng ký

← Quay lại

**Dữ liệu cơ sở**

Tỉnh/TP: Tỉnh Ninh Bình Xã/Phường: Phường Thiên Trường Số giấy chứng nhận đủ điều kiện ...: 999/NB-ĐKKDD

Tên nhà thuốc: Nhà thuốc Minh Anh Số định danh cơ quan, tổ chức: Mã số thuế: 2306260200

Loại cơ sở: Cơ sở bán lẻ Địa chỉ email: xst17753@laoia.com Địa chỉ: 25 Mỹ Tho

Ngày cấp: 30/08/2017 Nơi cấp: SYT Ninh Bình

**Tải lên tệp**

Người phụ trách chuyên môn: Nguyễn Trường Minh Điện thoại liên hệ: Trình độ chuyên môn: Dược Sĩ

Số chứng chỉ hành nghề: 999/NB-CCHND Ngày cấp chứng chỉ hành nghề: 12/05/2016 Nơi cấp chứng chỉ hành nghề: SYT Ninh Bình

**Dữ liệu đăng ký**

Tỉnh/TP: Tỉnh Ninh Bình Xã/Phường: Phường Thiên Trường Số giấy chứng nhận đủ điều kiện ...: 999/NB-ĐKKDD

Tên nhà thuốc: Nhà thuốc Minh Anh Số định danh cơ quan, tổ chức: Mã số thuế: 2306260200

Loại cơ sở: Chuỗi nhà thuốc Địa chỉ email: ajo21073@laoia.com Địa chỉ: 25 Mỹ Tho

Ngày cấp: 30/08/2017 Nơi cấp: SYT Ninh Bình

**Tải lên tệp**

Người phụ trách chuyên môn: Nguyễn Trường Minh Điện thoại liên hệ: Trình độ chuyên môn: Dược Sĩ

Số chứng chỉ hành nghề: 999/NB-CCHND Ngày cấp chứng chỉ hành nghề: 12/05/2016 Nơi cấp chứng chỉ hành nghề: SYT Ninh Bình

Đồng ý Từ chối Đồng ý

- Bước 5: Nhấn **Đồng ý** để xác nhận duyệt
- Hệ thống thực hiện tạo tài khoản cho cơ sở, thông tin tài khoản sẽ được gửi về email của cơ sở
  - Thông tin đăng ký của cơ sở sẽ được lưu tại mục Cơ sở hệ thống > Chuỗi nhà thuốc

**HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỆ DƯỢC**

Dashboard

Phê duyệt đăng ký t...

Cơ sở hệ thống

Cơ sở sản xuất

Cơ sở xuất/nhập kh...

Cơ sở bán buôn

Cơ sở bán lẻ

**Chuỗi nhà thuốc**

Nhà thuốc thuộc ch...

Quản lý cơ sở

Hồ sơ liên thông ...

Nghiệp vụ bán hà...

Danh mục thuốc

Báo cáo

Danh mục

Hệ thống

**Cơ sở hệ thống > Chuỗi nhà thuốc**

Số định danh cơ quan, tổ chức: Nhập... Mã số thuế: Nhập... Tên chuỗi nhà thuốc: Nhập... Tỉnh: --Chọn-- Xã: --Chọn-- Có tài khoản: Có

Trạng thái xác thực VNeID: --Chọn-- Nhập từ khóa tìm kiếm (F3): Q Nhà thuốc

| STT | Số định danh cơ quan, tổ chức | Mã số thuế    | Tên chuỗi nhà thuốc                                                | Tài kh | Có tài khoản | Trạng thái xác thực VNeID | Trạng thái | Thao tác |
|-----|-------------------------------|---------------|--------------------------------------------------------------------|--------|--------------|---------------------------|------------|----------|
| 11  | 0012334101                    | 0012334101    | Nhà thuốc Đại Việt                                                 | 00123  | Có           | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 12  | 0012334124                    | 0012334124    | Nhà thuốc Đại Việt                                                 | 00123  | Có           | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 13  | 989454231133                  | 989454231133  | Chuỗi nhà thuốc Minh Quân                                          | 98945  | Có           | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 14  | 0901011017053                 | 0901011017053 | Nhà thuốc 15/04                                                    | 09010  | Có           | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 15  | 006324                        | 0301483706    | Nhà thuốc Phòng khám Đa khoa Trường Đại học y khoa Phạm Ngọc Thạch | 00632  | Có           | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 16  | 0123456                       | 0123456789632 | PHẦN MỀM MEDCOMPOS - CHUỖI NHÀ THUỐC                               | 01234  | Có           | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 17  | 0012930                       | 1123135423    | Nhà thuốc Minh Mạn                                                 | 112313 | Có           | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 18  | 0012312312                    | 0012312312    | Nhà thuốc 001                                                      | 00123  | Có           | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 19  | 0300990020                    | 0300990020    | Chuỗi nhà thuốc Tất Đạt                                            | 03009  | Có           | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 20  | 0013958691                    | 0013958691    | Chuỗi nhà thuốc 01                                                 | 00139  | Có           | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |

## 2.4. Quản lý thông tin tài khoản

- Bước 1: Nhấn chọn menu Cơ sở hệ thống, chọn loại cơ sở cần thao tác

**HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỆ DƯỢC**

Dashboard

Phê duyệt đăng ký t...

Cơ sở hệ thống

Cơ sở sản xuất

**Cơ sở xuất/nhập kh...**

Cơ sở bán buôn

Cơ sở bán lẻ

Chuỗi nhà thuốc

Nhà thuốc thuộc ch...

Quản lý cơ sở

Hồ sơ liên thông ...

Nghiệp vụ bán hà...

Danh mục thuốc

Báo cáo

Danh mục

Hệ thống

**Cơ sở hệ thống > Cơ sở xuất/nhập khẩu**

Số định danh cơ quan, tổ chức: Nhập... Mã số thuế: Nhập... Tên cơ sở: Nhập... Tỉnh: --Chọn-- Xã: --Chọn-- Trạng thái xác thực VNeID: --Chọn--

Trạng thái xác thực VNeID: --Chọn-- Nhập từ khóa tìm kiếm (F3): Q Nhập từ khóa để tìm kiếm (F3)

| STT | Số định danh cơ quan, tổ chức | Mã số thuế   | Tên cơ sở                                        | Tài khoản    | Email cơ sở                     | Trạng thái xác thực VNeID | Trạng thái | Thao tác |
|-----|-------------------------------|--------------|--------------------------------------------------|--------------|---------------------------------|---------------------------|------------|----------|
| 1   | 2300987655                    | 2300987655   | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Quốc tế BN | 2300987655   | t.ranquanghuy.03101.8@gmail.com | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 2   | 3600275957                    | 3600275957   | Công ty TNHH Dược Phẩm ShinPoong Daewoo          | 3600275957   | hienbui1692000@gmail.com        | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 3   | 0312345678                    | 0312345678   | Công ty TNHH Dược phẩm ABC                       | 0312345678   | longth@softdreams.vn            | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 4   | 111111111111                  | 111111111111 | Công Ty Xuất nhập khẩu Đại Đông                  | 111111111111 | hddfnfnfn@gmail.com             | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 5   |                               | 1234567890   | Công ty TNHH XNK Trường Sinh                     | 1234567890   | uea19824@toaik.com              | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 6   | 0104014039                    | 0104014039   | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039   | vuthillieu292@gmail.com         | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |

< 1 > 10 / trang

- Bước 2: Tìm kiếm cơ sở theo các tiêu chí

- Số định danh cơ quan, tổ chức
- Mã số thuế
- Tên cơ sở
- ...

**HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ DƯỢC**

Dashboard  
 Phê duyệt đăng ký t...  
 Cơ sở hệ thống  
 Cơ sở sản xuất  
**Cơ sở xuất/nhập kh...**  
 Cơ sở bán buôn  
 Cơ sở bán lẻ  
 Chuỗi nhà thuốc  
 Nhà thuốc thuộc ch...  
 Quản lý cơ sở  
 Hồ sơ liên thông ...  
 Nghiệp vụ bán hà...  
 Danh mục thuốc  
 Báo cáo  
 Danh mục  
 Hệ thống

Xuất excel

Số định danh cơ quan, tổ chức: Nhập...  
 Mã số thuế: Nhập...  
 Tên cơ sở: Nhập...  
 Tỉnh: --Chọn--  
 Xã: --Chọn--  
 Trạng thái xác thực VNeID: --Chọn--

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)  
 Q Nhập từ khóa để tìm kiếm (F3)

| STT | Số định danh cơ quan, tổ chức | Mã số thuế   | Tên cơ sở                                        | Tài khoản    | Email cơ sở              | Trạng thái xác thực VNeID | Trạng thái | Thao tác |
|-----|-------------------------------|--------------|--------------------------------------------------|--------------|--------------------------|---------------------------|------------|----------|
| 1   | 2300987655                    | 2300987655   | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Quốc tế BN | 2300987655   | t.ranquanghuy.03101.8@gm | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 2   | 3600275957                    | 3600275957   | Công ty TNHH Dược Phẩm ShinPoong Daewoo          | 3600275957   | hienbui1692000@gmail.com | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 3   | 0312345678                    | 0312345678   | Công ty TNHH Dược phẩm ABC                       | 0312345678   | longthi@softdreams.vn    | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 4   | 111111111111                  | 111111111111 | Công Ty Xuất nhập khẩu Đại Đồng                  | 111111111111 | hddfnfdnff@gmail.com     | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 5   |                               | 1234567890   | Công ty TNHH XNK Trường Sinh                     | 1234567890   | uea19824@toalk.com       | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |
| 6   | 0104014039                    | 0104014039   | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039   | vuthillieu292@gmail.com  | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...      |

< 1 > 10 / trang

- Bước 3: Nhấn nút thao tác và chọn:

- Xem chi tiết
- Thay đổi mật khẩu
- Chỉnh sửa
- Danh sách thuốc
- Xóa

**HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ DƯỢC**

Dashboard  
 Phê duyệt đăng ký t...  
 Cơ sở hệ thống  
 Cơ sở sản xuất  
**Cơ sở xuất/nhập kh...**  
 Cơ sở bán buôn  
 Cơ sở bán lẻ  
 Chuỗi nhà thuốc  
 Nhà thuốc thuộc ch...  
 Quản lý cơ sở  
 Hồ sơ liên thông ...  
 Nghiệp vụ bán hà...  
 Danh mục thuốc  
 Báo cáo  
 Danh mục  
 Hệ thống

Cơ sở hệ thống > Cơ sở xuất/nhập khẩu

Xuất excel

Số định danh cơ quan, tổ chức: Nhập...  
 Mã số thuế: Nhập...  
 Tên cơ sở: Nhập...  
 Tỉnh: --Chọn--  
 Xã: --Chọn--  
 Trạng thái xác thực VNeID: --Chọn--

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)  
 Q công ty

| STT | Số định danh cơ quan, tổ chức | Mã số thuế   | Tên cơ sở                                        | Tài khoản    | Email cơ sở              | Trạng thái xác thực VNeID | Trạng thái | Thao tác                                                       |
|-----|-------------------------------|--------------|--------------------------------------------------|--------------|--------------------------|---------------------------|------------|----------------------------------------------------------------|
| 1   | 2300987655                    | 2300987655   | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Quốc tế BN | 2300987655   | t.ranquanghuy.03101.8@gm | Chưa xác thực             | Hoạt động  | Chi tiết<br>Thay đổi mật khẩu<br>Sửa<br>Danh sách thuốc<br>Xóa |
| 2   | 3600275957                    | 3600275957   | Công ty TNHH Dược Phẩm ShinPoong Daewoo          | 3600275957   | hienbui1692000@gmail.com | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...                                                            |
| 3   | 0312345678                    | 0312345678   | Công ty TNHH Dược phẩm ABC                       | 0312345678   | longthi@softdreams.vn    | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...                                                            |
| 4   | 111111111111                  | 111111111111 | Công Ty Xuất nhập khẩu Đại Đồng                  | 111111111111 | hddfnfdnff@gmail.com     | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...                                                            |
| 5   |                               | 1234567890   | Công ty TNHH XNK Trường Sinh                     | 1234567890   | uea19824@toalk.com       | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...                                                            |
| 6   | 0104014039                    | 0104014039   | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039   | vuthillieu292@gmail.com  | Chưa xác thực             | Hoạt động  | ...                                                            |

< 1 > 10 / trang

## 2.5. Hồ sơ liên thông API

- Bước 1: Người dùng truy cập vào chức năng Quản lý hồ sơ liên thông API trên menu để truy cập vào danh sách hồ sơ.

**Hồ sơ liên thông API**

Ngày liên thông từ ngày: 01/01/2026 Đến ngày: 31/03/2026 Trạng thái xử lý: --Chọn-- Loại tiếp nhận: --Chọn-- Tỉnh/Thành phố: --Chọn-- Xã/Phường: --Chọn--

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3):

Nhập mã giao dịch, tên tài khoản để tìm kiếm (F3):

| STT | Loại tiếp nhận | Mã giao dịch                         | HTTP Method | Tên cơ sở                                        | Tài khoản  | Địa chỉ IP      | Trạng thái xử lý | Chi tiết lỗi                     | Thời gian thực hiện | Thời gian thực tế | Thao tác |
|-----|----------------|--------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------|------------|-----------------|------------------|----------------------------------|---------------------|-------------------|----------|
| 1   | Xuất hàng      | a877f654-6e03-438c-897f-8c870db942c8 | POST        | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039 | ffff:172:19:0:1 | Thất bại         | Loại phiếu xuất kho không hợp lệ | 31/03/2026 09:44    | 31/03/2026 08:30  | ...      |
| 2   | Xuất hàng      | e4b33658-d1c5-4fdf-a659-1e4279915579 | POST        | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039 | ffff:172:19:0:1 | Thất bại         | Loại phiếu xuất kho không hợp lệ | 31/03/2026 09:43    | 31/03/2026 08:30  | ...      |
| 3   | Xuất hàng      | 74d6d5fe-dae6-4075-ada9-1ae7a4514957 | POST        | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039 | ffff:172:19:0:1 | Hoàn thành       |                                  | 31/03/2026 09:42    | 31/03/2026 08:30  | ...      |
| 4   | Xuất hàng      | 2d574db5-4aba-4abf-b827-5199ae42e0cf | POST        | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039 | ffff:172:19:0:1 | Hoàn thành       |                                  | 31/03/2026 09:41    | 31/03/2026 08:30  | ...      |
| 5   | Xuất hàng      | ec3a60ea-b761-4ffc-94e3-3374b208a43c | POST        | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039 | ffff:172:19:0:1 | Thất bại         | Loại phiếu xuất kho không hợp lệ | 31/03/2026 09:39    | 31/03/2026 08:30  | ...      |
| 6   | Xuất hàng      | b5344a7c-e9b8-4297-8e38-44e4a53404f7 | POST        | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039 | ffff:172:19:0:1 | Hoàn thành       |                                  | 31/03/2026 09:38    | 31/03/2026 08:30  | ...      |
| 7   | Xuất hàng      | 59f1dc31-a9b4-4aff-ae7e-70488ef84510 | POST        | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039 | ffff:172:19:0:1 | Hoàn thành       |                                  | 31/03/2026 09:36    | 31/03/2026 08:30  | ...      |
| 8   | Xuất hàng      | 5ce8639b-8285-4fc2-a96d-72057f29d995 | POST        | Cơ sở bán buôn Minh Vũ                           | 0120000000 | ffff:172:19:0:1 | Hoàn thành       |                                  | 31/03/2026 09:36    | 31/03/2026 08:30  | ...      |

- Bước 2: Người dùng có thể tìm kiếm theo thời gian, trạng thái và từ khóa để tìm kiếm kết quả liên thông dữ liệu

**Hồ sơ liên thông API**

Ngày liên thông từ ngày: 01/01/2026 Đến ngày: 31/03/2026 Trạng thái xử lý: --Chọn-- Loại tiếp nhận: --Chọn-- Tỉnh/Thành phố: --Chọn-- Xã/Phường: --Chọn--

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3):

Nhập mã giao dịch, tên tài khoản để tìm kiếm (F3):

| STT | Loại tiếp nhận | Mã giao dịch                         | HTTP Method | Tên cơ sở                                        | Tài khoản  | Địa chỉ IP      | Trạng thái xử lý | Chi tiết lỗi                     | Thời gian thực hiện | Thời gian thực tế | Thao tác |
|-----|----------------|--------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------|------------|-----------------|------------------|----------------------------------|---------------------|-------------------|----------|
| 1   | Xuất hàng      | a877f654-6e03-438c-897f-8c870db942c8 | POST        | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039 | ffff:172:19:0:1 | Thất bại         | Loại phiếu xuất kho không hợp lệ | 31/03/2026 09:44    | 31/03/2026 08:30  | ...      |
| 2   | Xuất hàng      | e4b33658-d1c5-4fdf-a659-1e4279915579 | POST        | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039 | ffff:172:19:0:1 | Thất bại         | Loại phiếu xuất kho không hợp lệ | 31/03/2026 09:43    | 31/03/2026 08:30  | ...      |
| 3   | Xuất hàng      | 74d6d5fe-dae6-4075-ada9-1ae7a4514957 | POST        | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039 | ffff:172:19:0:1 | Hoàn thành       |                                  | 31/03/2026 09:42    | 31/03/2026 08:30  | ...      |
| 4   | Xuất hàng      | 2d574db5-4aba-4abf-b827-5199ae42e0cf | POST        | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039 | ffff:172:19:0:1 | Hoàn thành       |                                  | 31/03/2026 09:41    | 31/03/2026 08:30  | ...      |
| 5   | Xuất hàng      | ec3a60ea-b761-4ffc-94e3-3374b208a43c | POST        | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039 | ffff:172:19:0:1 | Thất bại         | Loại phiếu xuất kho không hợp lệ | 31/03/2026 09:39    | 31/03/2026 08:30  | ...      |
| 6   | Xuất hàng      | b5344a7c-e9b8-4297-8e38-44e4a53404f7 | POST        | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039 | ffff:172:19:0:1 | Hoàn thành       |                                  | 31/03/2026 09:38    | 31/03/2026 08:30  | ...      |

- Bước 3: Nhấn **Xuất file** để tải về danh sách về thiết bị



**Hồ sơ liên thông API**

Ngày liên thông từ ngày: 01/01/2026 Đến ngày: 31/03/2026 Trạng thái xử lý: --Chọn-- Loại tiếp nhận: --Chọn-- Tỉnh/Thành phố: --Chọn-- Xã/Phường: --Chọn--

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3):

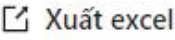
| STT | Loại tiếp nhận | Mã giao dịch                         | HTTP Method | Tên cơ sở                                        | Tài khoản  | Địa chỉ IP        | Trạng thái xử lý | Chi tiết lỗi                     | Thời gian thực hiện | Thao tác |
|-----|----------------|--------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------|------------|-------------------|------------------|----------------------------------|---------------------|----------|
| 1   | Xuất hàng      | a877f654-6e03-438c-897f-8c870ab942c8 | POST        | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039 | ::ffff:172.19.0.1 | Thất bại         | Loại phiếu xuất kho không hợp lệ | 31/03/2026 09:44    | ...      |
| 2   | Xuất hàng      | e4b33658-d1c5-4f6f-a659-1e4279915579 | POST        | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039 | ::ffff:172.19.0.1 | Thất bại         | Loại phiếu xuất kho không hợp lệ | 31/03/2026 09:43    | ...      |
| 3   | Xuất hàng      | 74d6d5fe-dae6-4075-ada9-1ae7a514957  | POST        | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039 | ::ffff:172.19.0.1 | Hoàn thành       |                                  | 31/03/2026 09:42    | ...      |
| 4   | Xuất hàng      | 2d574db5-4aba-4abf-b827-5199ae42e0cf | POST        | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039 | ::ffff:172.19.0.1 | Hoàn thành       |                                  | 31/03/2026 09:41    | ...      |
| 5   | Xuất hàng      | ec3a60ea-b761-4ffc-94e3-3374b208a43c | POST        | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039 | ::ffff:172.19.0.1 | Thất bại         | Loại phiếu xuất kho không hợp lệ | 31/03/2026 09:39    | ...      |
| 6   | Xuất hàng      | b5344a7c-e9b8-4297-8e38-44e4a53404f7 | POST        | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược phẩm Thành Phát | 0104014039 | ::ffff:172.19.0.1 | Hoàn thành       |                                  | 31/03/2026 09:38    | ...      |

## 2.6. Báo cáo

- Bước 1: Người dùng truy cập chức năng Báo cáo trên menu sau đó chọn báo cáo cần xem

**Báo cáo**

Báo cáo nhập - xuất - tồn

- Bước 2: Chọn cơ sở cần xem
- Bước 3: Nhấn  trên màn hình để tải về file excel báo cáo
- Bước 4: Nhấn  trên màn hình để tải về file PDF báo cáo

[Trang chủ](#) > [Báo cáo](#) > [Báo cáo kho](#) > **Báo cáo nhập - xuất - tồn**
Quay lại Xuất excel Xuất Pdf

Từ ngày: 01/01/2026 Đến ngày: 02/07/2026 Cơ sở: Nhà thuốc Tâm An Hoạt chất: Nhập Lô thuốc sắp hết hạn trong: --Chọn--

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)  
 Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

| STT         | Mã SP        | Thuốc         | Số lô            | Ngày hết hạn | ĐVT  | Tồn đầu kỳ | Số lượng |          | Kiểm hàng | Xuất | Tồn cuối kỳ |
|-------------|--------------|---------------|------------------|--------------|------|------------|----------|----------|-----------|------|-------------|
|             |              |               |                  |              |      |            | Nhập     | Hoàn trả |           |      |             |
| <b>Tổng</b> |              |               |                  |              |      | 0          | 3,389    | 0        | 0         | 131  | 3,258       |
| 1           | 893110492925 | Empatine      | 1                | 07/05/2027   | Viên | 0          | 1        | 0        | 0         | 0    | 1           |
| 2           | 893110492925 | Empatine      | TA-8925-01       | 31/12/2027   | Viên | 0          | 10       | 0        | 0         | 0    | 10          |
| 3           | 893110492825 | Dorunavir 75  | LO2025-2026-2027 | 31/12/2027   | Viên | 0          | 2,997    | 0        | 0         | 30   | 2,967       |
| 4           | 893110492725 | Fabalina 5/25 | LOT-230326-001   | 25/03/2026   | Viên | 0          | 0        | 0        | 0         | 11   | -11         |
| 5           | 893110492525 | Strongfil-40  | SOLO-C-0001      | 04/07/2026   | Viên | 0          | 30       | 0        | 0         | 0    | 30          |
| 6           | 893110491125 | Solfazin      | 12321            | 19/04/2026   | Gói  | 0          | 1        | 0        | 0         | 0    | 1           |
| 7           | VD-12295-10  | A.C Mexcold   | LOT-260515-001   | 01/01/2030   | Viên | 0          | 100      | 0        | 0         | 20   | 80          |
| 8           | 893110113023 | 3B-Medi       | LOT-260515-001   | 01/01/2030   | Viên | 0          | 150      | 0        | 0         | 50   | 100         |
| 9           | VD-11853-10  | α Kisin       | LOT-260515-001   | 01/01/2030   | Viên | 0          | 100      | 0        | 0         | 20   | 80          |

Sứ dụng tốt Sắp hết hạn Đã hết hạn

< 1 > 10 / trang

## 2.7. Quản lý thông báo

- Mục đích: Chức năng cho phép cơ quan quản lý gửi thông báo đến các cơ sở quản lý.
- Người dùng thực hiện các bước sau để tạo thông báo:
  - Bước 1: Tại menu chức năng, người dùng nhấn chọn mục **Thông báo**, nhấn **Thêm mới**

HỖ TRỢ 99%

Dashboard  
 Phê duyệt đăng ký t...  
 Cơ sở hệ thống  
 Quản lý cơ sở  
 Hồ sơ liên thông...  
 Nghiệp vụ bán hàng...  
 Danh mục thuốc  
 Báo cáo  
 Danh mục  
 Hệ thống  
 Người dùng  
 Vai trò  
 Vai trò cơ sở  
 Cấu hình  
 Nhật ký hệ thống  
**Thông báo**  
 Bản tin

**Danh sách thông báo**
Thêm mới (F2)

Từ ngày: Nhập ... Đến ngày: Nhập ... Trang thái: --Chọn--  
 Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)  
 Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

| STT | Tiêu đề                             | Nội dung          | Ngày gửi            | Trạng thái | Thao tác |
|-----|-------------------------------------|-------------------|---------------------|------------|----------|
| 1   | Đăng ký cơ sở                       | Đăng ký cơ sở     | 02/07/2026 11:25:43 | Đã gửi     | ...      |
| 2   | Thông báo về việc đăng ký tài khoản | Đăng ký tài khoản | 02/07/2026 11:26:39 | Đã gửi     | ...      |

< 1 > 10 / trang

- Bước 2: Nhập/Chọn nội dung thông báo và nhấn **Lưu và gửi**

**Thêm mới thông báo** Quay lại danh sách

☐ Gửi ngay Ngày gửi \*  
Ngày/Tháng/Năm

Nơi nhận \*  
--Chọn--

Tiêu đề \*  
Nhập ...

Nội dung  
Nhập ...

Danh sách file đính kèm

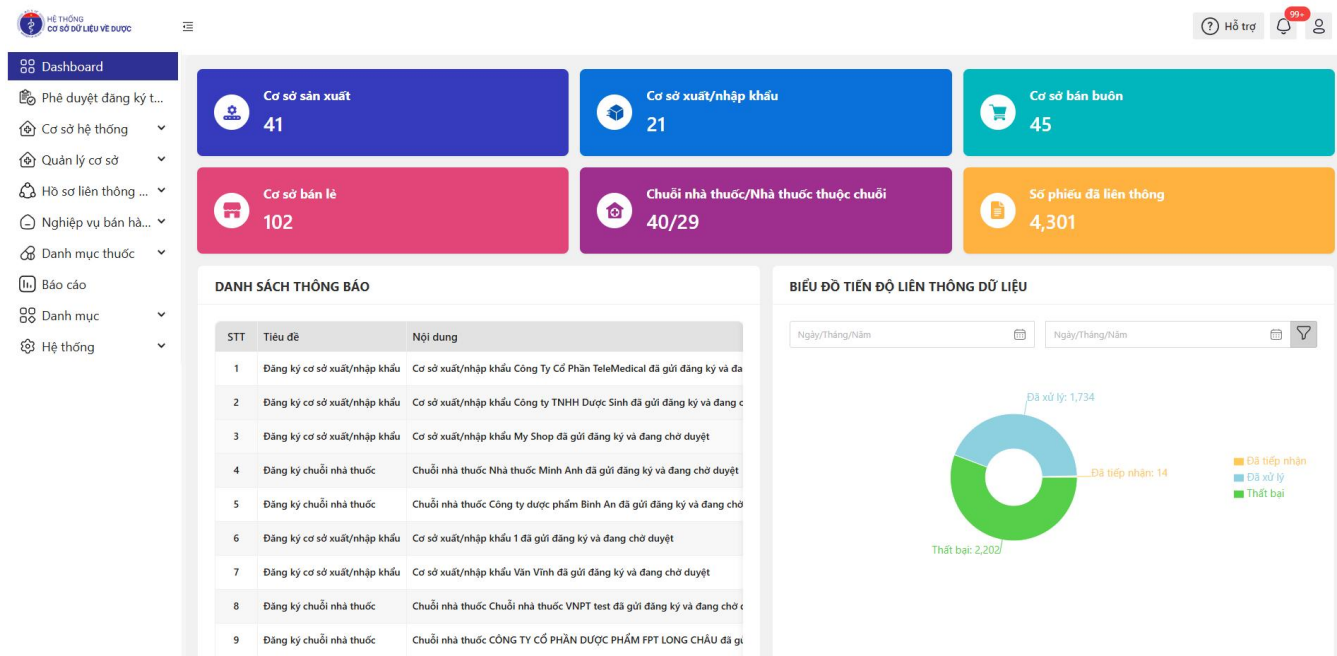
| STT | Tài liệu đính kèm                                                                                                                                       |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Chọn file hoặc kéo thả file vào đây để tải lên<br>Hỗ trợ upload tệp định dạng .pdf, .doc, .docx, .png, .jpg, .jpeg. Dung lượng file không vượt quá 5MB. |

+ Thêm tài liệu Lưu nhập Lưu và chờ gửi

- Bước 3: Hệ thống thực hiện gửi thông báo đến các đối tượng Nơi nhận. Tại màn danh sách thông báo, tại ... người dùng nhấn chọn các thao tác để thực hiện xem chi tiết thông báo.

## 2.8. Dashboard

Người dùng truy cập màn hình dashboard để theo dõi dữ liệu tổng quan



## 3. HƯỚNG DẪN NGƯỜI DÙNG LÀ SỞ Y TẾ

### 3.1. Phê duyệt tài khoản cơ sở bán buôn, cơ sở bán lẻ; Nhà thuốc thành viên thuộc Chuỗi nhà thuốc

- Bước 1: Truy cập chức năng Phê duyệt đăng ký cơ sở trên menu



- Bước 2: Tại tab [Cơ sở bán buôn]/[Cơ sở bán lẻ]/[Nhà thuốc thành viên thuộc Chuỗi nhà thuốc] người dùng có thể thực hiện tìm kiếm các cơ sở cần phê duyệt bằng cách lọc và tìm kiếm theo các tiêu chí

| STT | Thời gian đăng ký   | Thời gian phê duyệt | Số định danh cơ quan, tổ chức | Mã số thuế   | Tên cơ sở                      | Email                           | Tỉnh/Thành phố   | Xã/Phường        | Người phụ trách chuyên môn | Trạng thái | Thao tác |
|-----|---------------------|---------------------|-------------------------------|--------------|--------------------------------|---------------------------------|------------------|------------------|----------------------------|------------|----------|
| 1   | 01/07/2026 17:14:28 |                     |                               | 0100366745   | Công ty TNHH Dược Phẩm Đa Phúc | daphucpharma@gmail.com          | Thành phố Hà Nội | Phường Ô Chợ Dừa | Bùi Mạnh Hà                | Chờ duyệt  | ...      |
| 2   | 01/07/2026 15:40:59 |                     | 010123341231                  | 010123341231 | Công Ty Cổ Phần TeleMedical    | tranquanghuy.031018+6@gmail.com | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | Nguyễn Văn A               | Chờ duyệt  | ...      |
| 3   | 01/07/2026 10:15:25 | 01/07/2026 10:17:22 | 001211001762                  | 0104974085   | Công ty Cổ phần Dược VP-PHARM  | lienhe@vp-pharm.vn              | Thành phố Hà Nội | Xã Bình Minh     | Trần Mạnh Ý                | Đã duyệt   | ...      |
| 4   | 24/06/2026 14:58:06 | 25/06/2026 10:49:12 | 1111111111                    | 1111111111   | Kiotviet cơ sở bán buôn        | luan.lv1@kiotviet.com           | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | Kiotviet cơ sở bán buôn    | Đã duyệt   | ...      |
| 5   | 10/06/2026 11:13:24 | 10/06/2026 11:22:31 |                               | 2222222222   | Cơ sở bán buôn VNPT test       | long.lh@vnpt.vn                 | Thành phố Hà Nội | Phường Đồng Đa   | Trần Mạnh Tuấn             | Đã duyệt   | ...      |

- Bước 3: Tại bản ghi Chờ duyệt, di chuột vào ô  sau đó chọn Phê duyệt

| STT | Thời gian đăng ký   | Thời gian phê duyệt | Số định danh cơ quan, tổ chức | Mã số thuế   | Tên cơ sở                      | Email                           | Tỉnh/Thành phố   | Xã/Ph  | Trạng thái | Thao tác |
|-----|---------------------|---------------------|-------------------------------|--------------|--------------------------------|---------------------------------|------------------|--------|------------|----------|
| 1   | 01/07/2026 17:14:28 |                     |                               | 0100366745   | Công ty TNHH Dược Phẩm Đa Phúc | daphucpharma@gmail.com          | Thành phố Hà Nội | Phườn  | Chờ duyệt  | ...      |
| 2   | 01/07/2026 15:40:59 |                     | 010123341231                  | 010123341231 | Công Ty Cổ Phần TeleMedical    | tranquanghuy.031018+6@gmail.com | Thành phố Hà Nội | Phườn  | Chờ duyệt  | ...      |
| 3   | 01/07/2026 10:15:25 | 01/07/2026 10:17:22 | 001211001762                  | 0104974085   | Công ty Cổ phần Dược VP-PHARM  | lienhe@vp-pharm.vn              | Thành phố Hà Nội | Xã Bìn | Đã duyệt   | ...      |
| 4   | 24/06/2026 14:58:06 | 25/06/2026 10:49:12 | 1111111111                    | 1111111111   | Kiotviet cơ sở bán buôn        | luan.lv1@kiotviet.com           | Thành phố Hà Nội | Phườn  | Đã duyệt   | ...      |
| 5   | 10/06/2026 11:13:24 | 10/06/2026 11:22:31 |                               | 2222222222   | Cơ sở bán buôn VNPT test       | long.lh@vnpt.vn                 | Thành phố Hà Nội | Phườn  | Đã duyệt   | ...      |

- Bước 4: Tại màn hình Phê duyệt, người dùng thực hiện 1 trong 2 thao tác:
  - Chọn *Đồng ý* để phê duyệt yêu cầu
  - Chọn *Từ chối* để từ chối phê duyệt và nhập lý do từ chối

**HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỆ DƯỢC**

Dashboard

Phê duyệt đăng ký t...

Cơ sở hệ thống

Quản lý cơ sở

Hồ sơ liên thông ...

Nghiệp vụ bán hà...

Danh mục thuốc

Báo cáo

Hệ thống

**Phê duyệt đăng ký tài khoản**

Phê duyệt cơ sở bán buôn đăng ký

Quay lại

Lưu ý: Trường thông tin có là dữ liệu đăng ký khác với dữ liệu hệ thống

**Dữ liệu cơ sở**

Tỉnh/Thành phố: Thành phố Hà Nội | Xã/Phường: Phường Hoàn Kiếm | Số giấy chứng nhận đủ điều kiện...: GCN-012343123

Tên cơ sở: Công Ty Cổ Phần TeleMedical | Số định danh cơ quan, tổ chức: | Mã số thuế: |

Loại cơ sở: Cơ sở bán buôn | Địa chỉ email: tranquanghuy.031018+6@gmail.com | Địa chỉ trụ sở chính: T10

Ngày cấp giấy chứng nhận: 10/07/2024 | Nơi cấp chứng nhận: SYT Hà Nội

Tải lên tệp

Người chịu trách nhiệm chuyên ...: Nguyễn Văn A | Điện thoại liên hệ: | Trình độ chuyên môn: |

Số chứng chỉ hành nghề: CCHN-D-001230 | Ngày cấp chứng chỉ hành nghề: 18/07/2024 | Nơi cấp chứng chỉ hành nghề: SYT Hà Nội

**Dữ liệu đăng ký**

Tỉnh/Thành phố: Thành phố Hà Nội | Xã/Phường: Phường Hoàn Kiếm | Số giấy chứng nhận đủ điều kiện...: GCN-012343123

Tên cơ sở: Công Ty Cổ Phần TeleMedical | Số định danh cơ quan, tổ chức: 010123341231 | Mã số thuế: 010123341231

Loại cơ sở: Cơ sở bán buôn | Địa chỉ email: tranquanghuy.031018+6@gmail.com | Địa chỉ trụ sở chính: T10

Ngày cấp giấy chứng nhận: 10/07/2024 | Nơi cấp chứng nhận: SYT Hà Nội

Tải lên tệp

Người chịu trách nhiệm chuyên ...: Nguyễn Văn A | Điện thoại liên hệ: 0987123120 | Trình độ chuyên môn: Y Sĩ

Số chứng chỉ hành nghề: CCHN-D-001230 | Ngày cấp chứng chỉ hành nghề: 18/07/2024 | Nơi cấp chứng chỉ hành nghề: SYT Hà Nội

Đồng | Từ chối | Đồng ý

- Bước 5: Nhấn **Đồng ý** để xác nhận duyệt

## 3.2. Quản lý cơ sở bán buôn, cơ sở bán lẻ

### 3.2.1. Thêm mới cơ sở

- Bước 1: Tại màn hình danh sách cơ sở bán buôn/ bán lẻ, nhấn

**+ Thêm mới (F2)**

**HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỆ DƯỢC**

Dashboard

Phê duyệt đăng ký t...

Cơ sở hệ thống

Quản lý cơ sở

Cơ sở bán buôn

Cơ sở bán lẻ

Hồ sơ liên thông ...

Nghiệp vụ bán hà...

Danh mục thuốc

Báo cáo

Hệ thống

**Quản lý cơ sở > Cơ sở bán lẻ**

Thao tác excel

**+ Thêm mới (F2)**

Mã số thuế: Nhập... | Tên cơ sở: Nhập... | Tỉnh: Thành phố Hà Nội | Xã: --Chọn-- | Có tài khoản: --Chọn--

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

Quản lý cơ sở

| STT | Mã số thuế | Tên cơ sở             | Email cơ sở                     | Loại hình cơ sở | Tỉnh             | Xã               | Địa chỉ cơ sở | Có tài khoản | Thao tác |
|-----|------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------|------------------|------------------|---------------|--------------|----------|
| 1   |            | Quầy thuốc An Phang   | tranquanghuy.031018+7@gmail.com | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Có           | ...      |
| 2   | 0012341249 | Nhà thuốc Thành Lập   | tranquanghuy.031018@gmail.com   | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10 Hà Nội    | Không        | ...      |
| 3   |            | Quầy thuốc Nhất Tất   | QTNT@gmail.com                  | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Không        | ...      |
| 4   | 0934135412 | Nhà thuốc Thành Mĩ    | TM@gmail.com                    | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Không        | ...      |
| 5   |            | Quầy thuốc Ninh Phạm  | sampleget823@gmail.com          | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | 31abb         | Có           | ...      |
| 6   | 0091234313 | Nhà thuốc Pharmafarm  | facev64394@nuitx.com            | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | Hà Nội 1      | Có           | ...      |
| 7   | 0623656780 | Cơ sở bán lẻ Jane     | jayig84422@nuitx.com            | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Ngọc Hà   | Hà Nội 1      | Có           | ...      |
| 8   | 0980652010 | Cơ sở bán lẻ Patricia | dotcom0001@itquoted.com         | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | 980 Hoàn Kiếm | Có           | ...      |
| 9   |            | 213 ABCD              | 213ABCD@GMAIL.COM               | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Láng      | 213 ABCD      | Có           | ...      |
| 10  |            | Cơ sở bán lẻ Jennifer | wakaj22807@homvela.com          | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Cửa Nam   | Hà Nội 123    | Có           | ...      |

- Bước 2: Tại form [Thêm mới], người dùng nhập các thông tin của cơ sở,

bao gồm tối thiểu các trường bắt buộc

- Bước 3: Sau khi đã nhập đầy đủ thông tin, nhấn **Lưu (F8)** để xác nhận thêm mới cơ sở xuất/ nhập khẩu lên hệ thống

### 3.2.2. Sửa thông tin cơ sở

- Bước 1: Chọn các tiêu chí hoặc nhập các từ khóa tìm kiếm và nhấn nút  để tìm kiếm cơ sở cần chỉnh sửa
- Bước 2: Chọn cơ sở cần sửa, di chuột vào  sau đó chọn Sửa

| STT | Mã số thuế | Tên cơ sở             | Email cơ sở                     | Loại hình cơ sở | Tỉnh             | Xã               | Địa chỉ cơ sở | Có tài khoản | Thao tác |
|-----|------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------|------------------|------------------|---------------|--------------|----------|
| 1   |            | Quầy thuốc An Phang   | tranquanghuy.031018+7@gmail.com | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Có           | ...      |
| 2   | 0012341249 | Nhà thuốc Thành Lập   | tranquan.guay.031018@gmail.com  | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10 Hà Nội    | Không        | Sửa      |
| 3   |            | Quầy thuốc Nhất Tất   | QTNT@gmail.com                  | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Không        | ...      |
| 4   | 0934135412 | Nhà thuốc Thành Mi    | TM@gmail.com                    | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Không        | ...      |
| 5   |            | Quầy thuốc Ninh Phạm  | samplegget823@gmail.com         | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | 31abbc        | Có           | ...      |
| 6   | 0091234313 | Nhà thuốc Pharmafarm  | facev64394@nuitx.com            | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | Hà Nội 1      | Có           | ...      |
| 7   | 0623656780 | Cơ sở bán lẻ Jane     | jayig84422@nuitx.com            | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Ngọc Hà   | Hà Nội 1      | Có           | ...      |
| 8   | 0980652010 | Cơ sở bán lẻ Patricia | dotcom0001@itquoted.com         | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | 980 Hoàn Kiếm | Có           | ...      |
| 9   |            | 213 ABCD              | 213ABCD@GMAIL.COM               | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Láng      | 213 ABCD      | Có           | ...      |
| 10  |            | Cơ sở bán lẻ Jennifer | wakaj22807@homvela.com          | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Cửa Nam   | Hà Nội 123    | Có           | ...      |

- Bước 3: Chỉnh sửa thông tin cơ sở sau đó nhấn **Lưu (F8)** để lưu lại thay

đổi

### 3.2.3. Xem chi tiết thông tin

- Bước 1: Chọn các tiêu chí hoặc nhập các từ khóa tìm kiếm và nhấn nút  để tìm kiếm cơ sở xuất/nhập khẩu, chuỗi nhà thuốc cần xem chi tiết
- Bước 2: Chọn cơ sở cần xem chi tiết, di chuột vào  sau đó chọn Chi tiết

| STT | Mã số thuế | Tên cơ sở             | Email cơ sở                     | Loại hình cơ sở | Tỉnh             | Xã               | Địa chỉ cơ sở | Có tài khoản | Thao tác |
|-----|------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------|------------------|------------------|---------------|--------------|----------|
| 1   |            | Quầy thuốc An Phang   | tranquanghuy.031018+7@gmail.com | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Có           | Chi tiết |
| 2   | 0012341249 | Nhà thuốc Thành Lập   | tranquanghuy.031018@gmail.com   | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10 Hà Nội    | Không        | Sửa      |
| 3   |            | Quầy thuốc Nhất Tất   | QNTNT@gmail.com                 | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Không        | Xóa      |
| 4   | 0934135412 | Nhà thuốc Thành Mi    | TM@gmail.com                    | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Không        | ...      |
| 5   |            | Quầy thuốc Ninh Phạm  | sampleget823@gmail.com          | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | 31abbcc       | Có           | ...      |
| 6   | 0091234313 | Nhà thuốc Pharmafarm  | facev64394@nuitx.com            | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | Hà Nội 1      | Có           | ...      |
| 7   | 0623656780 | Cơ sở bán lẻ Jane     | jayig84422@nuitx.com            | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Ngọc Hà   | Hà Nội 1      | Có           | ...      |
| 8   | 0980652010 | Cơ sở bán lẻ Patricia | dotcom0001@itquoted.com         | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | 980 Hoàn Kiếm | Có           | ...      |
| 9   |            | 213 ABCD              | 213ABCD@GMAIL.COM               | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Láng      | 213 ABCD      | Có           | ...      |
| 10  |            | Cơ sở bán lẻ Jennifer | wakaj22807@homvela.com          | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Cửa Nam   | Hà Nội 123    | Có           | ...      |

### 3.2.4. Xóa thông tin cơ sở xuất/nhập khẩu

- Bước 1: Chọn các tiêu chí hoặc nhập các từ khóa tìm kiếm và nhấn nút



để tìm kiếm cơ sở cần xóa

- Bước 2: Tại cơ sở xuất/nhập khẩu, chuỗi nhà thuốc cần xóa, ở cột [Thao tác]



tương ứng, chọn và chọn Xóa

| STT | Mã số thuế | Tên cơ sở             | Email cơ sở                     | Loại hình cơ sở | Tỉnh             | Xã               | Địa chỉ cơ sở | Có tài khoản | Thao tác |
|-----|------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------|------------------|------------------|---------------|--------------|----------|
| 1   |            | Quầy thuốc An Phang   | tranquanghuy.031018+7@gmail.com | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Có           | Chi tiết |
| 2   | 0012341249 | Nhà thuốc Thành Lập   | tranquan.g Huy.031018@gmail.com | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10 Hà Nội    | Không        | Xóa      |
| 3   |            | Quầy thuốc Nhứt Tắt   | QTNT@gmail.com                  | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Không        | Chi tiết |
| 4   | 0934135412 | Nhà thuốc Thành Mi    | TM@gmail.com                    | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Không        | Chi tiết |
| 5   |            | Quầy thuốc Ninh Phạm  | sampleget823@gmail.com          | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | 3tabbc        | Có           | Chi tiết |
| 6   | 0091234313 | Nhà thuốc Pharmafarm  | facev64394@nuitx.com            | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | Hà Nội 1      | Có           | Chi tiết |
| 7   | 0623656780 | Cơ sở bán lẻ Jane     | jayig84422@nuitx.com            | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Ngọc Hà   | Hà Nội 1      | Có           | Chi tiết |
| 8   | 0980652010 | Cơ sở bán lẻ Patricia | dotcom0001@itquoted.com         | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | 980 Hoàn Kiếm | Có           | Chi tiết |
| 9   |            | 213 ABCD              | 213ABCD@GMAIL.COM               | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Láng      | 213 ABCD      | Có           | Chi tiết |
| 10  |            | Cơ sở bán lẻ Jennifer | wakaj22807@homvela.com          | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Cửa Nam   | Hà Nội 123    | Có           | Chi tiết |

- Bước 3: Nhấn Có tại form Xác nhận để tiến hành xóa



**XÁC NHẬN TRƯỚC KHI XÓA**

Bạn có muốn xóa: **Quầy thuốc An Phang** này không

Không Có

| STT | Mã số thuế | Tên cơ sở             | Email cơ sở                     | Loại hình cơ sở | Tỉnh             | Xã               | Địa chỉ cơ sở | Có tài khoản | Thao tác |
|-----|------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------|------------------|------------------|---------------|--------------|----------|
| 1   |            | Quầy thuốc An Phang   | tranquanhuy.031018+7@gmail.com  | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Có           | ...      |
| 2   | 0012341249 | Nhà thuốc Thành Lập   | tranquan.g Huy.031018@gmail.com | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10 Hà Nội    | Không        | ...      |
| 3   |            | Quầy thuốc Nhất Tất   | QTNT@gmail.com                  | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Không        | ...      |
| 4   | 0934135412 | Nhà thuốc Thành Mĩ    | TM@gmail.com                    | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Không        | ...      |
| 5   |            | Quầy thuốc Ninh Phạm  | sampleget823@gmail.com          | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | 3tabbc        | Có           | ...      |
| 6   | 0091234313 | Nhà thuốc Pharmafarm  | facev64394@nuitx.com            | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | Hà Nội 1      | Có           | ...      |
| 7   | 0623656780 | Cơ sở bán lẻ Jane     | jayig84422@nuitx.com            | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Ngọc Hà   | Hà Nội 1      | Có           | ...      |
| 8   | 0980652010 | Cơ sở bán lẻ Patricia | dotcom0001@itquoted.com         | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | 980 Hoàn Kiếm | Có           | ...      |
| 9   |            | 213 ABCD              | 213ABCD@GMAIL.COM               | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Láng      | 213 ABCD      | Có           | ...      |
| 10  |            | Cơ sở bán lẻ Jennifer | wakaj22807@homvela.com          | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Cửa Nam   | Hà Nội 123    | Có           | ...      |

### 3.2.5. Tìm kiếm cơ sở

- Bước 1: Kích vào menu Quản lý cơ sở => Chọn loại hình cơ sở cần xem

**Quản lý cơ sở > Cơ sở bán lẻ**

Mã số thuế:  Tên cơ sở:  Tỉnh:  Xã:  Có tài khoản:

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3):

| STT | Mã số thuế | Tên cơ sở            | Email cơ sở                     | Loại hình cơ sở | Tỉnh             | Xã               | Địa chỉ cơ sở | Có tài khoản | Thao tác |
|-----|------------|----------------------|---------------------------------|-----------------|------------------|------------------|---------------|--------------|----------|
| 1   |            | Quầy thuốc An Phang  | tranquanhuy.031018+7@gmail.com  | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Không        | ...      |
| 2   | 0012341249 | Nhà thuốc Thành Lập  | tranquan.g Huy.031018@gmail.com | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10 Hà Nội    | Không        | ...      |
| 3   |            | Quầy thuốc Nhất Tất  | QTNT@gmail.com                  | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Không        | ...      |
| 4   | 0934135412 | Nhà thuốc Thành Mĩ   | TM@gmail.com                    | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Không        | ...      |
| 5   |            | Quầy thuốc Ninh Phạm | sampleget823@gmail.com          | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | 3tabbc        | Có           | ...      |

1 2 3 4 5 ... 8 5 / trang

- Bước 2: Tìm kiếm thông tin cơ sở cần xem

**HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỆ DƯỢC**

Dashboard  
Phê duyệt đăng ký t...  
Cơ sở hệ thống  
Quản lý cơ sở  
Cơ sở bán buôn  
**Cơ sở bán lẻ**  
Hồ sơ liên thông ...  
Nghị vụ bán hà...  
Danh mục thuốc  
Báo cáo  
Hệ thống

**Quản lý cơ sở > Cơ sở bán lẻ**

Mã số thuế:  Tên cơ sở:  Tỉnh:  Xã:  Có tài khoản:

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

| STT | Mã số thuế | Tên cơ sở            | Email cơ sở                    | Loại hình cơ sở | Tỉnh             | Xã               | Địa chỉ cơ sở | Có tài khoản | Thao tác |
|-----|------------|----------------------|--------------------------------|-----------------|------------------|------------------|---------------|--------------|----------|
| 1   |            | Quầy thuốc An Phang  | tranquanghuy031018+7@gmail.com | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Không        | ...      |
| 2   | 0012341249 | Nhà thuốc Thành Lập  | tranquan.ghuay031018@gmail.com | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10 Hà Nội    | Không        | ...      |
| 3   |            | Quầy thuốc Nhất Tất  | QTNT@gmail.com                 | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Không        | ...      |
| 4   | 0934135412 | Nhà thuốc Thành Mỹ   | TM@gmail.com                   | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Không        | ...      |
| 5   |            | Quầy thuốc Ninh Phạm | sampleget823@gmail.com         | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | 31abbc        | Có           | ...      |

< 1 2 3 4 5 ... 8 > 5 / trang

### 3.2.6. Upload dữ liệu các cơ sở kinh doanh

- Bước 1: Kích vào menu Quản lý cơ sở => Chọn loại hình cơ sở cần xem

**HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỆ DƯỢC**

Dashboard  
Phê duyệt đăng ký t...  
Cơ sở hệ thống  
**Quản lý cơ sở**  
Cơ sở bán buôn  
**Cơ sở bán lẻ**  
Hồ sơ liên thông ...  
Nghị vụ bán hà...  
Danh mục thuốc  
Báo cáo  
Hệ thống

**Quản lý cơ sở > Cơ sở bán lẻ**

Mã số thuế:  Tên cơ sở:  Tỉnh:  Xã:  Có tài khoản:

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

| STT | Mã số thuế | Tên cơ sở            | Email cơ sở                    | Loại hình cơ sở | Tỉnh             | Xã               | Địa chỉ cơ sở | Có tài khoản | Thao tác |
|-----|------------|----------------------|--------------------------------|-----------------|------------------|------------------|---------------|--------------|----------|
| 1   |            | Quầy thuốc An Phang  | tranquanghuy031018+7@gmail.com | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Không        | ...      |
| 2   | 0012341249 | Nhà thuốc Thành Lập  | tranquan.ghuay031018@gmail.com | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10 Hà Nội    | Không        | ...      |
| 3   |            | Quầy thuốc Nhất Tất  | QTNT@gmail.com                 | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Không        | ...      |
| 4   | 0934135412 | Nhà thuốc Thành Mỹ   | TM@gmail.com                   | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Không        | ...      |
| 5   |            | Quầy thuốc Ninh Phạm | sampleget823@gmail.com         | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | 31abbc        | Có           | ...      |

< 1 2 3 4 5 ... 8 > 5 / trang

- Bước 2: Nhấn chọn Thao tác excel > Nhập từ excel

HỆ THỐNG cơ sở dữ liệu về dược

Dashboard  
Phê duyệt đăng ký t...  
Cơ sở hệ thống  
Quản lý cơ sở  
Cơ sở bán buôn  
**Cơ sở bán lẻ**  
Hồ sơ liên thông ...  
Nghị vụ bán hà...  
Danh mục thuốc  
Báo cáo  
Hệ thống

Quản lý cơ sở > Cơ sở bán lẻ

Mã số thuế:  Tên cơ sở:  Tỉnh:  Xã:

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

Thao tác excel  
 Tải file mẫu từ excel  
 Tải file mẫu excel

| STT | Mã số thuế | Tên cơ sở             | Email cơ sở                     | Loại hình cơ sở | Tỉnh             | Xã               | Địa chỉ cơ sở | Có tài khoản | Thao tác |
|-----|------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------|------------------|------------------|---------------|--------------|----------|
| 1   |            | Quầy thuốc An Phang   | tranquanghuy.031018+7@gmail.com | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Không        | ...      |
| 2   | 0012341249 | Nhà thuốc Thành Lập   | tranquan.g Huy.031018@gmail.com | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10 Hà Nội    | Không        | ...      |
| 3   |            | Quầy thuốc Nhất Tất   | QTNT@gmail.com                  | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Không        | ...      |
| 4   | 0934135412 | Nhà thuốc Thành Mĩ    | TM@gmail.com                    | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | T10           | Không        | ...      |
| 5   |            | Quầy thuốc Ninh Phạm  | samplegget823@gmail.com         | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | 3tabbc        | Có           | ...      |
| 6   | 0091234313 | Nhà thuốc Pharmafarm  | facev64394@nuitx.com            | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | Hà Nội 1      | Có           | ...      |
| 7   | 0623656780 | Cơ sở bán lẻ Jane     | jayig84422@nuitx.com            | Nhà thuốc       | Thành phố Hà Nội | Phường Ngọc Hà   | Hà Nội 1      | Có           | ...      |
| 8   | 0980652010 | Cơ sở bán lẻ Patricia | dotcom0001@itquoted.com         | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | 980 Hoàn Kiếm | Có           | ...      |
| 9   |            | 213 ABCD              | 213ABCD@GMAIL.COM               | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Láng      | 213 ABCD      | Có           | ...      |
| 10  |            | Cơ sở bán lẻ Jennifer | wakaj22807@homvela.com          | Quầy thuốc      | Thành phố Hà Nội | Phường Cửa Nam   | Hà Nội 123    | Có           | ...      |

- Bước 3: Tải file mẫu từ hệ thống và nhập dữ liệu cơ sở đang được quản lý

HỆ THỐNG cơ sở dữ liệu về dược

Dashboard  
Phê duyệt đăng ký t...  
Cơ sở hệ thống  
Quản lý cơ sở  
Cơ sở bán buôn  
Cơ sở bán lẻ  
Hồ sơ liên thông ...  
Nghị vụ bán hà...  
Danh mục thuốc  
Báo cáo  
Hệ thống

Nhập từ excel

Chọn file hoặc kéo thả file vào đây để tải lên

Hỗ trợ tải lên tệp định dạng .xls, .xlsx, .xism. Dung lượng file không vượt quá 2MB.  
 Để được hỗ trợ tải lên tệp, vui lòng điền thông tin theo mẫu file. Xin cảm ơn!

Tải file mẫu tại đây



| Mã số thuốc | Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được (*) | Ngày cấp chứng nhận(*)<br>(Định dạng ngày-tháng-năm) | Tên cơ sở (*) | Số điện thoại | Email (*)        | Tỉnh/TP (*) | Xã/Phường (*) | Địa chỉ chi tiết (*) | Loại |
|-------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------|---------------|------------------|-------------|---------------|----------------------|------|
| 0123456789  | 0123456789                                       | 30-12-2020                                           | Cơ sở bán lẻ  | 0334430752    | sample@gmail.com |             |               |                      |      |

#### - Bước 4: Upload file dữ liệu lên hệ thống và kiểm tra

**Nhập từ excel**

Chọn file hoặc kéo thả file vào đây để tải lên

**Mau-File-Danh-Sach-Co-So (2).xlsx**

Hỗ trợ tải lên tệp định dạng xls,xlsx,xlsm. Dung lượng file không vượt quá 2MB.  
Để upload dữ liệu được chính xác nhất, vui lòng điền thông tin theo mẫu file. Xin cảm ơn!

**Tải file mẫu tại đây**

Danh sách cơ sở hợp lệ ● Danh sách cơ sở không hợp lệ ●

| Mã số thuốc | Tên cơ sở    | Số điện thoại | Email             | Tỉnh             | Địa chỉ  | Loại cơ sở   | Loại hình cơ sở bán lẻ | Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được | Ngày cấp chứng nhận đủ điều kiện |
|-------------|--------------|---------------|-------------------|------------------|----------|--------------|------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------|
| 0123456790  | Cơ sở bán lẻ | 0334430753    | sample2@gmail.com | Thành phố Hà Nội | Hàng Bài | Cơ sở bán lẻ | Quầy thuốc             | 0123456790                                   | 30/12/2021                       |
| 0123456791  | Cơ sở bán lẻ | 0334430754    | sample3@gmail.com | Thành phố Hà Nội | Hàng Bài | Cơ sở bán lẻ | Quầy thuốc             | 0123456791                                   | 30/12/2022                       |
| 0123456792  | Cơ sở bán lẻ | 0334430755    | sample4@gmail.com | Thành phố Hà Nội | Hàng Bài | Cơ sở bán lẻ | Quầy thuốc             | 0123456792                                   | 30/12/2023                       |

**Lưu danh sách hợp lệ**

#### - Bước 5: Lưu lại dữ liệu hợp lệ

**Nhập từ excel**

Chọn file hoặc kéo thả file vào đây để tải lên

Mau-File-Danh-Sach-Co-So (2).xlsx

Hỗ trợ tải lên tệp định dạng xls, xlsx, xlsm. Dung lượng file không vượt quá 2MB.  
Để upload dữ liệu được chính xác nhất, vui lòng điền thông tin theo mẫu file. Xin cảm ơn!

Tải file mẫu tại đây

Danh sách cơ sở hợp lệ ● Danh sách cơ sở không hợp lệ ●

| Mã số thuế | Tên cơ sở    | Số điện thoại | Email             | Tỉnh             | Địa chỉ  | Loại cơ sở   | Loại hình cơ sở bán lẻ | Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược | Ngày cấp chứng nhận đủ điều kiện |
|------------|--------------|---------------|-------------------|------------------|----------|--------------|------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------|
| 0123456790 | Cơ sở bán lẻ | 0334430753    | sample2@gmail.com | Thành phố Hà Nội | Hàng Bài | Cơ sở bán lẻ | Quầy thuốc             | 0123456790                                   | 30/12/2021                       |
| 0123456791 | Cơ sở bán lẻ | 0334430754    | sample3@gmail.com | Thành phố Hà Nội | Hàng Bài | Cơ sở bán lẻ | Quầy thuốc             | 0123456791                                   | 30/12/2022                       |
| 0123456792 | Cơ sở bán lẻ | 0334430755    | sample4@gmail.com | Thành phố Hà Nội | Hàng Bài | Cơ sở bán lẻ | Quầy thuốc             | 0123456792                                   | 30/12/2023                       |

Lưu danh sách hợp lệ

- Các dữ liệu chưa hợp lệ, người dùng theo dõi thông tin lỗi để sửa lại và upload lại lên hệ thống

**Nhập từ excel**

Chọn file hoặc kéo thả file vào đây để tải lên

Mau-File-Danh-Sach-Co-So (2).xlsx

Hỗ trợ tải lên tệp định dạng xls, xlsx, xlsm. Dung lượng file không vượt quá 2MB.  
Để upload dữ liệu được chính xác nhất, vui lòng điền thông tin theo mẫu file. Xin cảm ơn!

Tải file mẫu tại đây

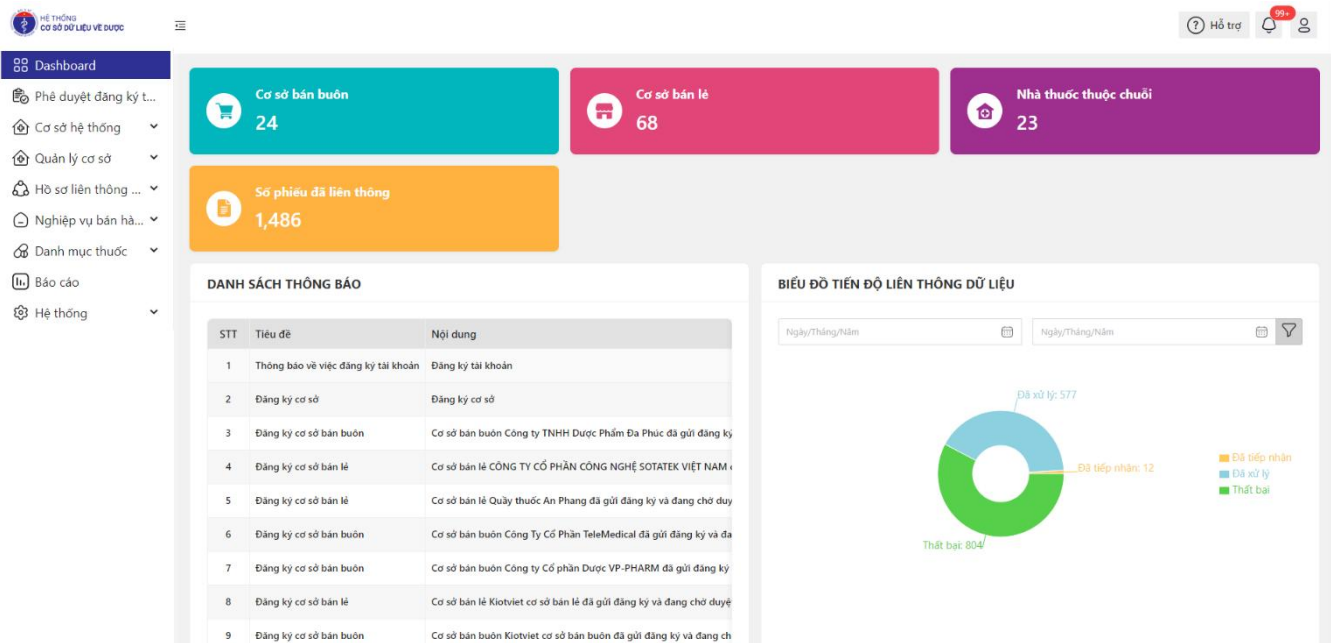
Danh sách cơ sở hợp lệ ● Danh sách cơ sở không hợp lệ ●

| Chi tiết lỗi                                                      | Mã số thuế | Tên cơ sở    | Số điện thoại | Email             | Tỉnh             | Địa chỉ  | Loại cơ sở   | Loại hình cơ sở bán lẻ | Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược |
|-------------------------------------------------------------------|------------|--------------|---------------|-------------------|------------------|----------|--------------|------------------------|----------------------------------------------|
| Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã tồn tại trong hệ thống | 0123456789 | Cơ sở bán lẻ | 0334430752    | sample1@gmail.com | Thành phố Hà Nội | Hàng Bài | Cơ sở bán lẻ | Quầy thuốc             | 0123456789                                   |

Lưu danh sách hợp lệ

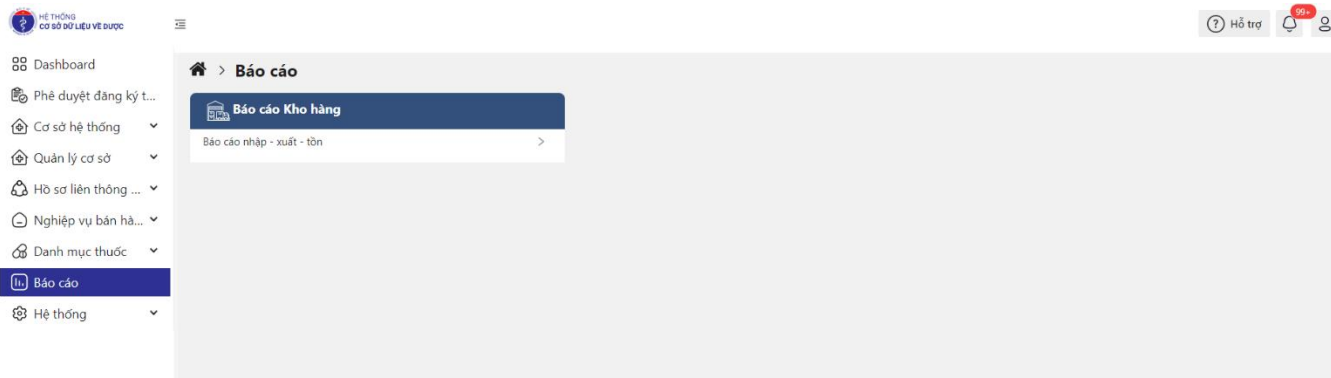
### 3.3. Dashboard

Người dùng truy cập màn hình dashboard để theo dõi dữ liệu tổng quan



### 3.4. Báo cáo

- Bước 1: Người dùng truy cập chức năng Báo cáo trên menu sau đó chọn báo cáo cần xem



- Bước 2: Chọn cơ sở cần xem
- Bước 3: Nhấn **Xuất excel** trên màn hình để tải về file excel báo cáo
- Bước 4: Nhấn **Xuất Pdf** trên màn hình để tải về file PDF báo cáo

- Mục đích: Chức năng cho phép cơ quan quản lý gửi thông báo đến các cơ sở quản lý.
- Người dùng thực hiện các bước sau để tạo thông báo:
  - Bước 1: Tại menu chức năng, người dùng nhấn chọn mục **Thông báo**, nhấn **Thêm mới**



HỆ THỐNG

CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ DƯỢC

Dashboard

Phê duyệt đăng ký t...

Cơ sở hệ thống

Quản lý cơ sở

Hồ sơ liên thông ...

Nghiệp vụ bán hà...

Danh mục thuốc

Báo cáo

Hệ thống

Thông báo

?

Hỗ trợ

99+

🏠

> Danh sách thông báo

+ Thêm mới (F2)

Từ ngày

Nhập ...

📅

Đến ngày

Nhập ...

📅

Trạng thái

--Chọn--

▼

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

Q

Nhập tiêu đề, nội dung thông báo để tìm kiếm (F3)

↺

🔍

| STT                                                                                                                | Tiêu đề | Nội dung | Ngày gửi | Trạng thái | Thao tác |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------|----------|------------|----------|
| <div>  <div>Trống</div> </div> |         |          |          |            |          |

<

1

>

10 / trang

- Bước 2: Nhập/Chọn nội dung thông báo và nhấn **Lưu**


**HỆ THỐNG  
CƠ SỞ DỮ LIỆU YẾU ĐƯỢC**

?

Hỗ trợ

99+

Dashboard

Phê duyệt đăng ký t...

Cơ sở hệ thống

Quản lý cơ sở

Hồ sơ liên thông ...

Nghiệp vụ bán hà...

Danh mục thuốc

Báo cáo

Hệ thống

Thông báo

Thêm mới thông báo

Quay lại danh sách

☐
Gửi ngay

Ngày gửi \*  
Ngày/Tháng/Năm

Nơi nhận \*  
--Chọn--

Tiêu đề \*  
Nhập ...

Nội dung  
Nhập ...

Danh sách file đính kèm

| STT | Tài liệu đính kèm                                                                                                                                                                                    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | <div> <div>↓</div> <div>Chọn file hoặc kéo thả file vào đây để tải lên</div> </div> <div>Hỗ trợ upload tập định dạng .pdf, .doc, .docx, .png, .jpg, .jpeg. Dung lượng file không vượt quá 5MB.</div> |

+

Thêm tài liệu

Lưu nháp

Lưu và chờ gửi

- Bước 3: Hệ thống thực hiện gửi thông báo đến các đối tượng Nơi nhận.  
 Tại màn danh sách thông báo, tại  người dùng nhấn chọn các thao tác để thực hiện xem chi tiết thông báo.

**PHỤ LỤC 3**

**“Hướng dẫn sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu về dược dành cho các cơ sở  
kinh doanh dược” phiên bản 1.0**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTYQG ngày tháng năm 2026  
của Giám đốc Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia)*

**1. HƯỚNG DẪN NGƯỜI DÙNG LÀ CƠ SỞ KINH DOANH DƯỢC**

Các loại hình cơ sở kinh doanh dược bao gồm:

- Cơ sở xuất/nhập khẩu;
- Cơ sở bán buôn;
- Cơ sở bán lẻ;
- Chuỗi nhà thuốc và các thành viên.

**1.1. Đăng ký cấp tài khoản cơ sở kinh doanh dược**

- Mục đích: Chức năng cho phép cơ sở kinh doanh dược đăng ký cấp tài khoản sử dụng Hệ thống Cơ sở dữ liệu về Dược
- Người dùng cần thực hiện theo các bước sau:
  - + Bước 1: Truy cập màn hình đăng ký thông tin tài khoản
    - Người dùng truy cập theo đường dẫn: <https://csdlduoc.com.vn/>
    - Nhấn chọn thao tác Đăng ký

+ Bước 2: Cơ sở kinh doanh dược chọn một trong các tab loại hình cơ sở cần đăng ký cấp tài khoản:

- Cơ sở xuất/nhập khẩu;
- Cơ sở bán buôn;
- Cơ sở bán lẻ;
- Chuỗi nhà thuốc;

+ Bước 3: Nhập đầy đủ các trường thông tin tại màn hình đăng ký (Các trường có dấu “\*” là các thông tin bắt buộc nhập) và nhấn **Đăng ký**

- Người dùng nhập thông tin Tỉnh/ Thành phố và Số giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/kinh doanh thuốc, nếu dữ liệu của cơ sở đã được quản lý trên hệ thống thì hệ thống tự động điền các thông tin còn lại và cho phép chỉnh sửa

**ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN**

Cơ sở xuất/nhập... Cơ sở bán buôn Cơ sở bán lẻ Chuỗi nhà thuốc Kinh doanh dịch... Cơ sở khám chữa...

Tỉnh/Thành phố \* Tỉnh Ninh Bình Xã/Phường \* Phường Phú Lý Số giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/kinh doanh thuốc \* 0000000000

Tên cơ sở \* Bệnh viện Phụ sản Số định danh cơ quan, tổ chức \* Nhập ... Mã số thuế \* Nhập ...

Email liên hệ \* phuc@nganhang.com Địa chỉ trụ sở chính \* Tỉnh Ninh Bình, xã Tân Sơn, thành phố Tam Điệp, NB

Ngày cấp giấy chứng nhận \* 30/11/2016 Nơi cấp giấy chứng nhận \* SYT Nam Định

Upload giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/kinh doanh thuốc

Hỗ trợ tải lên tệp định dạng: pdf Dung lượng file không vượt quá 5 MB

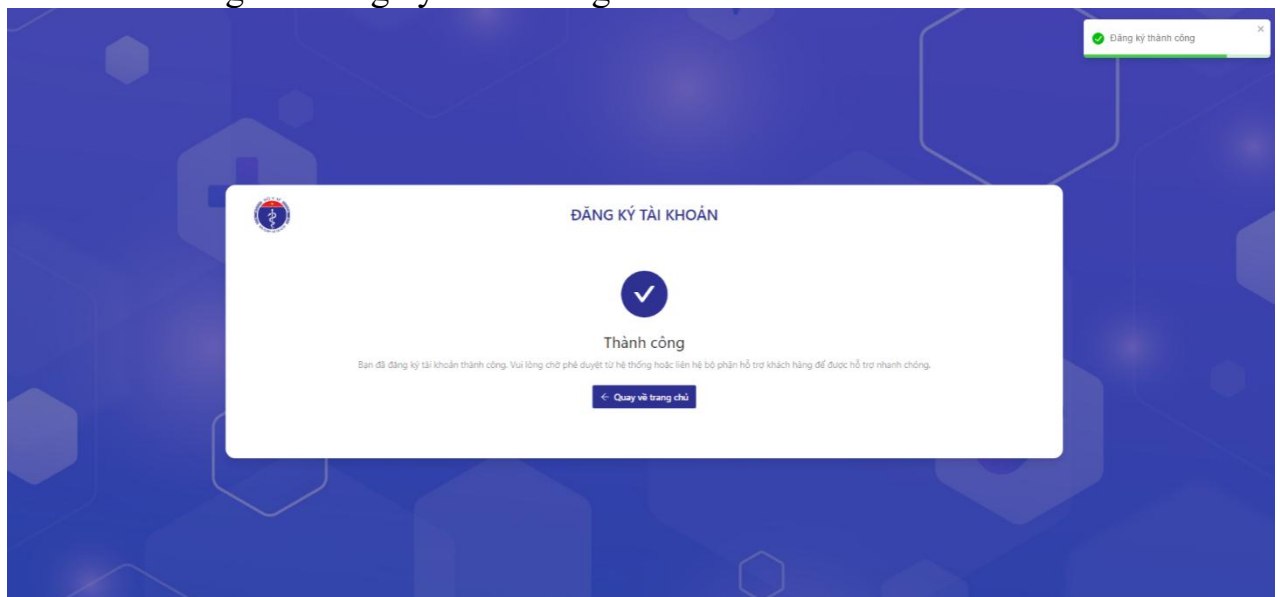
Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của CS \* Nhập ... Trình độ chuyên môn \* Nhập ...

Số chứng chỉ hành nghề \* 0000000000 Ngày cấp chứng chỉ hành nghề \* 31/08/2015 Nơi cấp chứng chỉ hành nghề \* SYT Nam Định

3F7 C3 7 Nhập mã captcha

Đăng ký

- Trường hợp người dùng nhập thiếu thông tin hoặc sai định dạng, hệ thống hiển thị thông báo lỗi “Vui lòng điền đầy đủ thông tin” và bôi đỏ trường thông tin nhập thiếu thông tin.
- Trường hợp người dùng nhập đúng và đủ thông tin, hệ thống hiển thị thông báo đăng ký thành công.



- + Bước 4: Kiểm tra kết quả đăng ký trong địa chỉ email đã đăng ký.
- Trường hợp bị từ chối cấp tài khoản: Người dùng nhận email thông báo từ chối cấp tài khoản từ cơ quan quản lý.
  - Trường hợp được phê duyệt cấp tài khoản: Người dùng nhận email thông báo được cấp tài khoản thành công kèm tài khoản và đường link đăng nhập hệ thống. Nhấn vào đường link **Đăng nhập** để thực hiện đăng nhập theo tài khoản đã được cấp.



- + Bước 5: Tại lần đăng nhập đầu tiên, người dùng thao tác đặt mật khẩu mới.
  - Nhập mật khẩu, nhập lại mật khẩu và nhấn **Lưu**.
- + Bước 6: Người dùng nhập Tên đăng nhập và mật khẩu và nhấn **Đăng nhập** để đăng nhập vào hệ thống.

**Lưu ý:**

- Tên đăng nhập của cơ sở được cấp khi phê duyệt thành công là **[Mã số thuế]**.

### 1.1.1. Đăng ký tài khoản chi nhánh (dành cho cơ sở bán lẻ)

- Điều kiện: Cần đăng ký trước tài khoản cơ sở chính
- Việc đăng ký tài khoản cho chi nhánh tương tự như việc đăng ký cho cơ sở chính, và người dùng cần khai báo thêm thông tin **Mã địa điểm kinh doanh**

The screenshot shows a registration form for a branch account. The form is titled 'Cơ sở bán lẻ' (Retail Outlet) and includes fields for location, business type, and identification numbers. The 'Mã địa điểm kinh doanh' (Business Location Code) field is highlighted with a red box. The 'Cơ sở chính' (Main Outlet) radio button is also highlighted with a red box.

### 1.1.2. Đăng ký cấp tài khoản cho nhà thuốc thuộc chuỗi nhà thuốc

- Mục đích: Chức năng cho phép chuỗi nhà thuốc đăng ký cấp tài khoản sử dụng Hệ thống Cơ sở dữ liệu về Dược cho nhà thuốc thành viên
- Người dùng cần thực hiện theo các bước sau:
  - + Bước 1: Truy cập màn hình Thông tin thành viên với tài khoản Chuỗi nhà thuốc
  - + Bước 2: Tại màn hình Thông tin thành viên, nhấn **+ Thêm mới (F2)**

+ Bước 3: Tại form [Thêm mới], người dùng nhập các thông tin của cơ sở, bao gồm tối thiểu các trường bắt buộc

+ Bước 4: Sau khi đã nhập đầy đủ thông tin, nhấn **Lưu (F8)** để xác nhận thêm mới nhà thuốc lên hệ thống

**THÊM MỚI NHÀ THUỐC**

Tên thành viên \*  
Nhà thuốc Minh Quân cơ sở 1

Email \*  
magajji757@doefy.com

Điện thoại  
0987656897

Tỉnh/Thành phố \*  
Thành phố Hà Nội

Xã/Phường \*  
Phường Hoàn Kiếm

Địa chỉ  
67 Phố Hoàng Văn Thái, Tổ 29, Phương Liệt, Hà Nội, Việt Nam

Số GCN đủ điều kiện kinh doanh thuốc \*  
67 - 6981/EKKD D-HNO

Ngày cấp \*  
09/07/2024

Nơi cấp \*  
Sở Y Tế Hà Nội

Chứng nhận.pdf  
Hỗ trợ upload tệp định dạng .pdf, .doc, .docx, .png, .jpg, .jpeg. Dung lượng file không vượt quá 5MB.

Người phụ trách chuyên môn \*  
Nguyễn Văn An

Số chứng chỉ hành nghề \*  
01670/CCHND - SYT - HNO

Đính kèm Giấy chứng chỉ hành nghề  
Hỗ trợ upload tệp định dạng .pdf, .doc, .docx, .png, .jpg, .jpeg. Dung lượng file không vượt quá 5MB.

☐ Tiếp tục thêm mới

X Đóng (F10) **Lưu (F8)**

+ Bước 5: Chọn cơ sở vừa thêm, di chuột vào  sau đó chọn Đăng ký tài khoản

**Thông tin thành viên**

| STT | Tên thành viên              | Email                | Số điện thoại | Tỉnh/Thành phố   | Xã/Phường        | Số GCN đủ điều kiện kinh doanh thuốc | Người phụ trách chuyên môn | Thao tác                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|-----------------------------|----------------------|---------------|------------------|------------------|--------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Nhà thuốc Minh Quân cơ sở 1 | magajji757@doefy.com | 0987656897    | Thành phố Hà Nội | Phường Hoàn Kiếm | 67 - 6981/EKKD D-HNO                 | Nguyễn Văn An              | <div>  <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Đăng ký tài khoản</b></li> <li>Chi tiết</li> <li>Sửa</li> <li>Xóa</li> </ul> </div> |

+ Bước 6: Tại màn hình Đăng ký tài khoản, nhấn **Đăng ký tài khoản**

- + Bước 7: Kiểm tra kết quả đăng ký trong địa chỉ email đã đăng ký.
  - Trường hợp bị từ chối cấp tài khoản: Người dùng nhận email thông báo từ chối cấp tài khoản từ cơ quan quản lý.
  - Trường hợp được phê duyệt cấp tài khoản: Người dùng nhận email thông báo được cấp tài khoản thành công kèm tài khoản và đường link đăng nhập hệ thống. Nhấn vào đường link **Đăng nhập** để thực hiện đăng nhập theo tài khoản đã được cấp.
- + Bước 8: Tại lần đăng nhập đầu tiên, người dùng thao tác đặt mật khẩu mới.
  - Nhập mật khẩu, nhập lại mật khẩu và nhấn **Lưu**.
- + Bước 9: Người dùng nhập Tên đăng nhập và mật khẩu và nhấn **Đăng nhập** để đăng nhập vào hệ thống.

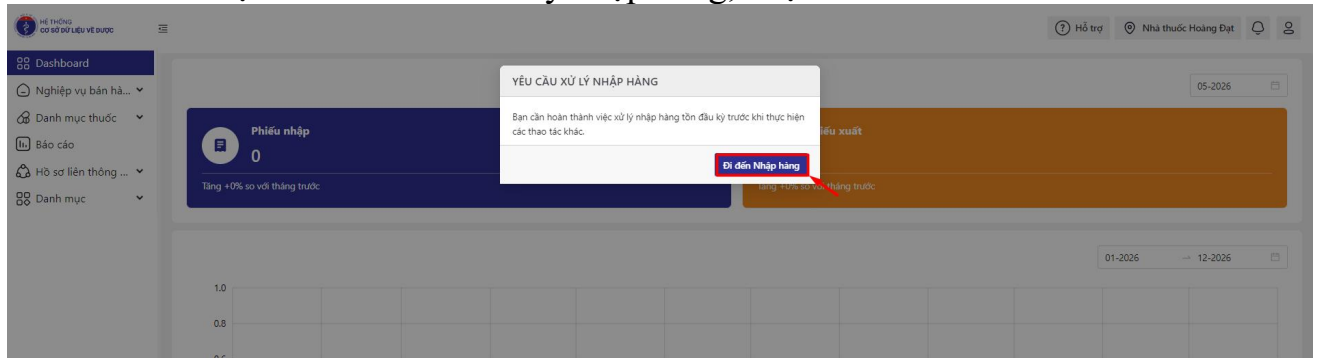
## 1.2. Nghiệp vụ bán hàng

- Mục đích: Chức năng cho phép cơ sở kinh doanh được quản lý các phiếu xuất/nhập hàng, thực hiện các thao tác thêm mới, chỉnh sửa, xem chi tiết, xóa, xuất excel các phiếu.
  - + Nhập hàng;
  - + Xuất hàng;
  - + Kiểm hàng;

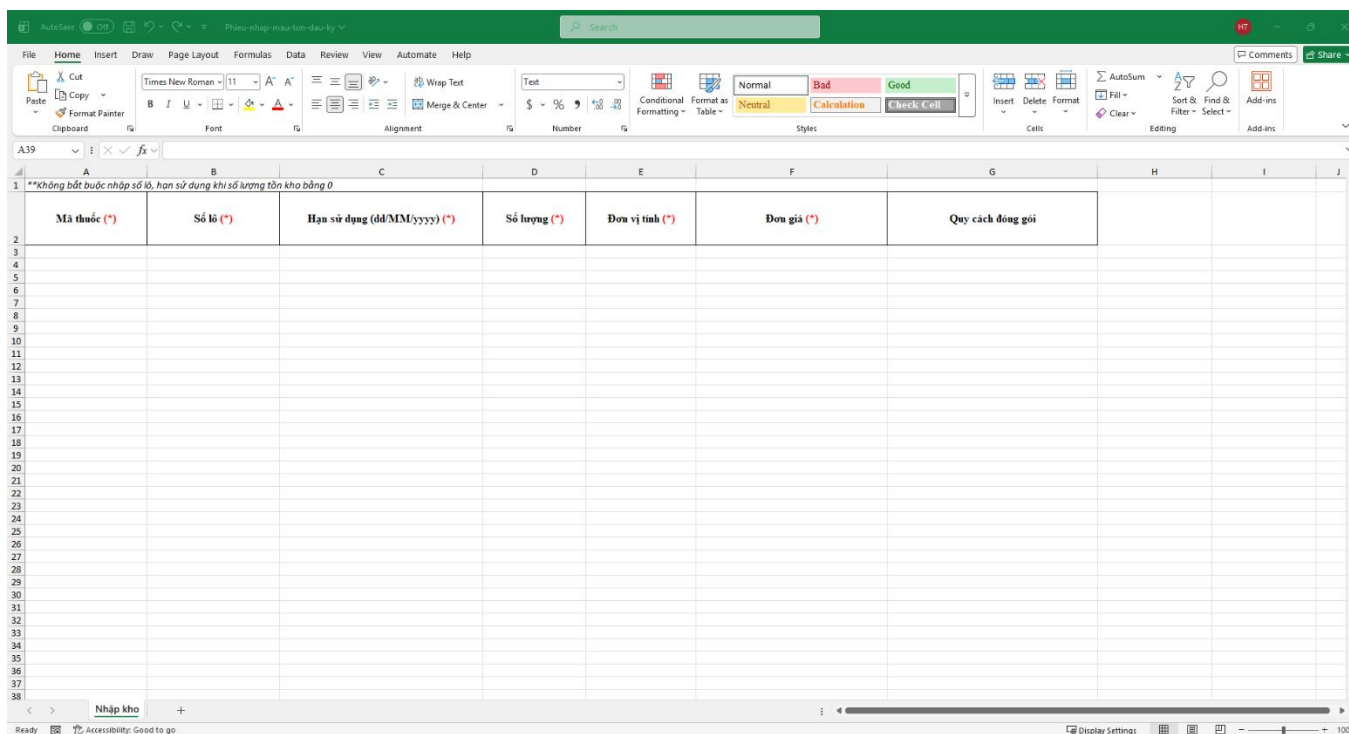
### 1.2.1. Nhập hàng

#### 1.2.1.1. Nhập tồn đầu kỳ

- Khi đăng nhập lần đầu, hệ thống yêu cầu cơ sở kinh doanh khai báo phiếu nhập tồn đầu kỳ để có thể sử dụng các tính năng khác trên hệ thống
- Bước 1: Tại form Yêu cầu xử lý nhập hàng, chọn **Đi đến Nhập hàng**



- Bước 2: Tại màn hình Thêm mới, nhấn **Tải file mẫu tại đây** để tải file mẫu của hệ thống
- Bước 3: Mở file mẫu, tiến hành nhập các thông tin, bao gồm tối thiểu các bắt buộc (được đánh dấu (\*))
  - Không bắt buộc nhập số lô, hạn sử dụng khi số lượng tồn kho bằng 0



- Bước 4: Nhấn **Chọn file hoặc kéo thả file vào đây để tải lên** để tải lên file vừa nhập thông tin

**Thêm mới**

Nhập mã, tên sản phẩm để tìm kiếm... (F3)

| # | Số đăng ký   | Thuốc     | Số lô              | Số lượng | Đơn vị tính | Quy cách đóng gói | Đơn giá |
|---|--------------|-----------|--------------------|----------|-------------|-------------------|---------|
| 1 | 893110492925 | Empatince | LOT-2026-0001 - 12 | 100      | Viên        | Bao bì trung gian | 100,000 |

Σ 10,000,000

**Thông tin phiếu**

Loại phiếu \*  
Nhập tồn đầu kỳ

Mã phiếu  
Nhập mã phiếu để tìm kiếm (F3)

Ngày nhập  
Chọn thời điểm

Ghi chú

Lưu nhập (F8) **Hoàn thành (F9)**

- Bước 5: Người dùng điền và chỉnh sửa các thông tin phiếu (về số lượng, đơn vị tính, Đơn giá,...).

- Bước 6: Nhấn **Lưu nhập (F8)** để lưu nhập phiếu. Nhấn **Hoàn thành (F9)** để xác nhận thêm mới phiếu nhập tồn đầu kỳ

### 1.2.1.2. Tìm kiếm phiếu

- Bước 1: Tại màn hình danh sách phiếu nhập hàng, người dùng có thể tìm kiếm theo thời gian, theo từ khóa (mã phiếu) sau đó nhấn **Q** để tìm kiếm

**Nhập hàng**

Từ ngày: 01/07/2026 Đến ngày: 31/07/2026 Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

Q Nhập mã phiếu để tìm kiếm (F3)

Danh sách: 1 Nhập 0 Đã hủy 0 Hoàn thành 1

| STT | Mã phiếu                       | Loại phiếu      | Trạng thái | Thao tác |
|-----|--------------------------------|-----------------|------------|----------|
| 1   | PNT2607001<br>02/07/2026 14:02 | Nhập tồn đầu kỳ | Hoàn thành | 👁️ ⋮     |

10 / trang

- Bước 2: Hệ thống hiển thị dữ liệu tìm kiếm thỏa mãn theo điều kiện tìm kiếm. Hiển thị trống nếu không có dữ liệu thỏa mãn.

### 1.2.1.3. Thêm mới phiếu

- Tại màn hình danh sách phiếu nhập hàng, chọn **+ Thêm mới (F2)**

**Nhập hàng**

Từ ngày: 01/07/2026 Đến ngày: 31/07/2026 Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

Q Nhập mã phiếu để tìm kiếm (F3)

Danh sách: 1 Nhập 0 Đã hủy 0 Hoàn thành 1

| STT | Mã phiếu                       | Loại phiếu      | Trạng thái | Thao tác |
|-----|--------------------------------|-----------------|------------|----------|
| 1   | PNT2607001<br>02/07/2026 14:02 | Nhập tồn đầu kỳ | Hoàn thành | 👁️ ⋮     |

10 / trang

- Bước 2: Người dùng nhập mã, tên thuốc để tìm kiếm, sau đó chọn vào bản

## ghi thuốc để thêm vào phiếu

The screenshot shows the 'Thêm mới' (Add New) form in the 'Nhập hàng' (Import) section. The form is for adding a new item to the inventory. It includes a search bar, a table with columns for item details, and a right sidebar for form information.

| #                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số đăng ký | Thuốc | Số lô | Số lượng | Đơn vị tính | Quy cách đóng gói | Đơn giá |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------|-------|----------|-------------|-------------------|---------|
| <p><b>Thêm mới từ Excel</b></p> <p>Chọn file hoặc kéo thả file vào đây để tải lên</p> <p>Hỗ trợ tải lên tệp định dạng xls, xlsx, json. Dung lượng file không vượt quá 2MB.</p> <p>Để upload dữ liệu được chính xác nhất, vui lòng điền thông tin theo mẫu file. Xin cảm ơn!</p> <p><a href="#">Tải file mẫu tại đây</a></p> |            |       |       |          |             |                   |         |

**Thông tin phiếu**

Loại phiếu \*  
Nhập từ nhà cung cấp

Mã phiếu  
Ngày nhập  
Chọn thời điểm

Nhà cung cấp  
--Chọn--

Ghi chú

Lưu nhập (F8) Hoàn thành (F9)

- Bước 3: Sau khi đã thêm thuốc vào phiếu, người dùng nhấn vào khoảng trống để chọn số lô tương ứng hoặc nếu chưa có thì thêm mới.

The screenshot shows the 'Thêm mới' (Add New) form in the 'Nhập hàng' (Import) section. The form is for adding a new item to the inventory. It includes a search bar, a table with columns for item details, and a right sidebar for form information.

| # | Số đăng ký   | Thuốc     | Số lô                    | Số lượng | Đơn vị tính | Quy cách đóng gói | Đơn giá |
|---|--------------|-----------|--------------------------|----------|-------------|-------------------|---------|
| 1 | 893110492925 | Empatince | LOT-2026-0001 - 12/12/24 | 1        | Viên        |                   |         |

**Thêm mới số lô**

**Thông tin phiếu**

Loại phiếu \*  
Nhập từ nhà cung cấp

Mã phiếu  
Ngày nhập  
Chọn thời điểm

Nhà cung cấp  
--Chọn--

Ghi chú

Lưu nhập (F8) Hoàn thành (F9)

- Bước 4: Người dùng chọn loại phiếu nhập hàng và điền các thông tin phiếu (về số lượng, đơn vị tính, Đơn giá,...).
- Phiếu “Nhập từ nhà cung cấp” sẽ hiển thị thêm thông tin về Nhà cung cấp (có thể chọn trong danh sách cơ sở hoặc nhập thông tin hoặc bỏ trống)
- Phiếu “Nhập điều chuyển” sẽ hiển thị thêm các trường thông tin về Mã định danh chi nhánh xuất kho, Mã kho xuất, Mã định danh chi nhánh nhập kho, Mã kho nhập (có thể nhập hoặc bỏ trống)
- Bước 5: Nhấn **Lưu nhập (F8)** để lưu nhập phiếu. Nhấn **Hoàn thành (F9)** để xác nhận thêm mới phiếu nhập

### 1.2.1.4. Chỉnh sửa phiếu

- Bước 1: Tại màn hình danh sách phiếu nhập, chọn **...** tại bản ghi phiếu cần chỉnh sửa
- Bước 2: Người dùng chọn **Sửa phiếu**



The screenshot shows the 'Sửa phiếu' (Edit Receipt) interface. On the left is a sidebar with navigation links: Dashboard, Nghiệp vụ bán hàng, Nhập hàng, Xuất hàng, Kiểm hàng, Danh mục thuốc, Báo cáo, Hồ sơ liên thông, and Danh mục. The main area has a breadcrumb 'Nhập hàng > Sửa phiếu' and a search bar. Below the search bar is a table with the following data:

| # | Số đăng ký   | Thuốc     | Số lô                      | Số lượng | Đơn vị tính | Quy cách đóng gói | Đơn giá     |
|---|--------------|-----------|----------------------------|----------|-------------|-------------------|-------------|
| 1 | 893110492925 | Empatince | LOT-2026-0001 - 12/12/2029 | 10       | Viên        |                   | 100.000     |
|   |              |           |                            |          |             |                   | Σ 1,000,000 |

On the right, there is a 'Thông tin phiếu' (Receipt Information) section with fields for: Loại phiếu (Import from supplier), Mã phiếu (PNNCC2607001), Ngày nhập (02/07/2026 14:12), and Nhà cung cấp. At the bottom right is a 'Hoàn thành (F9)' button.

- Bước 3: Hệ thống hiển thị màn hình chi tiết thông tin phiếu, người dùng thực hiện chỉnh sửa thông tin
- Bước 4: Nhấn **Hoàn thành (F9)** để xác nhận sửa phiếu

#### 1.2.1.5. Huỷ phiếu

- Bước 1: Tại màn hình danh sách phiếu nhập, chọn tại bản ghi phiếu muốn xoá.
- Bước 2: Người dùng chọn **Huỷ phiếu**
- Bước 3: Người dùng nhập lý do huỷ phiếu và nhấn xác nhận huỷ phiếu. Nhấn Đóng để huỷ bỏ thao tác.

#### 1.2.1.6. Xóa phiếu

- Bước 1: Với những phiếu nhập hàng đã huỷ, tại màn hình danh sách phiếu nhập, chọn tại bản ghi phiếu cần chỉnh xóa
- Bước 2: Người dùng chọn **Xóa**
- Bước 3: Người dùng nhấn xác nhận xóa phiếu. Nhấn Đóng để huỷ bỏ thao tác.

#### 1.2.1.7. Xem chi tiết phiếu

- Bước 1: Tại màn hình danh sách phiếu nhập, chọn tại bản ghi phiếu cần xem chi tiết
- Bước 2: Hệ thống hiển thị màn hình chi tiết thông tin của phiếu

### 1.2.2. Xuất hàng

#### 1.2.2.1. Tìm kiếm phiếu

- Bước 1: Tại màn hình danh sách phiếu xuất hàng, người dùng có thể tìm kiếm theo thời gian, theo từ khóa (mã phiếu) sau đó nhấn để tìm kiếm



- Bước 2: Hệ thống hiển thị dữ liệu tìm kiếm thỏa mãn theo điều kiện tìm kiếm. Hiển thị trống nếu không có dữ liệu thỏa mãn.

### 1.2.2.2. Thêm mới phiếu

- Bước 1: Tại màn hình danh sách phiếu xuất hàng, chọn **+ Thêm mới (F2)**

- Bước 2: Người dùng nhập mã, tên thuốc để tìm kiếm, sau đó chọn vào bản ghi thuốc để thêm vào phiếu

- Bước 3: Sau khi đã thêm thuốc vào phiếu, người dùng nhấn vào khoảng trống để chọn số lô tương ứng.
- + Phiếu “Xuất trả nhà cung cấp” sẽ hiển thị thêm thông tin về Nhà cung

cấp (có thể chọn trong danh sách cơ sở hoặc hoặc bỏ trống)

+ Phiếu “Xuất hủy” sẽ hiển thị thêm các trường thông tin cơ bản

- Bước 4: Người dùng chọn loại phiếu xuất hàng và điền các thông tin phiếu (về số lượng, đơn vị tính, lý do xuất, Đơn giá, ...).
- Bước 5: Nhấn Lưu nhập (F8) để lưu nhập phiếu. Nhấn Hoàn thành (F9) để xác nhận thêm mới phiếu.

### 1.2.2.3. Chỉnh sửa phiếu

- Bước 1: Tại màn hình danh sách phiếu xuất hàng, chọn ... tại bản ghi phiếu cần chỉnh sửa
- Bước 2: Người dùng chọn **Sửa phiếu**.

The screenshot shows the 'Sửa phiếu' (Edit Receipt) interface. On the left is a sidebar with navigation links: Dashboard, Nghiệp vụ bán hàng (expanded), Nhập hàng, Xuất hàng, Kiểm hàng, Danh mục thuốc, Báo cáo, Hồ sơ liên thông, and Danh mục. The main area has a breadcrumb 'Xuất hàng > Sửa phiếu' and a search bar. Below is a table with columns: #, Số đăng ký, Thuốc, Số lô, Số lượng, Đơn vị tính, Quy cách đóng gói, and Đơn giá. A single row is visible with data: 1, 893110492925, Empatince, LOT-2026-0001 - 12/12/2029, 10, Viên, 100.000. On the right, the 'Thông tin phiếu' (Receipt Information) panel includes fields for 'Loại phiếu' (set to 'Xuất bán lẻ'), 'Mã phiếu' (PXK2607002), 'Ngày xuất' (02/07/2026, 14:26), and 'Ghi chú'. A 'Hoàn thành (F9)' button is at the bottom right.

- Bước 3: Hệ thống hiển thị màn hình chi tiết thông tin phiếu, người dùng thực hiện chỉnh sửa thông tin
- Bước 4: Nhấn Hoàn thành (F9) để xác nhận sửa phiếu

### 1.2.2.4. Hủy phiếu

- Bước 1: Tại màn hình danh sách phiếu xuất, chọn ... tại bản ghi phiếu muốn xóa.
- Bước 2: Người dùng chọn **Hủy phiếu**
- Bước 3: Người dùng nhập lý do hủy phiếu và nhấn xác nhận hủy phiếu. Nhấn **Đóng** để hủy bỏ thao tác.

### 1.2.2.5. Xóa phiếu

- Bước 1: Với những phiếu xuất đã thao tác hủy, tại màn hình danh sách phiếu, chọn ... tại bản ghi phiếu muốn xóa.
- Bước 2: Người dùng chọn **Xóa**
- Bước 3: Người dùng nhấn xác nhận xóa phiếu. Nhấn **Đóng** để hủy bỏ thao tác.

### 1.2.2.6. Xem chi tiết phiếu

- Bước 1: Tại màn hình danh sách phiếu xuất, chọn 👁 tại bản ghi phiếu cần

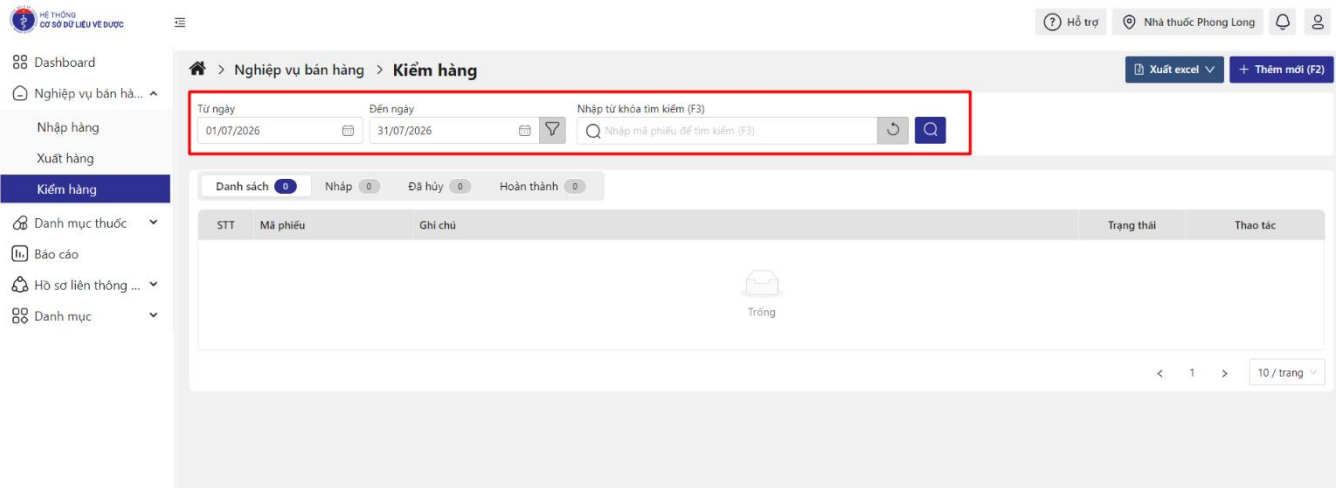
xem chi tiết

- Bước 2: Hệ thống hiển thị màn hình chi tiết thông tin của phiếu

### 1.2.3. Kiểm hàng

#### 1.2.3.1. Tìm kiếm phiếu

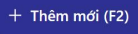
- Bước 1: Tại màn hình danh sách phiếu kiểm hàng, người dùng có thể tìm kiếm theo thời gian, theo từ khóa (mã phiếu) sau đó nhấn  để tìm kiếm

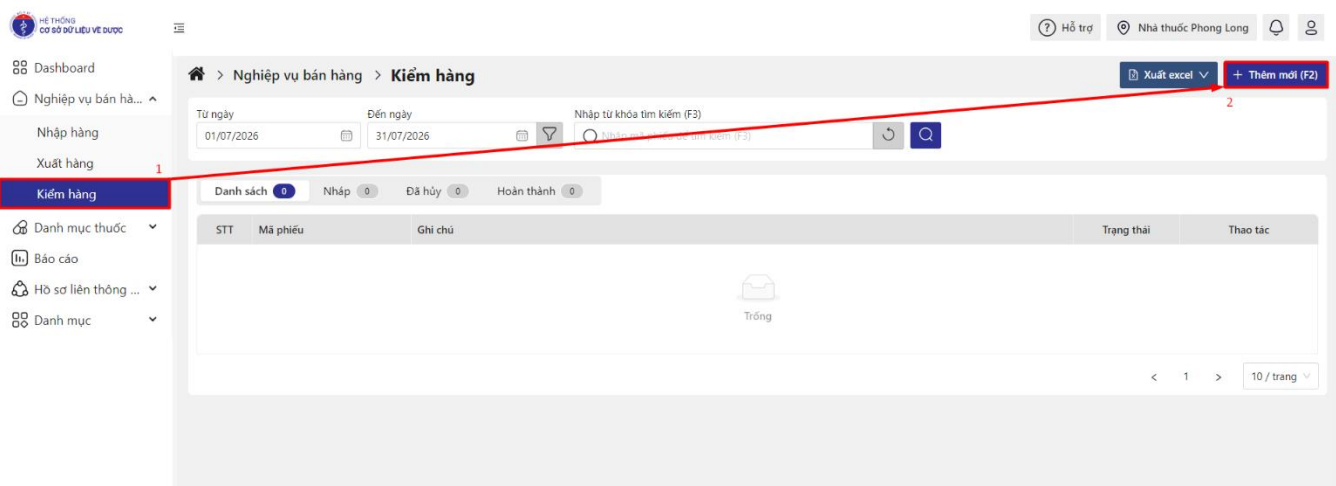


The screenshot shows the 'Kiểm hàng' (Inventory Check) interface. The search filters are highlighted with a red box: 'Từ ngày' (01/07/2026), 'Đến ngày' (31/07/2026), and 'Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)' (Nhập mã phiếu để tìm kiếm (F3)). The search button is a magnifying glass icon.

- Bước 2: Hệ thống hiển thị dữ liệu tìm kiếm thỏa mãn theo điều kiện tìm kiếm. Hiển thị trống nếu không có dữ liệu thỏa mãn.

#### 1.2.3.2. Thêm mới phiếu

- Bước 1: Tại màn hình danh sách phiếu kiểm hàng, chọn  + Thêm mới (F2)



The screenshot shows the 'Kiểm hàng' (Inventory Check) interface. A red arrow points from the 'Thêm mới (F2)' button in the top right corner to the search filter area.

- Bước 2: Người dùng nhập mã, tên thuốc để tìm kiếm, sau đó chọn vào bản ghi thuốc để thêm vào phiếu

Dashboard

Nhiệm vụ bán hàng...

Nhập hàng

Xuất hàng

Kiểm hàng

Danh mục thuốc

Báo cáo

Hồ sơ liên thông...

Danh mục

Kiểm hàng > Thêm mới

Nhập mã, tên sản phẩm để tìm kiếm... (F3)

| # | Số đăng ký   | Thuốc     | Số lô                      | Đơn vị tính | Quy cách đóng gói | Tồn trước kiểm | Tồn sau kiểm | Ch |
|---|--------------|-----------|----------------------------|-------------|-------------------|----------------|--------------|----|
| 1 | 893110492925 | Empatince | LOT-2026-0001 - 12/12/2029 | Viên        |                   | 91             | 91           |    |

Thông tin phiếu

Mã phiếu

Ngày kiểm kê

Chọn thời điểm

Ghi chú

Lưu nhập (F8) Hoàn thành (F9)

- Bước 3: Người dùng nhập thông tin phiếu
- Bước 4: Nhấn **Lưu nhập (F8)** để lưu nhập phiếu. Nhấn **Hoàn thành (F9)** để xác nhận thêm mới phiếu.

### 1.2.3.3. Chỉnh sửa phiếu

- Bước 1: Tại màn hình danh sách phiếu kiểm hàng, chọn **...** tại bản ghi phiếu cần chỉnh sửa
- Bước 2: Người dùng chọn **Sửa phiếu**

Dashboard

Nhiệm vụ bán hàng...

Nhập hàng

Xuất hàng

Kiểm hàng

Danh mục thuốc

Báo cáo

Hồ sơ liên thông...

Danh mục

Kiểm hàng > Sửa phiếu

Nhập mã, tên sản phẩm để tìm kiếm... (F3)

| # | Số đăng ký   | Thuốc     | Số lô                      | Đơn vị tính | Quy cách đóng gói | Tồn trước kiểm | Tồn sau kiểm | Ch |
|---|--------------|-----------|----------------------------|-------------|-------------------|----------------|--------------|----|
| 1 | 893110492925 | Empatince | LOT-2026-0001 - 12/12/2029 | Viên        |                   | 91             | 91           |    |

Thông tin phiếu

Mã phiếu \*

PKK2607001

Ngày kiểm kê

02/07/2026 14:34

Ghi chú

Hoàn thành (F9)

- Bước 3: Hệ thống hiển thị màn hình chi tiết thông tin phiếu, người dùng thực hiện chỉnh sửa thông tin
- Bước 4: Nhấn **Hoàn thành (F9)** để xác nhận sửa phiếu.

### 1.2.3.4. Huỷ phiếu

- Bước 1: Tại màn hình danh sách phiếu kiểm hàng, chọn **...** tại bản ghi phiếu muốn xoá.
- Bước 2: Người dùng chọn **Huỷ phiếu**
- Bước 3: Người dùng nhập lý do huỷ phiếu và nhấn xác nhận huỷ phiếu. Nhấn **Đóng** để huỷ bỏ thao tác.

### 1.2.3.5. Xóa phiếu

- Bước 1: Với những phiếu kiểm hàng đã huỷ, tại màn hình danh sách phiếu kiểm hàng, chọn **...** tại bản ghi phiếu muốn xoá

- Bước 2: Người dùng chọn **Xóa**
- Bước 3: Người dùng nhấn xác nhận xóa phiếu. Nhấn Đóng để hủy bỏ thao tác.

### 1.2.3.6. Xem chi tiết phiếu

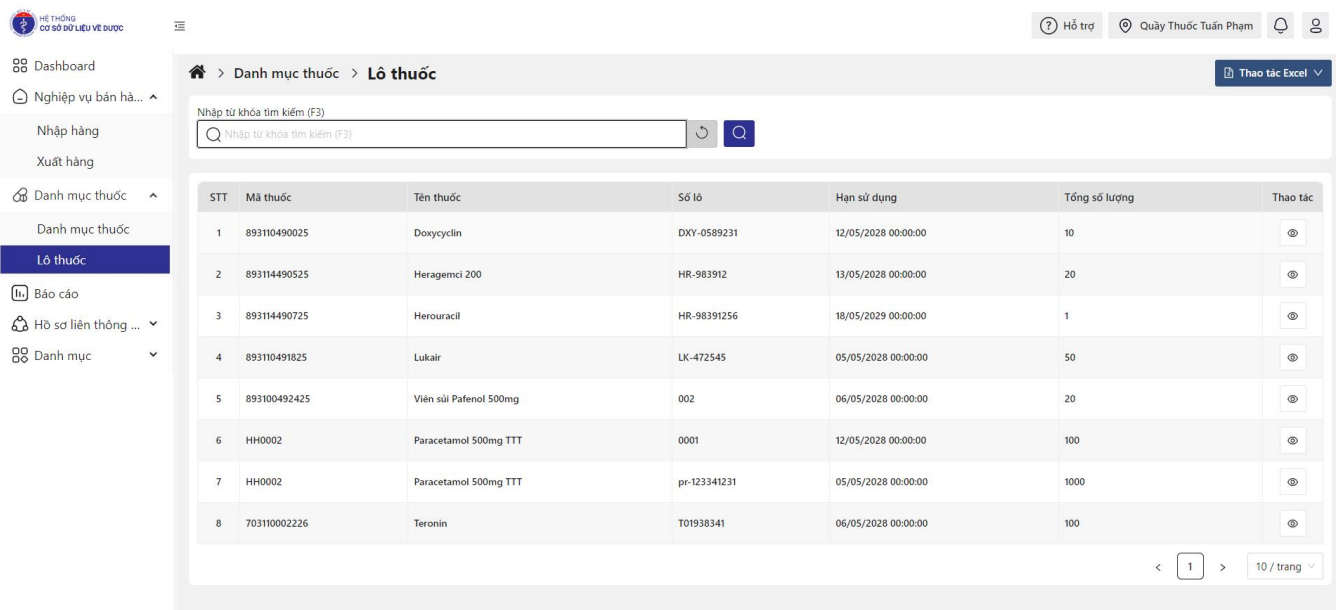
- Bước 1: Tại màn hình danh sách phiếu kiểm hàng, chọn  tại bản ghi phiếu cần xem chi tiết
- Bước 2: Hệ thống hiển thị màn hình chi tiết thông tin của phiếu

## 1.3. Danh mục lô thuốc

- Mục đích: Theo dõi danh sách các lô thuốc cơ sở đang quản lý và số lượng thuốc theo từng lô.

### 1.3.1. Xem danh sách lô thuốc

- Bước 1: Mở màn hình lô thuốc bằng cách nhấn chọn Danh mục thuốc > Lô thuốc



| STT | Mã thuốc     | Tên thuốc              | Số lô        | Hạn sử dụng         | Tổng số lượng | Thao tác                                                                              |
|-----|--------------|------------------------|--------------|---------------------|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 893110490025 | Doxycyclin             | DXY-0589231  | 12/05/2028 00:00:00 | 10            |  |
| 2   | 893114490525 | Heragemci 200          | HR-983912    | 13/05/2028 00:00:00 | 20            |  |
| 3   | 893114490725 | Herouracil             | HR-98391256  | 18/05/2029 00:00:00 | 1             |  |
| 4   | 893110491825 | Lukair                 | LK-472545    | 05/05/2028 00:00:00 | 50            |  |
| 5   | 893100492425 | Viên sủi Pafenol 500mg | 002          | 06/05/2028 00:00:00 | 20            |  |
| 6   | HH0002       | Paracetamol 500mg TTT  | 0001         | 12/05/2028 00:00:00 | 100           |  |
| 7   | HH0002       | Paracetamol 500mg TTT  | pr-123341231 | 05/05/2028 00:00:00 | 1000          |  |
| 8   | 703110002226 | Teronin                | T01938341    | 06/05/2028 00:00:00 | 100           |  |

- Bước 2: Tại màn hình danh sách lô thuốc, người dùng có thể tìm kiếm theo Mã thuốc, Tên thuốc, Số lô sau đó nhấn  để tìm kiếm
  - + Hệ thống hiển thị dữ liệu tìm kiếm thỏa mãn theo điều kiện tìm kiếm
  - + Hiển thị trống nếu không có dữ liệu thỏa mãn

### 1.3.2. Xem chi tiết lô thuốc

- Tại màn hình danh sách lô thuốc nhấn  tại lô thuốc cần xem chi tiết

HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU YẾU DƯỢC

Hỗ trợ Quay Thuốc Tuấn Phạm

Dashboard

Nhiệm vụ bán hàng...

Nhập hàng

Xuất hàng

Danh mục thuốc

Danh mục thuốc

**Lô thuốc**

Báo cáo

Hồ sơ liên thông ...

Danh mục

> Danh mục thuốc > **Lô thuốc**

Thao tác Excel

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

| STT | Mã thuốc     | Tên thuốc              | Số lô        | Hạn sử dụng         | Tổng số lượng | Thao tác |
|-----|--------------|------------------------|--------------|---------------------|---------------|----------|
| 1   | 893110490025 | Doxycyclin             | DXV-0589231  | 12/05/2028 00:00:00 | 10            |          |
| 2   | 893114490525 | Heragemci 200          | HR-983912    | 13/05/2028 00:00:00 | 20            |          |
| 3   | 893114490725 | Herouracil             | HR-98391256  | 18/05/2029 00:00:00 | 1             |          |
| 4   | 893110491825 | Lukair                 | LK-472545    | 05/05/2028 00:00:00 | 50            |          |
| 5   | 893100492425 | Viên sủi Pafenol 500mg | 002          | 06/05/2028 00:00:00 | 20            |          |
| 6   | HH0002       | Paracetamol 500mg TTT  | 0001         | 12/05/2028 00:00:00 | 100           |          |
| 7   | HH0002       | Paracetamol 500mg TTT  | pr-123341231 | 05/05/2028 00:00:00 | 1000          |          |
| 8   | 703110002226 | Terolin                | T01938341    | 06/05/2028 00:00:00 | 100           |          |

< 1 > 10 / trang

- Hệ thống hiển thị form chi tiết thông tin đơn thuốc

**CHI TIẾT LÔ THUỐC**

Mã thuốc: 893114490525

Tên thuốc: Heragemci 200

Số lô: HR-983912

Hạn sử dụng: 13/05/2028 00:00:00

Nước sản xuất: Việt Nam

Nhà sản xuất: Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera

Mã nhà sản xuất:

Tên cơ sở:

| STT | Tên cơ sở            | Số định danh cơ quan, tổ chức | Mã số thuế | Số lượng | Thao tác |
|-----|----------------------|-------------------------------|------------|----------|----------|
| 1   | Quầy Thuốc Tuấn Phạm | 2398012346                    | 2398012346 | 20       |          |

< 1 >

X Đóng (F10)

### 1.3.3. Xuất danh sách lô thuốc ra file Excel

- Tại màn hình danh sách lô thuốc nhấn nút

**Xuất excel**

Dashboard

Nhiệm vụ bán hàng...

Nhập hàng

Xuất hàng

Danh mục thuốc

Danh mục thuốc

Lô thuốc

Báo cáo

Hồ sơ liên thông...

Danh mục

Danh mục thuốc > Lô thuốc

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)

Thao tác Excel

Nhập từ excel

Xuất excel

| STT | Mã thuốc     | Tên thuốc              | Số lô        | Hạn sử dụng         | Tổng số lượng | Thao tác |
|-----|--------------|------------------------|--------------|---------------------|---------------|----------|
| 1   | 893110490025 | Doxycyclin             | DXY-0589231  | 12/05/2028 00:00:00 | 10            |          |
| 2   | 893114490525 | Heragemci 200          | HR-983912    | 13/05/2028 00:00:00 | 20            |          |
| 3   | 893114490725 | Herouracil             | HR-98391256  | 18/05/2029 00:00:00 | 1             |          |
| 4   | 893110491825 | Lukair                 | LK-472545    | 05/05/2028 00:00:00 | 50            |          |
| 5   | 893100492425 | Viên sủi Pafenol 500mg | 002          | 06/05/2028 00:00:00 | 20            |          |
| 6   | HH0002       | Paracetamol 500mg TTT  | 0001         | 12/05/2028 00:00:00 | 100           |          |
| 7   | HH0002       | Paracetamol 500mg TTT  | pr-123341231 | 05/05/2028 00:00:00 | 1000          |          |
| 8   | 703110002226 | Teronin                | T01938341    | 06/05/2028 00:00:00 | 100           |          |

10 / trang

- Hệ thống xuất dữ liệu danh sách lô thuốc và lưu về máy dưới dạng file .xlsx

| Mã thuốc     | Tên thuốc              | Số lô        | Hạn sử dụng         | Số lượng | Nước sản xuất | Nhà sản xuất                                                                  |
|--------------|------------------------|--------------|---------------------|----------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 893110490025 | Doxycyclin             | DXY-0589231  | 12/05/2028 00:00:00 | 10       | Viet Nam      | Chỉ nhánh công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dược phẩm Thành Nam tại Bình Dương |
| 893114490525 | Heragemci 200          | HR-983912    | 13/05/2028 00:00:00 | 20       | Viet Nam      | Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera                                              |
| 893114490725 | Herouracil             | HR-98391256  | 18/05/2029 00:00:00 | 1        | Viet Nam      | Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera                                              |
| 893110491825 | Lukair                 | LK-472545    | 05/05/2028 00:00:00 | 50       | Viet Nam      | Công ty TNHH United International Pharma                                      |
| 893100492425 | Viên sủi Pafenol 500mg | 002          | 06/05/2028 00:00:00 | 20       | Viet Nam      | Công ty trách nhiệm hữu hạn Kingphar Group                                    |
| HH0002       | Paracetamol 500mg TTT  | 0001         | 12/05/2028 00:00:00 | 100      | Viet Nam      |                                                                               |
| HH0002       | Paracetamol 500mg TTT  | pr-123341231 | 05/05/2028 00:00:00 | 1000     | Viet Nam      |                                                                               |
| 703110002226 | Teronin                | T01938341    | 06/05/2028 00:00:00 | 100      | Viet Nam      |                                                                               |

#### 1.4. Quản lý hồ sơ liên thông

- Mục đích: Chức năng cho phép cơ sở kinh doanh Dược theo dõi kết và tra cứu kết quả đồng bộ dữ liệu từ phần mềm bán thuốc lên hệ thống Cơ sở dữ liệu dược
- Người dùng có thể thực hiện theo các bước sau để theo dõi kết quả quản lý liên thông
  - + Bước 1: Truy cập màn hình Hồ sơ liên thông API > Quản lý hồ sơ liên thông API



**Hồ sơ liên thông API**

Ngày liên thông từ ngày: 01/07/2026 Đến ngày: 31/07/2026 Trạng thái xử lý: --Chọn-- Loại tiếp nhận: --Chọn--

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3):  Nhập mã giao dịch, tên tài khoản để tìm kiếm (F3)

| STT | Loại tiếp nhận | Mã giao dịch                         | HTTP Method | Tên cơ sở           | Tài khoản    | Địa chỉ IP     | Trạng thái xử lý | Chi tiết lỗi                                                                | Thời gian thực hiện | Thao tác |
|-----|----------------|--------------------------------------|-------------|---------------------|--------------|----------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------|
| 1   | Xuất hàng      | 506d223a-6c80-4a75-487f-e6a853dade12 | POST        | Quầy thuốc Thu Hiền | 202605210600 | 118.70.182.107 | Thất bại         | Chưa nhập phiếu tồn đầu kỳ.                                                 | 13/07/2026 18:01    | ...      |
| 2   | Xuất hàng      | 506d223a-986a-64b6-3e0e-4dd16a421971 | POST        | Quầy thuốc Thu Hiền | 202605210600 | 118.70.182.107 | Thất bại         | Chưa nhập phiếu tồn đầu kỳ.                                                 | 13/07/2026 18:01    | ...      |
| 3   | Xuất hàng      | 506d223a-1851-1dc1-545e-b7b925bab2c0 | POST        | Quầy thuốc Thu Hiền | 202605210600 | 118.70.182.107 | Thất bại         | Chưa nhập phiếu tồn đầu kỳ.                                                 | 13/07/2026 18:01    | ...      |
| 4   | Nhập hàng      | 506d223a-e838-476d-bb21-562538903685 | POST        | Quầy thuốc Thu Hiền | 202605210600 | 118.70.182.107 | Hoàn thành       |                                                                             | 13/07/2026 18:01    | ...      |
| 5   | Nhập hàng      | 4d6d223a-3479-f0ed-ad98-036f21f2310e | POST        | Quầy thuốc Thu Hiền | 202605210600 | 118.70.182.107 | Dữ liệu gửi lỗi  | Mã đơn vị tính không được để trống.                                         | 13/07/2026 17:58    | ...      |
| 6   | Xuất hàng      | 4b6d223a-d0ee-93ef-e04b-6a6e8653f6bc | POST        | Quầy thuốc Thu Hiền | 202605210600 | 118.70.182.107 | Dữ liệu gửi lỗi  | Mã định danh thuốc không được để trống. Mã đơn vị tính không được để trống. | 13/07/2026 17:56    | ...      |
| 7   | Xuất hàng      | 806c223a-20af-18ac-ed3a-2380a1afa263 | POST        | Quầy thuốc Thu Hiền | 202605210600 | 118.70.182.107 | Thất bại         | Chưa nhập phiếu tồn đầu kỳ.                                                 | 13/07/2026 14:14    | ...      |

+ Bước 2: Người dùng có thể lọc dữ liệu liên thông theo các tiêu chí

- Khoảng thời gian
- Trạng thái xử lý
- Loại tiếp nhận
- Mã giao dịch

**Hồ sơ liên thông API**

Ngày liên thông từ ngày: 01/07/2026 Đến ngày: 31/07/2026 Trạng thái xử lý: --Chọn-- Loại tiếp nhận: --Chọn--

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3):  Nhập mã giao dịch, tên tài khoản để tìm kiếm (F3)

| STT | Loại tiếp nhận | Mã giao dịch                         | HTTP Method | Tên cơ sở           | Tài khoản    | Địa chỉ IP     | Trạng thái xử lý | Chi tiết lỗi                                                                | Thời gian thực hiện | Thao tác |
|-----|----------------|--------------------------------------|-------------|---------------------|--------------|----------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------|
| 1   | Xuất hàng      | 506d223a-6c80-4a75-487f-e6a853dade12 | POST        | Quầy thuốc Thu Hiền | 202605210600 | 118.70.182.107 | Thất bại         | Chưa nhập phiếu tồn đầu kỳ.                                                 | 13/07/2026 18:01    | ...      |
| 2   | Xuất hàng      | 506d223a-986a-64b6-3e0e-4dd16a421971 | POST        | Quầy thuốc Thu Hiền | 202605210600 | 118.70.182.107 | Thất bại         | Chưa nhập phiếu tồn đầu kỳ.                                                 | 13/07/2026 18:01    | ...      |
| 3   | Xuất hàng      | 506d223a-1851-1dc1-545e-b7b925bab2c0 | POST        | Quầy thuốc Thu Hiền | 202605210600 | 118.70.182.107 | Thất bại         | Chưa nhập phiếu tồn đầu kỳ.                                                 | 13/07/2026 18:01    | ...      |
| 4   | Nhập hàng      | 506d223a-e838-476d-bb21-562538903685 | POST        | Quầy thuốc Thu Hiền | 202605210600 | 118.70.182.107 | Hoàn thành       |                                                                             | 13/07/2026 18:01    | ...      |
| 5   | Nhập hàng      | 4d6d223a-3479-f0ed-ad98-036f21f2310e | POST        | Quầy thuốc Thu Hiền | 202605210600 | 118.70.182.107 | Dữ liệu gửi lỗi  | Mã đơn vị tính không được để trống.                                         | 13/07/2026 17:58    | ...      |
| 6   | Xuất hàng      | 4b6d223a-d0ee-93ef-e04b-6a6e8653f6bc | POST        | Quầy thuốc Thu Hiền | 202605210600 | 118.70.182.107 | Dữ liệu gửi lỗi  | Mã định danh thuốc không được để trống. Mã đơn vị tính không được để trống. | 13/07/2026 17:56    | ...      |
| 7   | Xuất hàng      | 806c223a-20af-18ac-ed3a-2380a1afa263 | POST        | Quầy thuốc Thu Hiền | 202605210600 | 118.70.182.107 | Thất bại         | Chưa nhập phiếu tồn đầu kỳ.                                                 | 13/07/2026 14:14    | ...      |

+ Bước 3: Người dùng nhấn chọn thao tác Xem chi tiết để xem thông tin chi tiết API đã liên thông



HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỆ DƯỢC

Dashboard  
 Nghiệp vụ bán hàng...  
 Danh mục thuốc...  
 Báo cáo  
 Hồ sơ liên thông...  
**Quản lý hồ sơ liên t...**  
 Thống kê hồ sơ liên...  
 Danh mục

Hồ sơ liên thông API

Ngày liên thông từ ngày: 01/07/2026 Đến ngày: 31/07/2026 Trạng thái xử lý: --Chọn-- Loại tiếp nhận: --Chọn--

Nhập từ khóa tìm kiếm (F3)  
 Nhập mã giao dịch, tên tài khoản để tìm kiếm (F3)

| STT | Loại tiếp nhận | Mã giao dịch                         | HTTP Method | Tên cơ sở           | Tài khoản    | Địa chỉ IP     | Trạng thái xử lý | Chi tiết lỗi                                                                | Thời gian thực hiện | Thao tác |
|-----|----------------|--------------------------------------|-------------|---------------------|--------------|----------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------|
| 1   | Xuất hàng      | 506d223a-6c80-4a75-487f-e6a853daded2 | POST        | Quầy thuốc Thu Hiền | 202605210600 | 118.70.182.107 | Thất bại         | Chưa nhập phiếu tồn đầu kỳ.                                                 | 13/07/2026 18:01    | Chi tiết |
| 2   | Xuất hàng      | 506d223a-986a-64b6-3e0e-4dd6a421971  | POST        | Quầy thuốc Thu Hiền | 202605210600 | 118.70.182.107 | Thất bại         | Chưa nhập phiếu tồn đầu kỳ.                                                 | 13/07/2026 18:01    | Chi tiết |
| 3   | Xuất hàng      | 506d223a-1851-1dc1-545e-b7b925bab2c0 | POST        | Quầy thuốc Thu Hiền | 202605210600 | 118.70.182.107 | Thất bại         | Chưa nhập phiếu tồn đầu kỳ.                                                 | 13/07/2026 18:01    | Chi tiết |
| 4   | Nhập hàng      | 506d223a-e838-476d-bb21-562538903685 | POST        | Quầy thuốc Thu Hiền | 202605210600 | 118.70.182.107 | Hoàn thành       |                                                                             | 13/07/2026 18:01    | Chi tiết |
| 5   | Nhập hàng      | 4d6d223a-3479-f0ed-ad98-036f21f2310e | POST        | Quầy thuốc Thu Hiền | 202605210600 | 118.70.182.107 | Dữ liệu gửi lỗi  | Mã đơn vị tính không được để trống.                                         | 13/07/2026 17:58    | Chi tiết |
| 6   | Xuất hàng      | 4b6d223a-d0ee-93ef-e04b-6a6e853f6bc  | POST        | Quầy thuốc Thu Hiền | 202605210600 | 118.70.182.107 | Dữ liệu gửi lỗi  | Mã định danh thuốc không được để trống. Mã đơn vị tính không được để trống. | 13/07/2026 17:56    | Chi tiết |
| 7   | Xuất hàng      | 806c223a-20af-18ac-ed3a-2380a1afa263 | POST        | Quầy thuốc Thu Hiền | 202605210600 | 118.70.182.107 | Thất bại         | Chưa nhập phiếu tồn đầu kỳ.                                                 | 13/07/2026 14:14    | Chi tiết |

Hệ thống hiển thị chi tiết thông tin request body và lỗi (nếu có) khi liên thông

XEM CHI TIẾT HỒ SƠ LIÊN THÔNG API

Mã giao dịch: 506d223a-6c80-4a75-487f-e6a853daded2  
 Trạng thái xử lý: Thất bại  
 Path: /transactions/stock-out  
 Tài khoản: 202605210600  
 Ghi chú:

Request

```

1 {
2   "transaction_date": "2026-07-13T18:00:00",
3   "reason": "sale-retail",
4   "supplier_id": null,
5   "source_store_id": "682",
6   "source_warehouse_id": "1184",
7   "target_store_id": null,
8   "target_warehouse_id": null,
9   "reference_number": "HD2607005",
10  "note": null,
11  "items": [
12    {
13      "drug_id": "893100379125",
14      "unit_id": "DVT0001",
15      "quantity": 9,
16      "batch_no": "123",
17      "expiry_date": "2027-07-17T00:00:00",
18      "manufacturer": {
19        "id": null,
20        "name": "Hàng mẫu không có tên",
21        "address": "Hàng mẫu không có địa chỉ"
22      }
23    }
24  ]
25 }
  
```

Chi tiết lỗi

```

1 {
2   "MãGiaoDich": "506d223a-6c80-4a75-487f-e6a853daded2",
3   "ThờiGianTiếpNhan": "2026-07-13T18:01:31.385655"
4 }
  
```

Chi tiết lỗi:

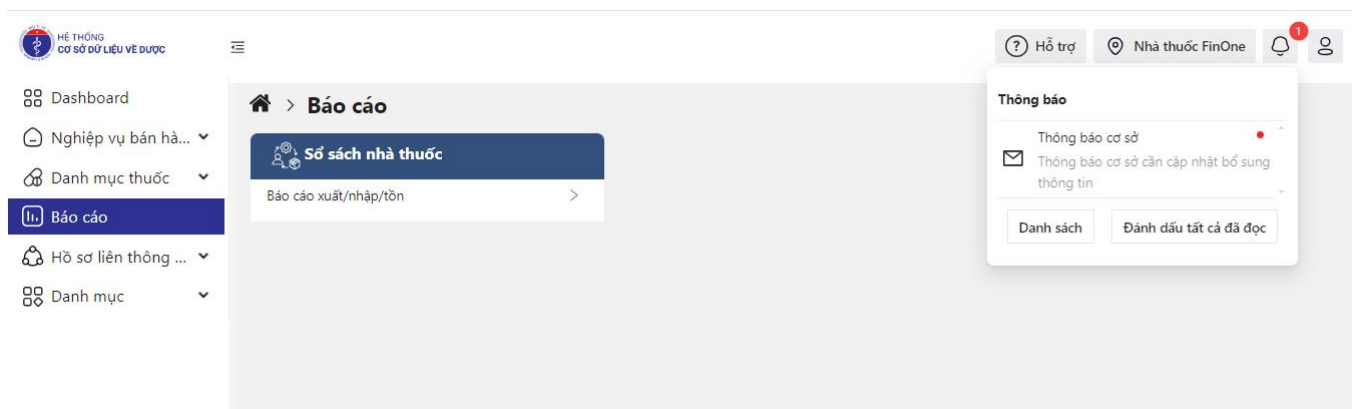
```

1 Chưa nhập phiếu tồn đầu kỳ.
  
```

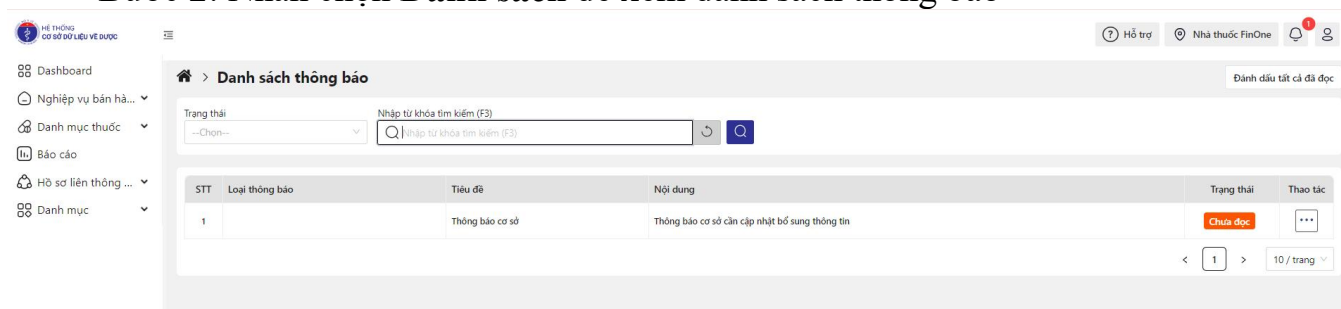
Đóng lại

## 1.5. Quản lý thông báo

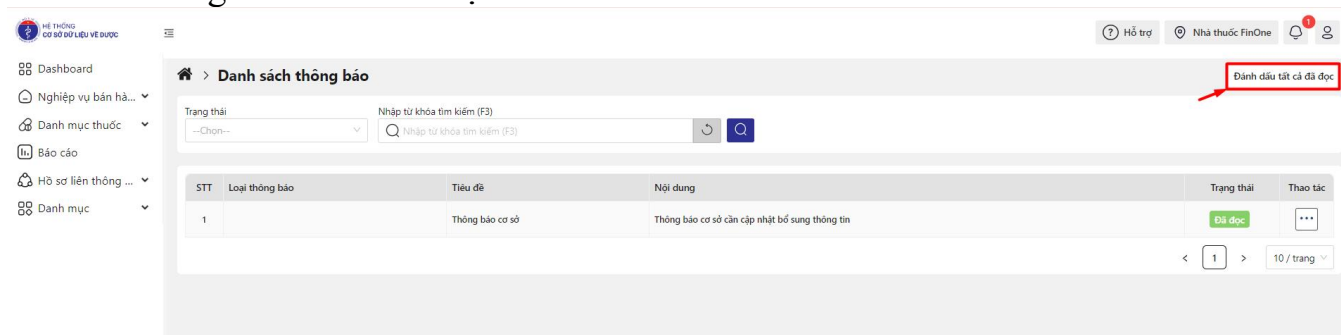
- Mục đích: Chức năng cho phép cơ sở kinh doanh Dược nhận và xem thông báo từ cơ quan quản lý và thực hiện các thao tác:
  - + Tra cứu thông báo
  - + Xem danh sách thông báo đã nhận
  - + Đánh dấu thông báo đã đọc/chưa đọc
  - + Xem chi tiết thông báo.
- Người dùng thực hiện các bước sau để xem và tra cứu thông báo:
  - Bước 1: Tại góc phải màn hình, người dùng nhấn chọn 



- Bước 2: Nhấn chọn **Danh sách** để xem danh sách thông báo



- Bước 3: Nhấn chọn **Danh sách** để xem danh sách thông báo
- Bước 4: Tại  chọn Xem chi tiết để xem chi tiết thông báo Chọn Đánh dấu đã đọc để cập nhật trạng thái thông báo thành Đã đọc.
- Bước 5: Chọn button Đánh dấu tất cả đã đọc để cập nhật trạng thái của tất cả thông báo thành Đã đọc.



## 1.6. Hỗ trợ sử dụng

Các đơn vị có nhu cầu được hỗ trợ trong quá trình sử dụng Hệ thống vui lòng liên hệ số điện thoại đường dây nóng: 19008255 hoặc email [nhic.hotro@moh.gov.vn](mailto:nhic.hotro@moh.gov.vn)